



Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ bút: **Vĩnh Hào**

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**

Hình bìa: **Hồ Bích Hợp**

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo / Phát hành:

(714) 266-4171

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mọi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy scan và gửi bằng electronic file qua email:

baivochanhphap@gmail.com

Trân trọng cảm ơn.

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP

11502 Daniel Ave.

Garden Grove, CA 92840

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 3
- **CHA LÀ..., NGHĨ VỀ CHA** (thơ Trần Hoàng Vy), trang 6
- **NGHIÊN CỨU THỨC THỨ TÁM**, t.t. (HT. Thích Thắng Hoan dịch), trang 7
- **GIỮA ĐỘI BÒ TỈNH THỨC, CHẬM CHẬM THÔI...** (thơ Tôn Nữ Mỹ Hạnh), trang 10
- **SEN NỞ TRONG LÒ LỬA VẪN TƯƠI** (Nguyễn Thế Đăng), trang 11
- **PHẬT ĐẢN MIỀN ĐÔNG BẮC HOÀ KỲ** (ĐNT Tín Nghĩa), tr. 12
- **NGỌC BÁU TRONG ÁO** (thơ TM Ngổ Tăng Giao), trang 16
- **NHƯ LAI - BẮC NÓI LỜI CHÂN THẬT** (Quảng Tánh), trang 17
- **THÀNH KÍNH PHÂN ƯU: BÁC SĨ NGUYỄN Ý ĐỨC MÀN PHÂN** (BBT Chánh Pháp), trang 18
- **CHIẾN TRANH VÀ BẤT BẠO ĐỘNG**, t.t. (HT. Thích Quảng Độ dịch), trang 19
- **LỤC BÁT VỚI SÁCH** (thơ Vĩnh Hữu Tâm Không), trang 22
- **THỘNG BÁO SỐ 2 VỀ AN CƯ KIỆT HA VÀ ĐẠI HỘI THƯỜNG NIÊN PL 2566** (HDDH), trang 23
- **ĐI TỨC LÀ TRỞ VỀ, TÂM** (thơ Diệu Viên), trang 24
- **BÁT CHÁNH ĐẠO – CON ĐƯỜNG ĐƯA ĐẾN CHẤM DỨT ĐAU KHỔ**, t.t. (Bhikkhu Bodhi - Thích Tâm Hạnh & Cs. Tâm Cảnh dịch), tr. 25
- **DƯỚI BÓNG MÂY** (thơ Lý Thừa Nghiệp), trang 27
- **THIỆN TÌNH THỨC VỚI VÔ NGÃ** (Nguyên Giác), trang 28
- **CON ĐAO TRONG TÂM – Phật Pháp Thứ Năm** (Nhóm Áo Lam), trang 30
- **NGÀY THẾ GIỚI THIỀN...** (Huỳnh Kim Quang), trang 31
- **BỐN CON RỐI** (Truyện cổ Phật giáo), trang 34
- **VAI TRÒ CỦA TRUYỀN THÔNG VỚI SỨC KHỎE QUẦN CHÚNG** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 39
- **THE STORY OF AN EX-BHIKKHU** (Daw Tin), trang 41
- **SONOMAMA** (Huệ Trân), trang 42
- **CÔ GÁI UKRAINE XINH ĐẸP** (thơ Thanh Nguyễn), trang 43
- **ĐẠO PHẬT VÀ NHÂN QUYỀN TRONG LỊCH SỬ VN**, t.t. (Tạ Văn Tài), trang 44
- **BÍ ĐẠO NƯỚNG NGŨ VỊ CHAY** (Bích Việt), trang 48
- **TRUYỆN CỤC NGẪN** (Steven N), trang 49
- **NGÓN TAY CHỢT BUỒN** (thơ Thy An), trang 50
- **TÌM HIỂU KHÁI QUÁT VỀ "A-LẠI-DA THỨC"** (TN Hằng Như), trang 51
- **ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN TẠI CHÙA BÁT NHÁ, CALIFORNIA** (Thanh Huy), trang 54
- **"CỐI TÂM VÀO CỐI LỜI" CỦA HUỲNH KIM QUANG** (Tâm Thường Định), trang 56
- **NƠI NÀO LẠNH NHẤT** (thơ Hạnh Chi), trang 57
- **KIỆN TRÌ TU TẬP ĐẸP BÓT "CÁI TÀ"** (TL Đào Mạnh Xuân), trang 58
- **SUỐI NGUỒN VI DIỆU TAY NGƯỜI TRỞ HOA** (thơ Nguyễn An Bình), trang 59
- **PHƯỢNG THẨM HÈ XƯA...** (thơ Hoàng Thục Uyên), trang 60
- **NGŨ THOÁT – chương 13**, t.t. (truyện dài Vĩnh Hào), trang 61



Báo Chánh Pháp số 127, tháng 06.2022, do Chùa Phật Tổ (Long Beach, CA) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

KHÔNG SỢ ĐIỀU CHƯA BIẾT

Màu trời xanh biếc. Nắng mai ngập trên sân cỏ và những lối đi ngoằn ngoèo của khu xóm. Những cành phượng vươn lên, trĩu đầy hoa, che khuất đi những nhánh lá đang còn xanh tươi, khiến cho nhìn từ xa, chỉ thấy một màu tím. Hai chú sóc liến thoắng rượt đuổi nhau từ nhánh này qua nhánh kia trong khi con quạ già trên cây không buồn dịch chuyển. Bên cửa sổ nhìn ra, lão già chống cằm trầm ngâm ý tứ cho một bài thơ chưa có câu đầu. Nhưng mọi thứ thực sự đã bắt đầu từ lâu. Những gì đang hiển hiện chỉ là những chớp lòe liên tục nối nhau trong dòng chảy xiết của nhân-duyên-quả.

Gã thanh niên dắt chó đi dạo hóa ra là cậu bé học mẫu giáo của hai mươi năm trước. Năm ấy cậu còn ngại ngần gõ cửa xin được nhặt trái banh rớt vào sân sau của nhà lão già. Bẵng đi một thời gian không thấy cậu ra vào; giờ đã thành chàng trai cao lớn, rậm râu.

Cô bé đương độ tuổi mới lớn, ở dãy nhà đối diện thường vắc ba-lô đi học mỗi sáng, mấy năm nay cũng không thấy quay lại, có lẽ vì đã ra trường, đi làm, lập gia đình ở một thành phố nào đó.

Con mèo tam thể thường nằm phơi nắng trước căn nhà đầu góc, năm nay không thấy nữa, thay vào chỗ đó là một con ếch bằng đồng.

Căn nhà nằm xéo phía bên phải thì cũng đã thay đổi chủ mấy lần. Giờ chẳng biết ai là chủ nhân. Thịnh thoàng đi bộ ngang đó, nghe tiếng chó sủa từ trong.

Đổi thay xảy ra trong từng khoảnh khắc chứ không phải ở khoảng cách một năm, năm năm, hai mươi năm. Trong diễn trình sinh-diệt liên tục của một vật thể, sự thể, thời gian có vẻ trôi chậm đối với cậu bé; và lướt qua thật nhanh đối với lão già. Tuổi già, như hình ảnh thường được ví, đi về hướng tương lai bằng cuộc trở dốc sau khi lên đến đỉnh đồi. Có một trạng thái hay cảnh giới mơ hồ đang chờ đợi trước mắt. Cái mơ hồ, bất định ấy làm người ta sợ hãi, lo âu. Trong tâm lý học, có thuật ngữ "sợ cái chưa biết" (fear of the unknown), "không chịu đựng nổi điều chưa chắc chắn" (intolerance of uncertainty) để diễn tả nỗi sợ hãi bất an trước người lạ, hoặc đối với điều mà người ta chưa biết đến, hoặc thiếu thông tin về nó.

Cái chết là một trong những nỗi sợ phổ thông nhất của con người. Mặc dù ai cũng hiểu chết là gì qua sách vở, lời kể, và chứng kiến tận mắt cái chết của người thân, của người khác, nhưng chưa ai thực sự trải nghiệm cái chết. Vì vậy mà sợ. Sợ cái chưa biết. Chưa biết vì chưa trải qua.

Đạo Phật dạy cách vượt qua sống-chết – thoát ly sinh-tử. Có nhiều phương cách phù hợp với mọi trình độ và căn cơ, hoàn cảnh của mỗi người. Nhưng cách căn bản, dễ nhận thức, dễ thực hiện nhất để không còn sợ hãi sanh-lão-bệnh-tử ngay trong kiếp sống hiện tại là, không làm những điều xấu-ác, đồng thời tích cực thực hiện những điều lành trong cả ý nghĩ, lời nói và hành động.

Có những điều chúng ta chưa biết, chưa chắc chắn ở tương lai và đời sau, nhưng nguyên lý nhân-quả là lẽ tự nhiên, tất định, không thể sai khác; ai cũng có thể suy nghiệm, hiểu biết và tin vào. Vì vậy, khi một người chỉ tâm tâm niệm niệm tránh xa các điều ác, tận tụy làm những điều lành, sẽ nắm chắc hạnh phúc an vui trong hiện tại, trong tương lai gần, tương lai xa, mà không cần phải tìm hiểu cảnh giới nào sẽ chờ đón mình. Người thiện sẽ đi về cảnh giới thiện. Mạnh dạn bước tới, không sợ hãi, âu lo.

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

ĐÀI LOAN - UKRAINE: Hội Phật giáo Từ Tế đóng góp 10 triệu USD cho nỗ lực của UNICEF để cứu trợ trẻ em bị ảnh hưởng bởi chiến tranh ở Ukraine

Hội Phật giáo Từ Tế, tổ chức từ thiện và nhân đạo có trụ sở tại Đài Loan, đã tài trợ 10 triệu USD để hỗ trợ UNICEF đối phó với cuộc khủng hoảng người tị nạn ngày càng gia tăng do Nga liên tục xâm lược Ukraine.

"Cuộc chiến ở Ukraine là một cuộc khủng hoảng trẻ em. Mỗi ngày, càng có nhiều trẻ em rời bỏ nhà, bỏ lại tất cả những gì thân quen để tìm kiếm sự an toàn trong tuyệt vọng", Hội Từ Tế dẫn lời Carla Haddad Mardini, Giám đốc Bộ phận Gây quỹ và Đối tác Tư nhân của UNICEF tại Geneva (Thụy Sĩ), cho biết. "Khi tình hình nhân đạo tiếp tục xấu đi, sự hỗ trợ từ Tổ chức Phật giáo Từ Tế sẽ giúp chúng tôi có thể tiếp cận thêm nhiều trẻ em và gia đình vốn cần sự giúp đỡ của chúng tôi."

Sự hỗ trợ này của Hội Từ Tế dành cho UNICEF diễn ra sau khi Hội khởi động sáng kiến viện trợ nhân đạo của riêng mình vào tháng 3, mang tên "Tình yêu và lòng trắc ẩn cho Ukraine"- thông qua đó, Hội đặt mục tiêu cung cấp các nguồn tiếp tế thiết yếu cho các cá nhân và gia đình chạy trốn khỏi cuộc chiến.

Công việc của Hội Phật giáo Từ Tế dành cho người dân Ukraine bao gồm phân phối các nguồn cung cấp thiết yếu cho các gia đình tị nạn trên 3 thành phố ở Ba Lan, cũng như cung cấp cho họ cơ hội tiếp cận với

dịch vụ chăm sóc tâm lý xã hội và tình cảm-tinh thần. Hội cho biết họ đặt mục tiêu mở rộng sáng kiến cứu trợ này cho hơn 15,000 cá nhân vào cuối tháng Sáu.

(Buddhistdoor Global – May 3, 2022)

HOA KỲ: Động thổ Trung tâm Thư viện và Học tập Đạt lai Lạt ma ở New York

Vào ngày 29-4-2022, các nhà sư Phật giáo, cùng với các quan chức địa phương và những người ủng hộ Viện Nghiên cứu Phật học của Tu viện Namgyal, đã động thổ Trung tâm Thư viện và Học tập Đạt lai Lạt ma mới ở Ithaca, New York.

Trung tâm này sẽ lưu giữ các tác phẩm hoàn chỉnh bằng văn bản của Đạt Lai Lạt Ma hiện tại, cũng như các tác phẩm của tất cả các vị Đạt Lai Lạt Ma trước đó. Trung tâm thư viện và học tập mới sẽ nâng cao vị thế của tu viện như một điểm đến của cộng đồng Phật giáo toàn cầu.

Đức Đạt lai Lạt ma đã chọn địa điểm này trong một chuyến viếng thăm vào năm 2016. Tu viện Namgyal là đạo tràng Bắc Mỹ của Đức Đạt lai Lạt ma. Dự án đã thu hút được khoảng 5 triệu USD tài trợ từ những người ủng hộ trên khắp thế giới sau khi lời kêu gọi được đưa ra vào tháng 6 năm ngoái.

Cùng với thư viện, trung tâm sẽ có một viện bảo tàng dành riêng chủ yếu cho cuộc đời và các hoạt động của Đức Đạt lai Lạt ma hiện tại. Các hiện vật mô tả lịch sử Phật giáo ở Ấn Độ và Tây Tạng cũng sẽ được trưng bày.

(Buddhistdoor Global – May 4, 2022)

Poster sáng kiến viện trợ nhân đạo của Hội Từ Tế mang tên "Tình yêu và lòng trắc ẩn cho Ukraine"

Photo: Tzu Chi Foundation



Lễ động thổ Trung tâm Thư viện và Học tập Đạt lai Lạt ma ở New York

Photo: ithacavoice.com

SINGAPORE: Liên đoàn Phật giáo Singapore tặng đồ gia dụng, nước rửa tay cho tổ chức từ thiện thuộc Hội đồng Hồi giáo (Muis)

Liên đoàn Phật giáo Singapore (SBF) đã quyên góp 100 phần thiết bị điện gia dụng và 30 thùng nước rửa tay cho một tổ chức từ thiện thuộc Hội đồng Tôn giáo Hồi giáo Singapore (Muis).

Các mặt hàng này sẽ được Hội Rahmatan Lil Alamin (RLAF) phân phối cho các gia đình người Mã Lai/Hồi giáo có thu nhập thấp.

Giám đốc điều hành RLAF Muhammad Faizal Othman đã nhận khoản quyên góp này trong lễ kỷ niệm Ngày lễ Vesak của SBF vào Chủ nhật (1-5-2022).

Phát biểu tại sự kiện, Thượng tọa Seck Kwang Phing, chủ tịch SBF cho biết giáo lý Phật giáo đã được truyền bá rộng rãi trong hơn 2,560 năm. Nhưng một số cách hiểu sai, trình bày sai và những giáo lý lệch lạc đã nảy sinh.

Ông cho biết sự kiện Ngày lễ Vesak, diễn ra vào ngày 15-5 năm nay, sẽ giải quyết vấn đề này và tạo cơ hội cho những ai muốn tìm hiểu giáo lý chân chính của Đức Phật.

(straitstimes.com – May 1, 2022)



CAM BỐT: Ủy ban Tổ chức Lễ hội Quốc gia và Quốc tế hướng dẫn việc kỷ niệm Ngày Visak Bochea

Ủy ban Tổ chức Lễ hội Quốc gia và Quốc tế đã tham mưu cho các bộ, ngành, chính quyền thủ đô và các tỉnh cử lãnh đạo, công chức và người dân tham gia kỷ niệm Ngày Visak Bochea, rơi vào ngày 15-5-2022, để tưởng nhớ ngày Đức Phật đản sinh, giác ngộ và nhập diệt.

Ủy ban cũng hướng dẫn họ treo cờ quốc gia và tôn giáo và biểu ngữ có khẩu hiệu tại các cơ sở của họ và ở những nơi công cộng nổi bật.

Một lá thư ngày 26-4 do Kong Sam Ol, Bộ trưởng Bộ Cung điện Hoàng gia - đồng thời là chủ tịch ủy ban - đưa ra khuyến họ nên cử hành lễ Visak Bochea phù hợp với mong muốn của Quốc vương Norodom Sihamoni.

Bức thư cho biết ủy ban - phối hợp với một số bộ ngành - sẽ tổ chức ngày lễ truyền thống này tại khu phức hợp Phnom Preah Reach Troap, hay còn được gọi là Phnom Oudong, ở huyện Ponhea Leu của tỉnh Kandal.

Phos Sovann, người đứng đầu Tổng cục Thông tin và Phát thanh Truyền hình của Bộ Thông tin, cho biết Bộ đã khuyến nghị các phương tiện truyền thông phát sóng lễ Visak Bochea, giống như tất cả các sự kiện quốc gia, bao gồm Meak Bochea và sinh nhật của Quốc vương. Đài Truyền hình Quốc gia Cam Bốt (TVK) và các đài phát thanh quốc gia luôn phát sóng lễ kỷ niệm Visak Bochea.

(tipitaka.net - May 2, 2022)



Năm 2020: Phật tử cúng dường một nhà sư các vật phẩm trong ngày Visak Bochea tại quận Meanchey của thủ đô Phnom Penh, Cam Bốt
Photo: Hong Menea

HOA KỲ: Đại học Yale trả lại cho Nepal tác phẩm điêu khắc Đa la Quán thế âm

New Haven, Connecticut - Phòng trưng bày Nghệ thuật Đại học Yale đã hoàn thành kế hoạch trả lại tác phẩm điêu khắc một Phật bà cho Nepal, trường đại học cho biết vào ngày 6-5-2022. Sự hoàn trả này là sự kiện mới nhất trong một loạt các cuộc hồi hương về bảo tàng của các hiện vật của Nepal.

Đại học Yale có được hiện vật nói trên vào năm 2015, mặc dù chưa bao giờ tiết lộ người hiến tặng là ai. Quyết định đưa tác phẩm này về cố hương Nepal là một "sự hợp tác" được thực hiện song song với chính phủ nước này vào năm ngoái, Giám đốc bảo tàng, Stephanie Wiles, cho biết.

Bishnu Prasad Gautam, quyền tổng lãnh sự Nepal, phát biểu rằng sự trả lại tác phẩm điêu khắc này "sẽ giúp Nepal bảo tồn lịch sử và văn hóa của mình và cũng hỗ trợ các nỗ lực quốc gia để khôi phục và phục hồi các tài sản văn hóa đã mất."

Hiện vật này, một tác phẩm điêu khắc của Đa la Quán thế âm (Tara) có niên đại từ cuối thế kỷ thứ 9 hoặc đầu thế kỷ thứ 10 sau Công nguyên, đến từ Chùa Bir Bhadreshwor Mahadev ở huyện Bhaktapur, Nepal.

(artgallery.yale.edu - May 6, 2022)



Tác phẩm điêu khắc Đa la Quán thế âm

Photo: artgallery.yale.edu

INDONESIA: Các Phật tử Indonesia tổ chức lễ Vesak tại chùa Borobudur

Các tín đồ Phật giáo ở Indonesia đã công bố kế hoạch tổ chức lễ Phật Đản (Vesak) tại chùa Borobudur mang tính biểu tượng trong năm nay. Sự kiện sẽ diễn ra vào ngày 14 đến 15-5 sau hai năm không tổ chức trực tiếp do đại dịch COVID-19. Số lượng người tham dự sẽ bị giới hạn như một phần của các biện pháp phòng ngừa liên tục. Đại lễ Vesak năm nay có chủ đề "Con đường Trí tuệ hướng tới Hạnh phúc Đích thực".

Ngày 12-5, Tanto Soegito Harsono, điều phối viên sự kiện cho Ngày Vesak Phật lịch 2566, cho biết: "Thông qua chủ đề này, chúng tôi muốn khắc họa thông điệp rằng chúng ta phải luôn tử bi với người khác bất chấp đại dịch. Và chúng tôi hy vọng rằng thông qua lòng trắc ẩn, chúng ta sẽ có thể đạt được hạnh phúc thực sự." Ông nói thêm: "Năm nay, các Phật tử thuộc Walubi và Permabudhi sẽ cùng nhau kỷ niệm Ngày Đại lễ Vesak ở chùa Borobudur sau 2 năm không có lễ tưởng niệm công khai do đại dịch."

Walubi (Liên đoàn các tổ chức Phật giáo toàn Indonesia) được thành lập ở Jogjakarta vào năm 1978, với mục đích thúc đẩy sự đoàn kết giữa 3 triệu Phật tử của Indonesia. Và Permabudhi (Hiệp hội Phật giáo Indonesia) được thành lập vào năm 2018 bởi tổng thống Indonesia, Joko Widodo, và đóng vai trò như một diễn đàn giao tiếp cho các Phật tử thuộc các thành phần khác nhau.

(Buddhistdoor Global - May 13, 2022)



Chùa Borobudur (Indonesia)
Photos: worldatlas.com

ẤN ĐỘ: Công viên chủ đề di sản Phật giáo Buddhavanam trở thành điểm đến du lịch

Chính quyền bang Telangana có kế hoạch phát triển công viên chủ đề di sản Phật giáo Buddhavanam tại Nagarjunasagar thành một điểm du lịch Phật giáo thế giới với tất cả các đặc điểm nổi bật để gợi lên sự kinh ngạc và ngưỡng mộ của mọi người, Bộ trưởng Bộ Quản lý Thành phố và Phát triển Đô thị K.T. Rama Rao cho biết vào ngày 14-5-2022.

Dự án Buddhavanam được xây dựng trên 90 mẫu Anh (trong tổng số 274 mẫu Anh rộng rãi) có phạm vi để phát triển, và thông qua việc phân bổ nguồn vốn riêng biệt, nhiều tiện nghi và sắp xếp sẽ được thực hiện, ông nói.

Ông Rama Rao, cùng với một nhóm các đồng nghiệp trong Nội các của mình, đã bay đến Nagarjunasagar ở quận Nalgonda vào thứ Bảy ngày 14-5 để khánh thành công viên Buddhavanam, trong số các cơ sở khác ở các thành phố lân cận.

Bộ trưởng Rama Rao cho biết: Việc phát triển tất cả các cơ sở và trung tâm Phật giáo sẽ được thực hiện để thu hút tín đồ đạo Phật từ tất cả các quốc gia.

Ông Rama Rao cũng chỉ đạo chính quyền quận Nalgonda phát triển đảo Chakali Gattu như một điểm thu hút du lịch, mở rộng về các đề xuất sửa chữa và trùng tu các địa điểm Phật giáo, tìm hiểu các mô hình hợp tác công-tư để phát triển Dự án này như một phần của du lịch di sản Phật giáo. (The Hindu - May 14, 2022)



*Công viên chủ đề di sản Phật giáo Buddhavanam tại Nalgonda, bang Telangana (Ấn Độ)
Photo: Google*

HÀN QUỐC: Kỷ niệm lễ Đức Phật đản sinh tại Chùa Jogyesa ở Jongno-gu, Seoul

TIN ẢNH: Tại Chùa Jogyesa ở Jongno-gu, Seoul vào sáng ngày 6-5-2022, 2 ngày trước ngày kỷ niệm Đức Phật đản sinh:



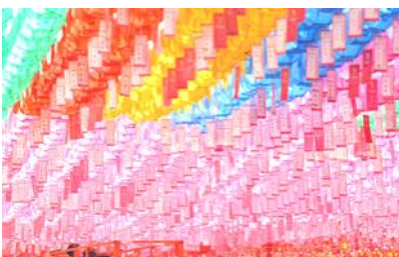
Các tín đồ Phật giáo tắm tượng Đức Phật bằng nước hoa như một phần của buổi lễ



Phật tử tụng kinh dưới những chiếc đèn lồng nhiều màu sắc



Phật tử tụng kinh dưới những chiếc đèn lồng nhiều màu sắc



Các bảng tên được các vị chức sắc của chùa Jogyesa đặt dưới những chiếc đèn lồng



Phật tử cầu nguyện khi đi bộ xung quanh tháp



Các Phật tử thực hiện các nghi lễ trên tượng Phật khi họ chuẩn bị cho lễ kỷ niệm Đức Phật đản sinh

Photos: Park Jin (Tipitaka Network - May 12, 2022)



CHA LÀ...

Cha là hạt muối đại dương
Ướt cho con những tình thương mặn mà

Cha là gió mát đồng xa
Tuổi thơ con với cỏ và hoa lau

Những chiều tan học chẵn trâu
Vi vu tiếng sáo trên bầu trời xanh

Cha là giọt mưa mái tranh
Là lu nước mát ngọt lành hạ trưa

Cha là cổ tích ngày xưa
Anh em, bó đuốc... cha vừa dạy con

Cha là sông núi, nước non
Đắp vun con để vuông tròn ngày nay!

CHA...

Cha giờ sương khói quê xa
Còn thương núi Ấn, sông Trà đậm sâu
Mây bay có nổi nhịp cầu
Về trong hương khói bên bầu bạn xưa?

Cha giờ như những hạt mưa
Tắm đời con thuở đón đưa nhọc nhằn
Thương cha trong nỗi ăn năn
Con làm cha. Thâu vết hằn đời cha...

Đất quê, nắm mộ gần, xa?
Cha là sương sớm, cỏ hoa tươi màu

Qua rồi những tháng năm đau
Nỗi sầu cổ xứ nhuộm màu ly hương

Giờ cha cực lạc Tây phương
Câu kinh truy điệu nghe đường mây trôi
Đời cha lỡ, đời con bồi
Chiều nay thấp nển. Con ngồi nhớ cha...

NGHĨ VỀ CHA

Suốt đời cha chỉ là... dân
Dân đen, dân dốt, chẳng cần gì quan
Một đời nặng gánh đa mang
Cửa nhà nửa gánh, giang san một bờ!

Cha như tuấn mã nặng thồ
Chùng chân, mỏi vó giang hồ chung chiêng
Học lưng lưng chữ thánh hiền
“Hào con” đông đúc, “hào tiền” cạn vơi?

Ba kỳ... tuổi trẻ rong chơi
Lo toan giao vợ, hụi hơi quay về
Chỉ... “chung thủy, vẹn lời thề”
Không ham mật ngọt, lại mê đắng đời

Bây giờ, đồng nội... thánh thơi
Còn cha với cỏ, mây trời thênh thênh
Nhiều khi con nhớ. Buồn tênh
Khói nhang ngồi đốt, ngày mênh mông ngày...

thơ TRẦN HOÀNG VY



NGHIÊN CỨU THỨC THỨ TÁM

Nguyên tác Hán văn: **Kha Diệu Kỳ**

Dịch Giả: **THÍCH THẮNG HOAN**

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

(tiếp theo)

PHẦN II: PHÂN LOẠI CHUNG TỬ

Chung tử đã có công năng sai biệt sanh ra quả thì thuộc loại pháp hữu vi. Pháp hữu vi bao gồm có pháp hữu lậu của phiền não và pháp vô lậu của không phiền não. Nhân của chung tử đây cũng có thể phân làm chung tử hữu lậu và chung tử vô lậu. Phần này xin tường thuật như sau:

Thành Duy Thức Luận giải thích rằng: “Các chung tử hữu lậu cùng với Thức Dị Thục, thể thì không phân biệt, nhưng chúng bao gồm tánh vô ký. Nhân và quả vì có tánh thiện ác, v.v... cho nên cũng gọi là thiện, là ác, v.v... Các chung tử vô lậu không có thân nhiếp tánh Thức Dị Thục. Nguyên vì nhân và quả của chung tử vô lậu đều thân nhiếp toàn là tánh thiện, cho nên mới gọi là thiện.”

Văn trên vừa trình bày là căn cứ nơi sự sai biệt của ba tánh để xét định điểm bất đồng của chung tử hữu lậu và chung tử vô lậu; chung tử hữu lậu và Thức Dị Thục đều giống nhau, nghĩa là thể tánh của chúng đều thuộc về vô ký, còn nếu từ nơi nhân của công năng huân tập và quả của khởi hiện hành mà nói thì đều có đầy đủ ba tánh, thiện, ác và vô ký. Riêng thể của chung tử vô lậu thì không giống nơi Thức Dị Thục, tức là không phải ở trong sanh tử tạo tác nghiệp ác, mà nó thuần túy tánh thiện hoặc tánh thanh tịnh. Tại sao thế? Nguyên vì sự tác dụng của nó quan hệ đến năm Biển Hành, năm Biệt Cảnh và mười một pháp Thiện hỗ trợ. Nói cách khác, chung tử vô lậu cùng tất cả Tâm luôn luôn quan hệ, bao gồm cả quan hệ năm Biển Hành. Lý do chúng thường thích thú trong sự chứng biết nơi cảnh sở quán, cho nên Tâm Sở Dục không bao giờ diệt. Đối với cảnh sở quán luôn luôn giữ lấy dấu tích, cho nên Tâm Sở Thắng Giải không bao giờ diệt. Đối với cảnh đã từng tiếp nhận luôn luôn nhớ rõ, cho nên Tâm Sở Niệm không bao giờ diệt. Thể Tôn không có tâm bất định, cho nên Tâm Sở Định không bao giờ diệt. Đối với tất cả pháp thường chọn lựa, cho nên Tâm Sở Huệ không bao giờ diệt. Vì Tâm Sở Tín, v.v... thường quan hệ thanh tịnh, cho nên chung tử vô lậu đầy đủ mười một pháp Thiện. Vì không ô nhiễm cho nên không quan hệ cùng với Phiền Não Căn Bản và Tùy Phiền Não. Vì không phân tán dao động, cho nên không quan hệ các Tâm Sở Bất

Định như: Ố Tác, Thùy Miên, Tầm, Tứ, v.v... (Chú thích 7).

Còn nữa căn cứ theo công năng sanh ra quả của chung tử, có thể phân làm hai loại: Chung Tử Nghiệp và Chung Tử Danh Ngôn. Chung Tử Nghiệp tức là nhân tố thúc đẩy của luân hồi, còn Chung Tử Danh Ngôn tức là nhân tố tài liệu của luân hồi. Chung Tử Nghiệp là chỉ cho phẩm đức, đầy đủ ba tánh. Chung Tử Danh Ngôn là chỉ cho tài năng và thể của nó tuy là vô ký, nhưng tùy theo sự thúc đẩy của Chung Tử Nghiệp mà sanh ra ba tánh: thiện, ác, vô ký. Nhân đây phá trừ ngã chấp là ra tay từ nơi Chung Tử Nghiệp này. Còn phá trừ pháp chấp là ra tay từ Chung Tử Danh Ngôn liền cải biến tất cả pháp thế gian và pháp xuất thế gian đã học khiến trong tâm không còn đạo lý nào cả.

Chung tử cũng gọi là tập khí, nghĩa là tử vô thì đến nay cả tánh trên chỗ ô nhiễm trong tâm diên [Tâm diên: là miếng rộng của tâm] của chúng sanh và sự lý chỗ nhận biết, theo Thành Duy Thức chia làm ba loại: “Sanh tử tương tục là do các tập khí; nhưng các tập khí có ba loại: Tập Khí Danh Ngôn, Tập Khí Ngã Chấp và Tập Khí Hữu Chi.”

“1.- Tập Khí Danh Ngôn, nghĩa là các pháp hữu vi mỗi pháp tự có chung tử danh ngôn riêng biệt gọi là Thân Chung; Danh Ngôn cũng có hai loại: Danh Ngôn Biểu Nghĩa và Danh Ngôn Hiến Cảnh.”

“a. Danh Ngôn Biểu Nghĩa, nghĩa là khả năng giải nghĩa bằng âm thanh riêng biệt.”

“b. Danh Ngôn Hiến Cảnh, nghĩa là khả năng hiểu biết Tâm và Cảnh cùng Tâm Sở. Hai danh ngôn đó huân tập thành chung tử và cũng do chung tử hai danh ngôn nói trên tạo tác thành nhân duyên sai biệt của các pháp hữu vi.”

“2.- Tập Khí Ngã Chấp: nghĩa là chung tử hư vọng chấp ngã và ngã sở. Ngã chấp cũng có hai loại: Ngã Chấp Câu Sanh và Ngã Chấp Phân Biệt.”

“a. Ngã Chấp Câu Sanh: [Ngã chấp này sanh khởi cùng với hữu tình] phải tu tập đoạn trừ chấp trước ngã và ngã sở.”

“b. Ngã Chấp Phân Biệt: [Ngã chấp này do phân biệt sanh ra] tức là kiến chấp sở đoàn của ngã và ngã sở. Hai loại ngã chấp đây



huân tập thành chủng tử và cũng do chủng tử hai loại ngã chấp đó khiến cho các hữu tình trở nên sai biệt nhau giữa mình và người.”

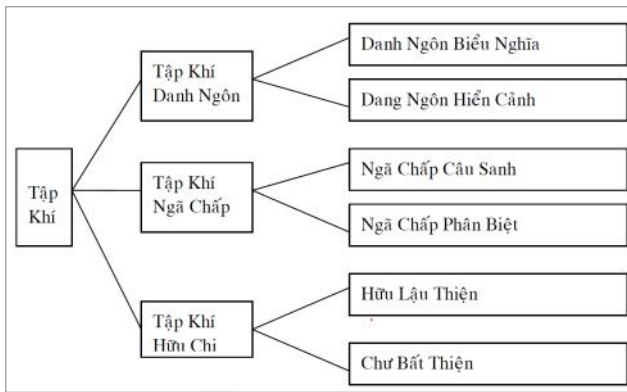
“3.- Tập Khí Hữu Chi: nghĩa là nghiệp chủng tử dị thực chiêu cảm ba cõi. Hữu Chi có hai loại: hữu lậu thiện và chư bất thiện.”

“a. Hữu Lậu Thiện: nghĩa là công năng chiêu cảm nghiệp quả khả ái.”

“b. Chư Bất Thiện: nghĩa là công năng chiêu cảm nghiệp quả không phải ái. Hai loại tập khí hữu chi này huân tập thành chủng tử và cũng do chủng tử hai loại tập khí đó khiến cho quả Dị Thực đến chỗ thiện ác sai biệt. Nên biết ngã chấp và tập khí hữu chi đối với quả sai biệt là thuộc về Tăng Thượng Duyên.” (Chú thích 8).

Giờ đây đem chủng loại tập khí trình bày rõ nơi đồ biểu như sau:

Tất cả pháp hữu vi đều do Tập Khí Danh Ngôn tạo thành, gọi là “Thân Chủng”. Danh Ngôn



Biểu Nghĩa nghĩa là khả năng giải thích nghĩa lý bằng âm thanh, ngôn ngữ và văn tự. Mà đối tượng bị giải thích chính là Danh Ngôn Hiển Cảnh. Những Danh Ngôn đó trở lại tồn tại nơi Tâm, Tâm Sở mà tự Tâm nhận biết lấy.

Ngã Chấp Câu Sanh, nghĩa là từ vô thị đến nay, Thức thứ sáu và Thức thứ bảy huân tập nội chủng tử hư vọng, những năng lực huân tập đây luôn luôn chuẩn bị đầy đủ cùng với thân thể, không đợi tà sư và phân biệt sai lầm, chạy theo nhân duyên để cùng sanh khởi hiện hành, cho nên gọi là Câu Sanh. Ngã Chấp Câu Sanh có thể phân làm hai loại:

a. Thường Tương Tục, nghĩa là Thức thứ bảy duyên nơi Thức thứ tám phát khởi Tướng tự Tâm và chấp cho nó là thật ngã.

b. Hữu Giác Đoạn, nghĩa là Thức thứ sáu duyên nơi năm Tướng Thủ Uẩn của năm Thức biến hiện, hoặc toàn bộ năm Tướng Thủ Uẩn của năm Thức biến hiện, hoặc cá biệt của mỗi Tướng Thủ Uẩn do mỗi Thức biến hiện, phát khởi Tướng tự Tâm và chấp cho nó là thật ngã.

Ngã Chấp Câu Sanh thì rất vi tế cho nên khó đoạn trừ; nhất định sau khi kiến đạo nơi trong ngôi vị tu đạo và phải tu tập pháp quán Sanh Khôngthu thắng không cho gián đoạn thì mới có thể trừ dứt.

Ngã Chấp Phân Biệt là phải dựa vào năng lực ngoại duyên, không cùng Câu Sanh xuất hiện. Cần yếu là nó phải đợi chờ tà giáo và phân biệt sai lầm, rồi sau đó mới hiện hành phân biệt, cho nên

gọi là Phân Biệt. Ngã Chấp Phân Biệt chỉ có ở trong Ý Thức thứ sáu mà thôi. Ngã Chấp Phân Biệt đây cũng có thể phân làm hai loại: Uẩn Kế Ngã và Ly Uẩn Kế Ngã. Uẩn Kế Ngã nghĩa là chấp Năm Uẩn cho là thật ngã thường tại; Ly Uẩn Kế Ngã nghĩa là chấp ngoài Năm Uẩn ra riêng có một Ngã Tướng thường trụ không bản chất, rồi phân biệt tính toán chấp cho là thật ngã. Ngã Chấp Phân Biệt thuộc về tướng thô cho nên dễ đoạn trừ, khi bắt đầu thấy đạo quán tất cả pháp đều là sanh không chân như liền có thể trừ diệt ngay.

Tập Khí Hữu Chi là chiêu cảm chủng tử nghiệp của ba cõi kết thành quả Dị Thực. Tùy thuộc vào thiện hữu lậu hoặc các nghiệp bất thiện huân tập thành chủng tử để chiêu cảm quả báo thiện ác. Ngã Chấp và Tập Khí Hữu Chi không có pháp nào đơn độc mà tồn tại, tất nhiên phải nương tựa vào nơi Tập Khí Danh Ngôn và khi đối với quả sai biệt liền tạo thành Tăng Thượng Duyên. Chỗ gọi Quả Sai Biệt, nghĩa là Tập Khí Ngã Chấp khiến hữu tình phát khởi quan niệm mình và người sai biệt nhau. Tập Khí Hữu Chi khiến Quả Dị Thực sanh các cõi thiện ác khác nhau.

PHẦN III: HỆ PHÁI SAI BIỆT CỦA HỌC THUẬT CHUNG TỬ

Phân định các loại chủng tử như đã tường thuật ở trên liền phát sanh một vấn đề: Những loại chủng tử đây là sẵn có bẩm sanh [tiên thiên] hoặc mới sanh do hậu thiên [sau khi sanh] huân tập? Xưa nay có rất nhiều học thuyết thảo luận vấn đề này. Đầu tiên quan trọng nhất có ba nhà chủ trương là Hộ Nguyệt, Nan Đà và Hộ Pháp. Những chủ trương của ba nhà này được tường thuật như sau:

1.- Phái Bản Hữu của Luận sư Hộ Nguyệt: Luận sư Hộ Nguyệt chủ trương: “Tất cả chủng tử đều có bản tánh, không phải sanh ra từ nơi huân tập, do năng lực huân tập khiến có thể tăng trưởng.” (Chú thích 9). Luận sư nói rằng, tất cả chủng tử hữu lậu vô lậu được tàng trữ trong Thức thứ tám đều là có tự nhiên [bẩm sanh] mà không phải có từ nơi huân tập. Cho đến lực lượng của huân tập chỉ khiến cho chủng tử bản tánh có thể tăng trưởng mà thôi, nhưng nó không thể sản sanh chủng tử mới. Xin dẫn kinh văn sau đây để chứng minh:

*- Kinh Vô Tận Ý: “Tất cả hữu tình, từ vô thị đến nay, có mỗi mỗi giới [chủng tử], như các điều ác hội tụ lại mà có những pháp như thế.”

*- Kinh A Tỳ Đạt Ma: “Những Giới từ xưa đến nay, tất cả pháp, v.v... đều nương tựa.”

*- Luận Du Già Sư Địa: “Thế của các chủng tử từ vô thị đến nay, tánh tuy vốn có, mà do nhiễm tịnh huân tập nên mới phát sanh.” “Địa Ngục thành tựu ba nguồn gốc vô lậu là do các chủng tử không hiện khởi.”

Chữ “Giới” đây là tên riêng của chủng tử, tức là nghĩa của nhân (nguyên lai), ý nói rằng: từ vô thị đến nay, chủng tử là nguyên nhân sản sanh tất cả chúng sanh hữu tình. Mặc dù Luận sư dẫn kinh văn để chứng minh chủng tử vốn có, nhưng Luận sư sơ xuất cho rằng nghĩa của chủng tử thì sát na diệt. Nếu như không có pháp nào huân sanh cả, như thế đến sau cùng chủng tử sẽ bị tiêu diệt gần hết. Lại nữa A Tỳ Đạt Ma nói rằng: “Các pháp nơi trong Tạng Thức, Tạng Thức nơi trong các pháp cũng thế, lẫn nhau làm quả tánh và cũng thường làm nhân tánh.” Ý đây nói rằng, các pháp hiện

hành của bảy Chuyển Thức cùng với Thức thứ tám luôn luôn quan hệ nhau chuyển biến sanh thành và lẫn nhau làm nhân quả. Dĩ nhiên đã lẫn nhau làm nhân quả thì chủng tử Thức thứ tám có thể sanh các pháp hiện hành mà các pháp hiện hành cũng có thể huân sanh chủng tử tám Thức. Từ lý luận đó, chủng tử mặc dù bảo là bản hữu, nhưng không viên mãn cho lắm.

2.- Phái Tân Huân của Luận sư Nan Đà: Luận sư nhận thức rằng: "Chủng tử đều do huân tập mà sanh ra, Sở Huân (chủng tử) và Năng Huân (pháp hiện hành), cả hai đều có từ vô thị, cho nên các chủng tử thành tựu cũng từ vô thị." (Chú thích 10). Ý đây nói rằng, chủng tử nhất định phải do huân tập mới có, nhưng chủng tử của sở huân và các pháp hiện hành của năng huân, cả hai xưa nay đều có. Xin dẫn chứng kinh văn như sau:

*- Đa Giới Kinh: "Tâm của các hữu tình, vì bị các pháp nhiệm tịnh huân tập, cho nên chỗ huân tập có vô lượng chủng tử."

*- Luận Nhiếp Đại Thừa: "Nội chủng tử nhất định có huân tập, còn ngoại chủng tử thì hoặc có hoặc không."

Điểm quan tâm ở chỗ chủng tử hữu lậu xưa thì không có mà nay thì có, cho nên gọi là đặc thông. Cho đến chủng tử vô lậu "Nói rằng do nghe mà huân tập và do nghe chánh pháp Tịnh Pháp Giới Đăng Lưu [Tịnh Pháp Giới cùng loại tánh] mà huân khởi." (Chú thích 11). Theo Luận sư nhận định là trước khi chưa nghe Tịnh Pháp Huân Tập, lúc đó là thuộc về hữu lậu thế gian và sau khi đã nghe được Tịnh Pháp Giới Huân Tập thì lúc đó lại là tánh chủng tử vô lậu của tâm xuất thế. Nhận định đây cũng có vấn đề: đúng như hữu lậu có thể trở thành chủng tử vô lậu, như thế vô lậu lại cũng có thể trở thành chủng tử hữu lậu. Đạo lý này nếu được thành lập thì chư Phật lại có thể bị lùi mất trở thành kẻ phạm phu, pháp thiện ác cũng có thể làm nhân quả lẫn nhau. Bao nhiêu đó cũng đủ chứng minh chủng tử vô lậu tuyệt đối không phải huân sanh từ nơi chủng tử hữu lậu. Hơn nữa sở huân và năng huân cả hai đều có từ vô thị; thế thì sở huân trước đã có và pháp năng huân trước lại cũng có sao? Nếu đúng thế thì chủng tử của sở huân trước đã có cũng giống như luận thuyết Chủng Tử Bản Hữu. Còn như pháp của năng huân trước đã có thì pháp năng huân từ đâu sanh ra? Pháp năng huân nếu như không có chủng tử nào sanh ra thì làm sao có pháp hiện hành của năng huân? Luận lý đây không hợp tính khách quan của hiện tượng là trứng gà có trước hay con gà có trước. Thế nên luận lý cho chủng tử là tân huân thì không hoàn toàn viên mãn.

3.- Phái Chiết Trung của Luận Sư Hộ Pháp: Luận sư chủ trương rằng: "Các chủng tử có hai loại: một là Bản Hữu, nghĩa là từ vô thị đến nay, trong Thức Di Thức đã có như thế và sanh ra công năng sai biệt của Uẩn, Xứ, Giới, cho nên gọi là Bản Tánh Trụ Chủng; hai là Thị Khởi, nghĩa là từ vô thị đến nay, mỗi mỗi pháp hiện hành đều do huân tập mà có chủng tử, cho nên gọi là Tập Sở Thành Chủng Tử." (Chú thích 12). Theo Thành Duy Thức Luận Thuật Ký giải thích: "Chủng tử Vô Lậu ở ngôi vị chưa tăng trưởng gọi là Bản Tánh Trụ, sau khi tăng trưởng gọi là Tập Sở Thành. Chủng tử Hữu Lậu cũng giống như thế; Bản Hữu khi chưa huân tập và tăng trưởng được gọi là Bản Tánh Trụ Chủng, sau khi đã huân tập và tăng trưởng được

gọi là Tập Sở Thành." (Chú thích 13). Luận sư Hộ Pháp cho chủng tử đã có Bản Hữu trước khi chưa huân tập và cũng cho có chủng tử Tân Sanh sau khi được huân tập. Sự huân tập của chủng tử đối với chủng tử Bản Hữu gọi là Huân Tăng và đối với chủng tử Tân Huân gọi là Huân Sanh. Nhân đây Nhiếp Đại Thừa Luận giải thích rằng: "Do nghe mà huân tập và do nghe Chánh Pháp Tịnh Pháp Giới Đăng Lưu mà huân khởi." Ý đây nói rằng, chủng tử Bản Hữu Vô Lậu cũng nhờ huân tập những Chánh Pháp đã nghe qua khiến được sanh trưởng. Mà không phải cho rằng, nhờ nghe Chánh Pháp mới có thể từ chủng tử hữu lậu huân sanh chủng tử vô lậu. Nói ngược lại, chủng tử hữu lậu và chủng tử vô lậu xưa nay đều có. Nếu như dùng pháp nhiệm thì chủng tử hữu lậu liền huân tập khiến tăng trưởng hoặc mới sanh; còn nếu dùng pháp tịnh thì chủng tử vô lậu liền huân tập khiến tăng trưởng. Nhưng thiện hữu lậu chẳng qua chỉ làm tăng thượng duyên cho chủng tử vô lậu mà thôi. Nguyên vì chúng sanh vốn đã có chủng tử vô lậu, từ xưa đến nay chưa từng hiện hành; Tướng của chủng tử vô lậu thì rất vi tế, tiềm ẩn sâu thẳm bên trong khó biết được, nếu không cung cấp thiện pháp hữu lậu gợi ý thì khó mà hiển hiện. Trường hợp như bậc sơ học của đạo Phật thường hay vì mong cầu công đức mà hành thiện, đến khi đạt được công phu thuần thực, tài năng sau khi lãnh hội được đạo lý vô ngã, từ từ bài trừ công đức của Tâm mà hiểu rõ Tam Luân Thế Không [người bố thí, kẻ thọ thí và vật bố thí, cả ba đều không]. Cho nên nhờ có thiện hữu lậu trợ duyên thì chủng tử vô lậu từ từ thể hiện chánh nhân xuất thế.

Theo chủ trương của ba nhà nói trên, chỉ có đạo lý Tân Huân vô có của Luận sư Hộ Pháp so sánh là viên mãn. Từ đó chúng ta suy định rằng, chủng tử vô lậu và chủng tử hữu lậu xưa nay vẫn tồn tại trong Tâm Điền của Thức thứ tám, nhờ năng lực huân tập mới có thể khiến cho tăng trưởng và cũng có thể khiến cho tăng thêm.

* Chú thích 7: Thành Duy Thức Luận, quyển 3, Phật Giáo Đại Tạng Kinh tập 195, trang 104.

* Chú thích 8: Thành Duy Thức Luận trang 353, Hoa Tạng Pháp Thí Hội Xuất Bản.

* Chú thích 9: Thành Duy Thức Luận Nghiên Tập trang 130, Pháp sư Phổ Hành trước tác.

* Chú thích 10: Thành Duy Thức Luận Nghiên Tập trang 132.

* Chú thích 11: Thành Duy Thức Luận Nghiên Tập trang 133.

* Chú thích 12: Thành Duy Thức Luận Nghiên Tập trang 135.

* Chú thích 13: Đại Chánh Tạng tập 43, trang trên 305.

(còn tiếp)



GIỮA ĐÔI BỜ TỈNH THỨC

Sóng từ đâu mà tới
Hồn trôi lạc về đâu
Giữa đôi bờ tỉnh thức
Nào biết được nông sâu.

Khai mở lời chánh niệm
Tình yêu hóa nhiệm mầu
Khổ đau và bất hạnh
Giữa dòng đời khát khao.

Cội nguồn đầy ánh sáng
Lập lánh hạt phù sa
Đánh thức lòng nhân ái
Trong biển người bao la.
Đi qua bờ giác ngộ
Hãy đứng trên chân mình
Mang trong lòng nhịp thở
Có tiếng cười bé xinh.

Ngày mai rồi cũng đến
Anh bình minh đón chào
Giữ lòng mình thánh thiện
Đâu phải là chiêm bao.
Trong hành trình tỉnh thức
Sóng từ đây mà đi
Nhân gian nhiều độ lượng
Nở đóa hồng từ bi.

HƯƠNG QUÊ THÂM LẠNG

Buổi trưa nghe tiếng võng
Thèm một tiếng ru hời
Ngọt ngào lời mẹ hát
Những ngày mưa gió rơi.
Bếp lửa đây bờ hóng
Tỏa ngát mùi gạo thơm
Nhớ những ngày giáp hạt
Rau tập tàng thay cơm.

Một bờ vai thơm thảo
Ấm lòng lúc chiều sương
Sao ngày vui quá ngắn
Tiếng sáo diều vãn vương.
Có mùi thơm rom rạ
Nồng nàn giấc mơ tôi
Lung linh màu nắng sớm
Hương cỏ mát đầy trời.

Chim bay về chôn cũ
Bóng núi dẫu xa mờ
Đường cuối ngày đã muộn
Còn nghe ai gọi đò.
Cội nguồn trong tâm tưởng
Áp ủ lời yêu thương
Hành trình muôn dặm mới
Thèm đóm lửa quê hương.



CHẬM CHẬM THÔI...

Chậm chậm thôi
Sợ nắng chiều đừng rơi vội
Bước chân tôi đang về phía chân trời
Đem theo tháng mười hai vừa gõ cửa
Tiếng phong linh đổi gió từ đêm qua
Còn ngân nga trên khung cửa sổ
Một ngày chưa đi xa bao giờ
Sẽ làm tôi nhớ.

Chậm chậm thôi
Làn gió sớm sáng nay vừa lướt qua
Cánh đồng thời thiếu nữ của tôi không tìm thấy
Chiếc áo phong se se tóc khuya mắt ngủ
Người đã thiên di từ lúc nào
Van tìm vẫn còn mở cửa chưa khép lại
Máu tuần hoàn chưa kịp về
Chắc làm tôi khóc.

Chậm chậm thôi
Cúc họa mi e ấp điều gì mà chưa ngỏ
Sợ bắc thăm thì giấc lạnh ngủ đông
Chẳng phải tình cờ đâu
Tôi chợt thấy mình mềm yếu đáng thương
Khi trốn tìm trong giấc mơ tội nghiệp
Trượt dài theo số phận
Khúc hát mơ hồ từ đâu dội lại
Dưới giàn thiên lý chùm hoa trắng vừa nở
Có làm tôi đau.

thơ

TÔN NỮ MỸ HẠNH

SEN NỞ TRONG LÒ LỬA VẪN TƯƠI

Nguyễn Thế Đăng

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Diệu tánh trống không chẳng thể vin
Tánh Không tâm ngộ khó khăn gì
Ngọc cháy trên non màu thường thắm
Sen nở trong lò lửa vẫn tươi.

*Diệu tánh hư vô bất khả phân
Hư vô tâm ngộ đắc hà nan
Ngọc phần sơn thượng sắc thường
nhuận
Liên phát lô trung thấp vị cần.*



Thiền sư Ngô Ấn (1020-1088)

“Diệu tánh trống không chẳng thể vin”:

Tánh trống không (hư vô) là tánh Không. Tánh Không thì không có tướng (vô tướng), không có ý tưởng (vô niệm), nên nếu dùng tướng, dùng niệm để thấy, để suy nghĩ nó thì không thể được. Chẳng thể vin níu, chẳng thể cầm nắm, chẳng thể thấy bằng tướng, chẳng thể biết bằng suy nghĩ.

Chính vì không có tướng, không có niệm nên không có tướng nào, niệm nào có thể phá hoại tánh Không được. Tánh Không là sự không có tự tánh của tất cả các hiện tượng, nên nơi nào có hiện tượng, nơi đó có tánh Không. Như thế tánh Không thì ở khắp tất cả, như không gian, nhưng không có cái gì có thể phá hoại tánh Không được.

“Tánh Không tâm ngộ khó khăn gì”:

Tánh Không là vô tự tánh, không thể vin níu, không thể thấy, không thể cầm nắm, nhưng tại sao lại “tâm ngộ chẳng khó khăn gì”? Chẳng khó khăn vì sự vô tự tánh của tánh Không lại ở ngay nơi tướng, ngay nơi niệm, như đại dương tuy không có hình tướng, màu sắc lại ở ngay nơi các làn sóng.

Chẳng khó khăn vì tánh Không là vô tự tánh, vô sở hữu, bất khả đắc và tánh Không ấy chính là bản tánh của tất cả mọi sự, của tất cả mọi hiện tượng của tâm thức, nên người ta có thể tìm thấy nó nơi mọi sự, mọi hiện tượng của tâm thức. Như Bát Nhã Tâm Kinh nói, “Sắc tức là Không, Không tức là sắc. Thọ tướng hành thức, thanh hương vị xúc pháp cũng lại như vậy”.

*“Ngọc cháy trên non màu thường thắm
Sen nở trong lò lửa vẫn tươi”.*

Ngọc trên núi cháy nhưng nó không bị cháy mà màu của nó vẫn thắm, không hư hoại. Hoa sen ở trong lò lửa mà vẫn tươi mát. Ngọc và hoa sen tượng trưng cho bản tánh bất khả hoại của tất cả sự vật. Bản tánh ấy là tánh Không.

Tánh Không không sanh không diệt, không đơ không sạch, không tăng không giảm ấy được kinh điển hệ Pali nói như sau trong Kinh Phật tự thuyết phẩm Pataligamiya, Tiểu Bộ Kinh:

“Này các Tỳ kheo, có cái không sanh, không

trở thành, không được làm ra, không bị điều kiện hóa. Này các Tỳ kheo, nếu không có cái không sanh, không trở thành, không được làm ra, không bị điều kiện hóa ấy thì ở đây không thể có sự giải thoát cho cái sanh, trở thành, được làm ra, bị điều kiện hóa. Nhưng bởi vì có cái không sanh, không trở thành, không được làm ra, không bị điều kiện hóa, thế nên các ông biết có sự giải thoát cho cái sanh, trở thành, được làm ra, bị điều kiện hóa”.

Cái không sanh, không trở thành, không được làm ra, không bị điều kiện hóa ấy trong kinh điển hệ Sanskrit gọi là tánh Không. Đồng thời cũng nói Không giải thoát môn, Vô tướng giải thoát môn, Vô tác giải thoát môn, nghĩa là ba cửa giải thoát là Không, Vô tướng, và Vô tác.

Trong kinh điển hệ Sanskrit cũng thường nói đến “vào nước không chìm, vào lửa không cháy, các độc chẳng thể làm hại...”, như phẩm Quán Thế Âm Bồ tát Phổ Môn trong kinh Pháp Hoa chúng ta thường tụng. Đây là nói đến tánh Không và người đã hoàn toàn chứng đắc tánh Không, nên những hiện tượng của thế gian sanh tử chẳng thể làm gì được.

Về phương diện con người, cái “tâm ngộ tánh Không” được Kinh điển gọi là Bản Tâm, Bản tánh của tâm, Tâm Không, Phật tánh..., và thường được ví như viên ngọc, hoa sen.

Lục Tự Đại Minh Chân Ngôn, tâm chú của Bồ tát Quán Thế Âm, hiện được trì tụng rất nhiều trong thế giới ngày nay. Trong thần chú sáu âm ấy, có hai từ chính yếu là mani (viên ngọc) và padme (hoa sen). Ngọc và hoa sen để nói lên tánh Không hợp nhất với từ bi trong tâm của Bồ tát Quán Thế Âm.

Trong kinh Pháp Hoa có nói chúng ta đang ở trong nhà lửa. Lửa cụ thể là lửa chiến tranh, ngày nào cũng có người chết vì bom đạn. Lửa chiến tranh do từ lửa tham, sân, mê mờ, kiêu mạn, đố kỵ, nghi ngờ, tà kiến... mà bùng phát. Có lửa chiến tranh thì có người tạo nghiệp nhân và có người trả nghiệp quả. Nghiệp nhân và nghiệp quả cũng là lửa, người đốt lửa và người bị cháy.

Để khỏi bị lửa thiêu cháy thì chỉ có cách an trụ trong tánh Không và lòng bi, viên ngọc và hoa sen, đó là chỗ giải thoát cho tất cả những gì hạn hẹp, được sanh ra, được trở thành, được làm ra, bị điều kiện hóa và chính những cái này tạo ra vô số khổ đau không dứt của thân phận con người.

Viên ngọc và hoa sen Phật tánh là cái không thể hư hoại, dầu trong lửa phiền não cháy mãi của thế gian sanh tử này. Con đường để thấy và sống với viên ngọc và hoa sen Phật tánh này là con đường Khai Thị Ngộ Nhập của Kinh Pháp Hoa.

PHẬT ĐẢN MIỀN ĐÔNG BẮC HOA KỲ

(Gồm các tiểu bang New Jersey (NJ), Pennsylvania (PA), Virginia (VA), Maryland (MD) New York (NY) và Delaware (DE))

Điều Ngự Từ TÍN NGHĨA

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG



Hòa thượng Chủ tịch ban Đạo từ Đại lễ Phật Đản

Chư Tôn đức Tăng ni ở vùng Đông Bắc Hoa Kỳ, sau khi tương đối đã ổn định là nghĩ ngay đến việc chấn hưng sự tu tập chung của toàn vùng qua ba phần chính yếu đó là:

*.- **Phần thứ nhất**, Bồ tát mỗi tháng một lần đúng như luật dạy và tuần tự thay phiên nhau.

*.- **Phần thứ hai**, hội tụ nhau lại để chung lo ngày Đức Thích Tôn giáng trần.

*.- **Phần thứ ba**, chung nhau việc an cư kết hạ mười ngày hay mười lăm ngày,... để cùng nhau củng cố nội lực sau những ngày dài trong năm lo Phật sự,...

Và, mấy tiểu bang nêu trên đã thực hiện một cách tương đối trọn vẹn về ba điểm chính: An cư, lễ Bồ tát thường kỳ và ngày Đại lễ Phật đản chung cho Miền Đông Bắc Hoa Kỳ gồm những tiểu bang trên đây. Giá như không gặp nạn đại dịch Covid-19 thì đã được 6 năm, tức là sáu kỳ (**mỗi năm một lần**). Trong bốn năm ấy, bản thân chúng tôi (**Tín Nghĩa**) được chư tôn đức mẫn mộ cùng thỉnh Chứng minh Đại lễ nên đã thân lâm tham dự năm thứ ba và thứ tư. Quý Tôn đức Tăng ni ở miền này cũng thao thức được thân cận và cùng đồng hành Phật sự với Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất; tuy nhiên, vì còn dang mới mẻ và lại, bản đáp sinh hoạt quá rộng rãi khó bề lui tới. Chính quý vị này cũng mong Hội đồng Điều hành Giáo hội lưu tâm nhiều hơn và thương chúng con là: Kể từ nay cho chúng con một ít báo Chánh Pháp để có tài liệu phổ biến rộng rãi tin tức Phật sự đến quần chúng Phật tử, ... Quý vị còn nói thêm: Trước đó, cố Hòa thượng Thích Thái Siêu, Tổng vụ Trưởng Tổng vụ Giáo dục thường xuyên lui tới để cố vũ mấy vấn đề: Khóa Tu Học Bắc Mỹ, An cư Kết hạ mỗi năm và thường xuyên Bồ tát hằng kỳ.

Rất tiếc là Hòa thượng về với Phật quá sớm, không những chỉ Giáo hội mất đi một cán bộ cao cấp tài ba mà chúng con cũng đã mất đi một bậc điu dắt về con đường Giáo dục đầy thiện chí và đạo đức,...

Sau đây:

Năm thứ nhất (2017- Pl. 2561), Thượng tọa Thích Tuệ Phát, Viện chủ Thiền viện Thanh Từ làm Trưởng ban, tiểu bang Pennsylvania. Vì là lần khởi xướng, thông tin chưa rộng rãi nên Thượng tọa trưởng ban gần như lo liệu mọi vấn đề và không có vị Phó ban triếp sức. Điều đặc biệt mà chúng tôi nhấn mạnh ở đây là thầy Tuệ Phát trực tiếp đến tận thiền thất cung thỉnh chư Tôn đức có tâm đạo nhiệt thành ngồi lại với nhau để cùng chung lo Phật sự, nên quý thầy: Chúc Đại, Từ Trung, Hạnh Hải, Minh Từ, Giác Giới, Giác Độ, Giác Tuyền... đã hưởng ứng mạnh mẽ và bắt tay nhau vào công tác. Có một điều mà chúng tôi muốn nói ra đây cũng như đặt một câu hỏi để đọc giả góp ý.





Chư Tôn Đức và xe hoa diễu hành đi bộ quanh thành phố



Lễ đài chính

Số là: Khi Ban tổ chức Đại lễ Phật đản 2562, quý thầy y hậu chính tề đến tận thiện thất, để cung thỉnh một vài vị tôn túc trong vùng hoan hỷ chứng minh cho Đại lễ, một trong những vị ấy đặt một câu hỏi xanh dờn:

- Quý thầy lấy tư cách gì để nhân danh Cộng Đồng Phật Giáo Miền Đông Bắc Hoa Kỳ?

Quý thầy im lặng và lui về để lo chương trình trọng đại sắp diễn ra.

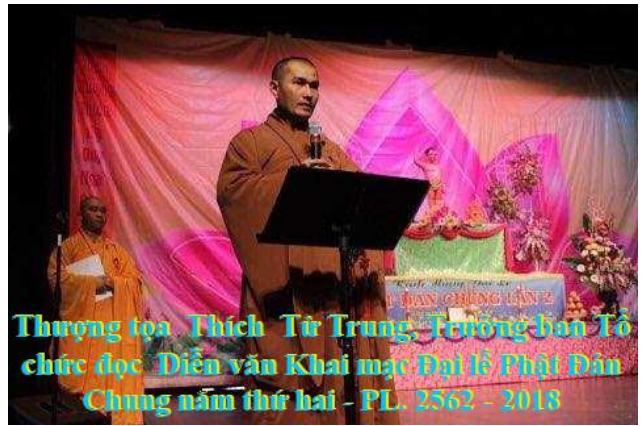
Giá như bản thân chúng tôi có trong đó, cũng xin hỏi lại:

- Xã hội Hoa Kỳ là nước tự do, ngay như Tổng Thống, Thống Đốc, Thị Trưởng, ... có đặt vấn đề ấy cho các hội đoàn Mỹ - Việt không và thầy lấy tư cách gì mà ngăn cấm hàng con Phật không có tư cách nhân danh để cử hành lễ kỷ niệm ngày Đấng Cha Lành hạ phàm độ sanh? Chúng ta là con của Phật, dù xuất gia hay tại gia bất cứ ở nơi đâu, đến ngày Phật đản năm châu cũng gần... không lý làm con không nghĩ đến công ơn của Đấng Cha Lành...

Rồi cũng như vậy, Ban tổ chức y hậu đến tham vấn và cung thỉnh một vị khắc vào ngôi vị Tôn túc chứng minh cho đại lễ. Ban đầu thì hoan hỷ, đến ngày lễ sắp cử hành thì lại bảo:

- Vì quý thầy không có văn thư thừa thỉnh nên tôi không đến dự.

Có lẽ, những vị nêu các vấn đề như trên tự xem mình là chúa tể, có quyền ban phát mọi vấn



Thượng tọa Trưởng Ban Thích Từ Trung, Trưởng ban Tổ chức tuyên đọc Diển văn Khai mạc Đại lễ

đề kể cả vấn đề phát nguyện làm Phật sư. Họ cứ nghĩ: Ai giống mình thì đúng, khác mình là sai không hợp tác, giống như ngoài xã hội là độc quyền hành xử, độc quyền yêu nước...

Tôi phân vân mãi trong đầu óc là: Tại sao đang là thân tướng đầu tròn áo vuông, cũng hình nghi đỉnh đặc mà lại có những tư tưởng của những kẻ bàng môn đi bán quảng cáo cho hàng ngoại đạo nhỉ! Kể cũng lạ!



Hội trường tổ chức Đại lễ Phật đản đầu tiên tại PA - PL.2562-2017



Đoàn xe hoa rước Phật từ từ diễu hành qua các thành phố

Trong lúc đó, ngồi nhìn Đại lễ diễn ra cũng xe hoa, phan lọng kiểu Phật và hàng hàng lớp lớp người con Phật đang tay trong tay với những lá cờ Phật giáo xếp hàng đôi diễn hành gần cả vài ba cây số!

Năm thứ hai (2018 - Pl. 2562), Thượng tọa Thích Tử Trung, Trụ trì chùa Niết Bàn làm Trưởng ban, Phó ban là Thượng tọa Thích Minh Châu, chùa Phước Thành, tiểu bang Virginia.

Năm thứ ba (2019 - Pl. 2563), Thượng tọa Thích Chúc Đại, Trụ trì chùa Giác Sơn làm Trưởng ban, tiểu bang Maryland.



Thượng tọa Thích Chúc Đại, Trưởng ban Tổ chức, tuyên đọc Diển văn Khai mạc Đại lễ Phật Đản chung của vùng Đông Bắc Hoa Kỳ

Thượng tọa Thích Chúc Đại, Trưởng ban Tổ chức tuyên đọc Diển văn Khai mạc Đại lễ

Phật đản năm này, bản thân chúng tôi (*Tín Nghĩa*), chư Tôn đức ở đây cung thỉnh với tư cách Chủ tịch Hội đồng Điều hành giáo hội tham dự với tư thế Chứng minh, ban Đạo từ; đồng thời, đại chúng nương nhờ ân đức của Giáo hội để tấn phong Bày vị Đại đức trong vùng có đủ tầm cỡ vừa có Phật học vừa có tâm nguyện phụng sự đạo pháp ở đây lên phẩm vị Thượng tọa, đó là quý vị: **Đại đức Thích Minh Châu, Đại đức Thích Hoàng Tín, Đại đức Thích Tuệ Phát, Đại đức Thích Giác Độ, Đại đức Thích Hạnh Hải, Đại đức Thích Tử Trung và Đại đức Thích Chúc Đại** để tán dương công hạnh thượng cầu hạ hóa của quý thầy.

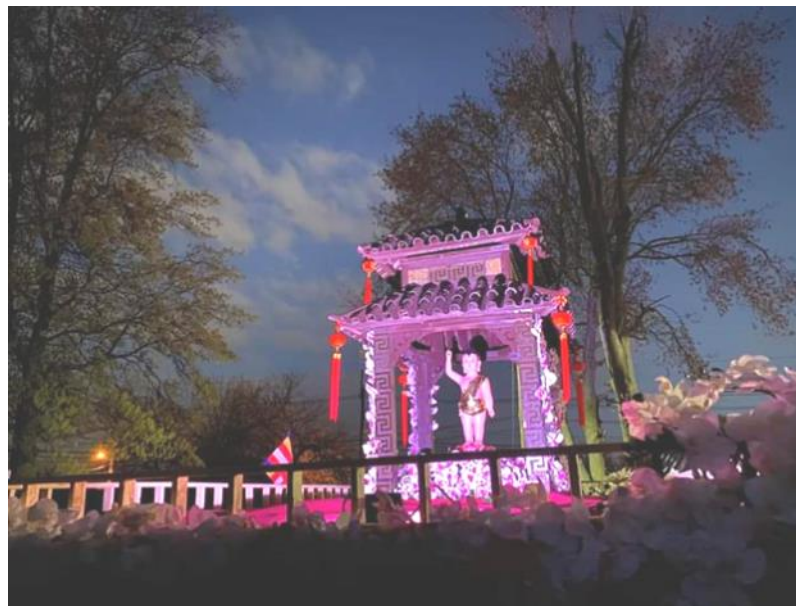


Quý Tân Thượng Tọa nhận Chứng điệp Tấn phong, chụp hình lưu niệm trước lễ đài



Xe hoa cúng đường Đại lễ đang diễn hành (tổng cộng đoàn xe 23 ba chiếc)

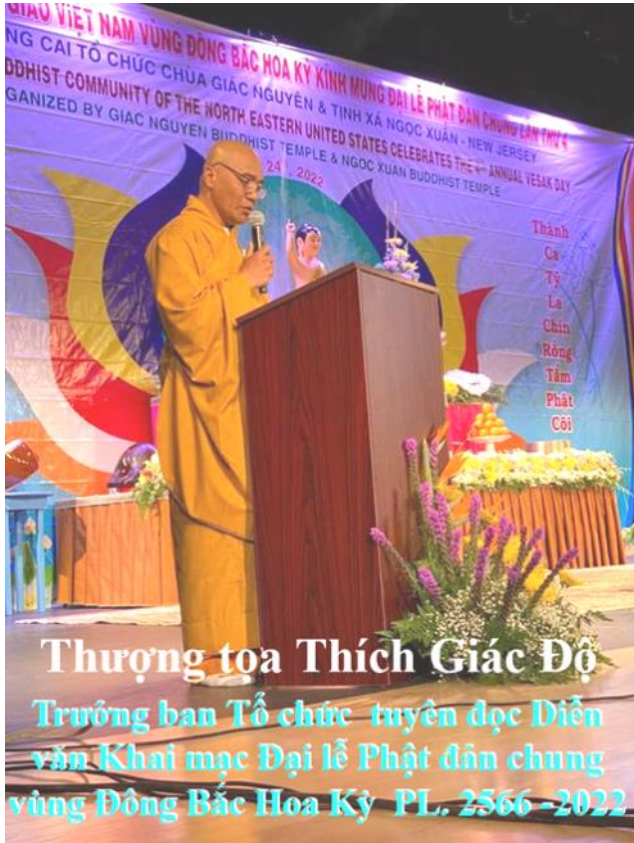
Năm thứ tư (2022 - Pl. 2566), Thượng tọa Thích Giác Độ, Trụ trì chùa Giác Nguyên làm Trưởng ban và Đại đức Thích Giác Tuyên, Trụ trì tịnh xá Ngọc Xuân, Phó ban cùng tiểu bang New Jersey; đồng thời, chư Tôn đức của toàn vùng đã chuẩn nhận cho năm kế tiếp.



Kiểu Phật Sơ Sanh trong ngày Đại lễ đang diễn hành về lễ đài

Năm thứ năm (2023- Pl. 2567), Thượng tọa Thích Hạnh Hải, Trụ trì chùa Pháp Bảo làm Trưởng ban, hai vị Phó ban là Đại đức Thích Giác Giới, chùa Phật Bảo, sư cô Thích nữ Nhật Hồng chùa Quan Âm, tiểu bang Pennsylvania.

Trên đây là những thành quả đáng tán dương và ghi nhận sự cống hiến tâm nguyện của người



Thượng tọa Thích Giác Độ
 Trưởng ban Tổ chức tuyên đọc Diển
 văn Khai mạc Đại lễ Phật đàn chung
 vùng Đông Bắc Hoa Kỳ PL. 2566-2022

*Thượng tọa Thích Giác Độ, Trưởng ban Tổ chức
 tuyên đọc Diển văn Khai mạc Đại lễ*

con Phật dù xuất gia hay tại gia là: Con chim đại bàng bay được và bay xa là nhờ đôi cánh của nó vững mạnh, nếu một trong hai cánh bị thương thì con đại bàng không thể bay được. Giáo lý của Phật cũng vậy, muốn có được hưng khởi như trong kinh đã dạy ... **"Kiến pháp tràng ư xứ xứ, phá nghi võng ư trùng trùng..."**; thì đại bộ phận đệ tử Phật dù xuất gia hay tại gia cũng phải đồng bộ vững mạnh như hai cánh của con chim đại bàng không khác.

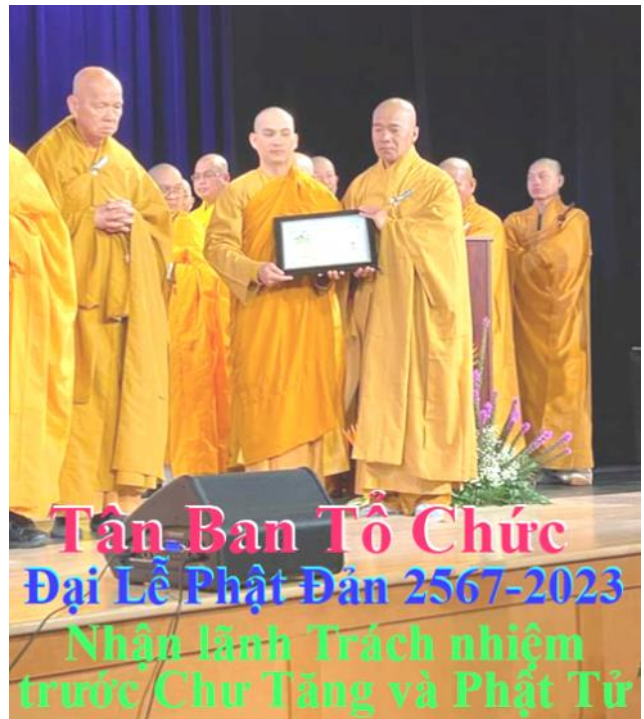
Cho nên, điều đáng tán ngưỡng là hàng Phật tử tại gia đã nỗ lực không ngừng trong tâm nguyện cúng dường ngày Đại lễ Phật đàn qua bốn năm vừa rồi với nhiều phương thức khác nhau; điều mà chúng ta phải thần phục là: 25 chiếc xe hoa, trong đó có 22 chiếc xe thượng hạng như Mercedes, Lexus, Toyota mới đều cho Ban tổ chức mượn để trang trí Đức Phật giảng sinh (*kính xin xem ảnh trong bài thì sẽ rõ*); mặc dù quý đạo hữu đã cho mượn xe với tâm nguyện hoan hỷ suốt bốn ngày liền nhưng cố vị đã không có xe để sử dụng cho gia đình mà vẫn vui vẻ.

Cũng trong tinh thần ấy, những tiểu bang nối kết Phật sự này, ngoài sự hướng dẫn trực tiếp hay gián tiếp của cố Hòa thượng Thái Siêu, cũng như chính bản thân chúng tôi (*Tín Nghĩa*) đã khuyến tấn và cung thỉnh bốn vị Tân Thượng Tọa vừa được tấn phong vào chức vụ Phó tổng vụ trưởng trong Hội đồng Điều hành của Giáo hội.

Giáo hội xin hồi hướng công đức vô lượng của cố Hòa thượng Thái Siêu và chào đón chư Tôn đức



*Nhiệm vụ Chánh phó Ban Tổ Chức Đại lễ Phật Đàn
 2566, tại tiểu bang New Jersey*



Tân Ban Tổ Chức
Đại Lễ Phật Đàn 2567-2023
Nhận lãnh Trách nhiệm
trước Chư Tăng và Phật Tử

Tăng ni và cùng hành hàng lớp Phật tử của Vùng Đông Bắc Hoa Kỳ đã hòa đồng và nhịp nhàng đồng hành chung bước với Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ.

Thành kính chúc mừng chung với những tâm nguyện dựng đạo đẹp đời.

Điều Ngự Tử TÍN NGHĨA

Mùa Phật đàn 2566, May 10, 2022

NGỌC BẦU TRONG ÁO

Thuở xưa có một thanh niên
Tinh tình hiếu khách, khắp miền kết giao
Nhà giàu, con đại phú hào
Bạc tiền, của cải kẻ sao cho vừa.
Chuyện làm ăn chàng chẳng ưa
Chỉ vui họp bạn, say sưa qua ngày.
Năm hai mươi tuổi buồn thay
Cha chàng bệnh nặng không may qua đời
Lâu nay chàng chỉ rong chơi
Làm ăn buôn bán có đời nào hay,
Gia tài chấp cánh dần bay
Ngoảnh đi ngoảnh lại trắng tay mất rồi
Đành lê bước khắp phương trời
Tìm thăm bạn cũ từ thời xa xưa.
Người tiếp đón, kẻ tiền đưa
Trần đây tình nghĩa, dư thừa thủy chung
Nhưng chàng đi khắp các vùng
Lòng riêng tự ái chẳng dừng chân lâu
Ghé thăm chỉ một lần đầu
Rồi không trở lại tìm nhau sợ phiền.
Một ngày đói khổ triền miên
Sức tàn, lực kiệt giữa miền xa xăm
Chàng bèn lê bước ghé thăm
Một người bạn cũ lâu năm thân tình,
Bạn chàng tiếp đón nhiệt thành
Tiệc tùng ăn uống linh đình cùng nhau
Vui buồn tâm sự trước sau
Thăng trầm cuộc sống, khổ đau trường đời
Im lìm chàng chẳng hé lời
Giấu ngày khôn khổ, giấu thời tàn phai
Dù cho đáng vẽ bề ngoài
Bản cùng lộ rõ, giấu ai dễ nào.

Một chiều uống rượu vườn đào
Đôi bên chủ khách rượu vào lời ra
Cùng nhau than thở gần xa:
"Nhân tình thế thái sao mà chán thay!"
Voi đầy cạn chén mau say
Bao nhiêu tâm sự trút đây theo men
Chẳng bao lâu chàng say mềm
Bạn dìu vào ngủ. Ngồi bên trông chừng
Ngắm chàng thấy vẻ bản cùng
Nhớ ơn thuở trước đã từng giúp nhau
Giờ mình hưởng cảnh sang giàu
Đền ơn, giúp bạn qua cầu gian truân.
Biết chàng tự ái vô cùng
Nếu công khai giúp chàng không nhận nào
Chủ nhà lặng lẽ đi vào
Nghĩ suy tìm cách khéo sao giúp người
Phòng riêng mở tủ tìm tòi
Chọn viên ngọc quý, hiếm hoi, đắt tiền

Khâu vào gấu áo bạn hiền:
"Ngọc này giúp sống bình yên trọn đời.!"
Hôm sau vừa lúc sáng trời
Anh chàng thức dậy ngỡ lời biệt ly
Bạn dù giữ, vẫn ra đi
Nào đâu ở lại làm chi thêm phiền.
Kể từ khi đó triền miên
Giang hồ lưu lạc khắp miền đặt chân
Màn trời chiếu đất lê thân
Lang thang cực khổ kiếm ăn qua ngày.

Một hôm lạc bước chốn này
Tìm nhà trưởng giả dừng đây xin làm
Đổ mồ hôi, góp sức tàn
Kiếm ngày hai bữa vô vàn xót xa.
Một hôm có khách ghé nhà
Phú ông niềm nở chạy ra đón chào,
Chàng làm công ngạc nhiên sao
Nhận ra bạn cũ vườn đào thân thương.
Khách xa sừng sốt vô cùng
Hỏi chàng: "Sao lại ra nông nổi này?
Hai năm gặp gỡ trước đây
Giúp anh ngọc quý, sao nay vẫn nghèo
Vẫn tang thương, vẫn tiêu điều
Hay là ngọc quý mất tiêu chốn nào
Thử tìm gấu áo xem sao?"
Anh chàng nghe nói ngỡ nào giấc mơ
Sờ vào gấu áo đâu ngờ
Ngọc kia còn đó sẵn chờ chàng thôi
Nghẹn ngào chàng khẽ thốt lời:
"Bây lâu mê muội sống đời ngu si
Ngọc trong tay chẳng biết gì
Để rồi khổ mãi! Trách chi Phật, Trời!
U minh che lấp trí người
Khùng điên hạng nhất trên đời là tôi!"

Từ lâu Phật đã dạy rồi:
"Chúng sanh Phật tánh sẵn nơi thân này,
Tương lai thành Phật một ngày
Riêng ta là Phật giờ nay đã thành.
Chúng sanh tu khéo tâm mình
Tương lai cũng sẽ trở thành Phật thôi!"

(Thi hóa Truyện Cổ Phật Giáo)

thơ

TÂM MINH —
NGÔ TẰNG GIAO

NHƯ LAI - BẠC NÓI LỜI CHÂN THẬT

Quảng Tánh

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Đức Phật, Như Lai là bậc Giác ngộ, đấng Toàn giác, “tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn”. Toàn giác còn có nghĩa là Như Lai biết hết mọi chuyện từ quá khứ, hiện tại, cho đến vị lai.

Tuy nhiên, khi còn tại thế, đối với những câu hỏi liên quan đến các phạm trù siêu hình và quyền năng, Đức Phật đều im lặng. Chính sự im lặng này của Đức Phật mà đương thời dấy lên nhiều nghi vấn “Sa-môn Cù-đàm biết suốt việc trong đời quá khứ, nhưng không biết việc trong đời vị lai.”

Thực ra những câu hỏi có tính siêu hình thì Như Lai không quan tâm, vì cho rằng đó là hý luận. Theo Ngài, việc cần thiết nhất cho chúng sinh là nhận thức sự khổ và tìm phương pháp diệt khổ. Ngài thường lấy ví dụ như người bị trúng tên thì việc cần làm là rút mũi tên ấy ra rồi cấp tốc chữa trị. Trong khi chờ chết mà truy tìm nguồn gốc của mũi tên, do ại bản, được làm từ chất liệu gì... thì không thực tiễn và chẳng thông minh. Nên những cất vấn của ngoại đạo về việc Như Lai có biết về quá khứ, vị lai hay không, Ngài thường im lặng.

“Một thời, Phật ở tại nước Ca-duy-la-vê, trong khu rừng của Ưu-bà-tắc Miến-kỳ, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo 1.250 người...”

Rồi Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

Hoặc có Phạm chí ngoại đạo nói như vậy: Sa-môn Cù-đàm biết suốt việc trong đời quá khứ, nhưng không biết việc trong đời vị lai. Tỳ-kheo kia, cùng Phạm chí dị học kia, trí tuệ khác nhau, trí quán cũng khác, nên lời nói hư dối. Như Lai đối với việc quá khứ kia, không gì không thấy biết, rõ như ở trước mắt. Đối với đời vị lai, Như Lai có trí tuệ phát sanh từ đạo. Việc trong đời quá khứ vốn hư dối không thật, không đáng vui thích, không lợi ích gì, Như Lai không ghi nhận. Hoặc việc quá khứ có thật, nhưng không đáng ưa thích, không ích lợi

gì, Phật cũng không ghi nhận. Nếu việc quá khứ có thật, đáng ưa, nhưng không lợi ích, Phật cũng không ghi nhận. Nếu việc quá khứ có thật, đáng ưa, có lợi ích, Như Lai biết suốt, sau đó mới ghi nhận. Vị lai, hiện tại, cũng vậy.

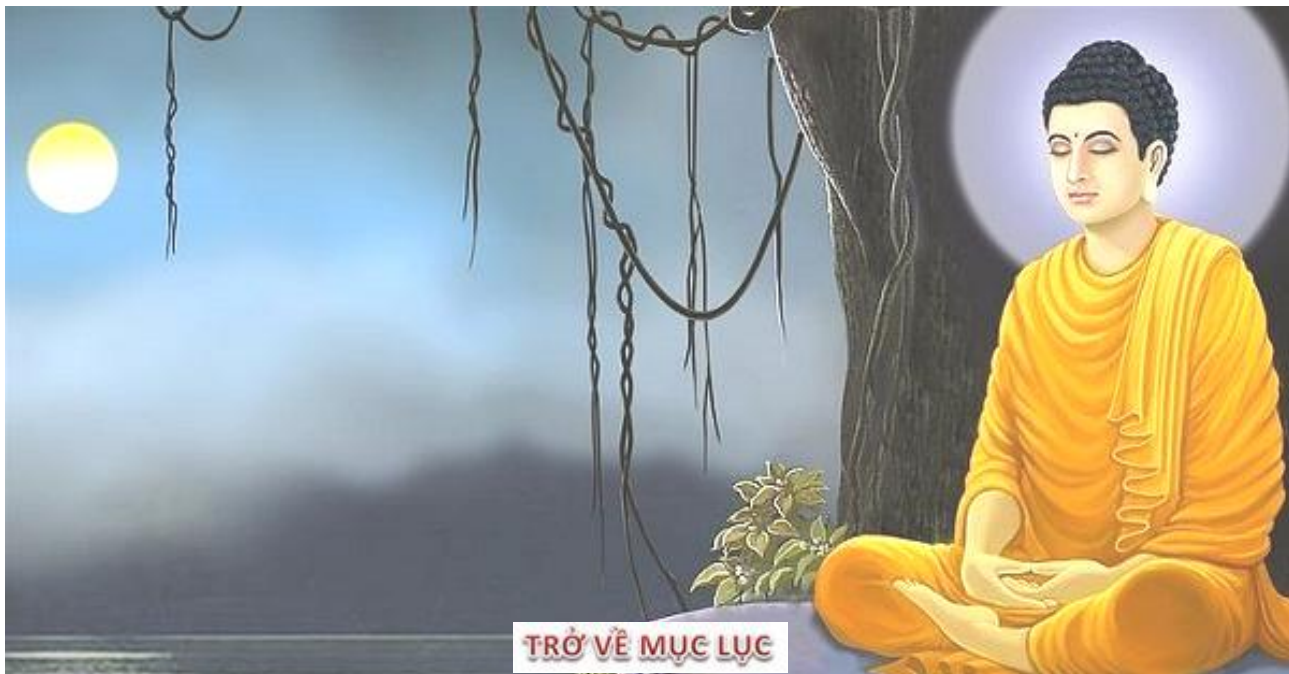
Như Lai đối với quá khứ, vị lai, hiện tại, nói đúng thời, nói sự thật, nói có nghĩa, có lợi, nói đúng pháp, đúng luật, không có lời hư dối. Phật từ đêm đầu tiên thành Vô thượng Chánh giác cho đến đêm cuối cùng, trong khoảng giữa, có nói điều gì, thảy đều như thật; do đó gọi là Như Lai.

Lại nữa, những điều Như Lai nói đúng như sự; sự đúng như lời; do đó gọi là Như Lai”.

(Kinh Trường A-hàm, kinh Thanh tịnh, số 17 [trích])

Ở pháp thoại này, khi được hỏi về vấn đề siêu hình thì Như Lai không im lặng nữa mà nói rõ: “Nếu việc quá khứ có thật, đáng ưa, có lợi ích, Như Lai biết suốt, sau đó mới ghi nhận. Vị lai, hiện tại, cũng vậy”. Rõ ràng Ngài biết hết quá khứ, hiện tại, vị lai nhưng chỉ ghi nhận và nói ra những việc “có thật, đáng ưa, có lợi ích” mà thôi. Điều này cũng giống như người thông minh biết sàng lọc thông tin trong thời hiện đại. Chỉ chọn những thông tin gì “có thật, đáng ưa và có lợi ích” mới tiếp nhận, còn lại tin rác đều buông hết, không quan tâm.

Vì có chọn lọc, chỉ ghi nhận và nói ra những việc “có thật, đáng ưa và có lợi ích” nên Như Lai “từ đêm đầu tiên thành Vô thượng Chánh giác cho đến đêm cuối cùng, trong khoảng giữa, có nói điều gì, thảy đều như thật; do đó gọi là Như Lai”. Nên Như Lai là bậc nói lời chân thật, nói lên sự thật, lợi ích hữu tình. Đó cũng là lý do hơn 2.500 năm sau, những lời dạy của Ngài vẫn là chân lý, và hàng đệ tử không cần chỉnh sửa hay uốn nắn giáo pháp cho phù hợp với thời đại và khoa học.



TRỞ VỀ MỤC LỤC

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Chúng tôi nhận được tin **Bác sĩ NGUYỄN Ý ĐỨC** đã mãn phần tại nhà riêng ở thành phố Arlington, tiểu bang Texas, sáng ngày 5 tháng 5, năm 2022, hưởng thọ 87 tuổi.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức là một lương y, tận tâm với nghề nghiệp, suốt đời chỉ nghĩ đến việc chăm sóc sức khỏe, giáo dục về kiến thức y khoa cho quần chúng. Sự ra đi của ông là một mất mát lớn lao cho cộng đồng người Việt trong và ngoài nước.

Khi nguyệt san Chánh Pháp ra mắt vào năm 2009, chúng tôi đã xin phép Bác sĩ Nguyễn Ý Đức được trích đăng mỗi tháng một bài viết về Y khoa Phổ thông, và đã được Bác sĩ hoan hỷ nhận lời; và suốt 14 năm qua, tháng nào cũng có một bài viết thật lợi lạc của Bác sĩ, góp phần ngừa bệnh và chữa bệnh cho độc giả khắp nơi.

Với lòng biết ơn và kính tiếc một bậc danh y tài đức, chúng tôi xin thành kính chia buồn cùng toàn gia quyến của Bác sĩ, đồng thời cầu nguyện Bác sĩ được an nhiên sinh về miền vĩnh hằng.



*Bác Sĩ Nguyễn Ý Đức
(1935 – 2022)*

Đồng thành kính phân ưu:

Ban Chủ Trương & Ban Biên Tập Nguyệt san Chánh Pháp

Sau đây là tiểu sử Bác sĩ Nguyễn Ý Đức, lược ghi theo Khôi Nguyên/Người Việt Online:

"Bác Sĩ Nguyễn Ý Đức, vừa qua đời tại nhà riêng, thành phố Arlington, tiểu bang Texas, lúc 3 giờ 12 phút sáng ngày 5 Tháng Năm, thọ 87 tuổi.

Bác Sĩ Nguyễn Ý Đức sinh ngày 9 Tháng Năm, 1935, tại Hải Dương, miền Bắc Việt Nam sau đó di cư vào miền Nam.

Trong cuộc chiến Việt Nam, ông là y sĩ hiện dịch Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa và từng phục vụ tại Trung Đoàn 49, Sư Đoàn 25 tại Quy Nhơn; Đại Đội Quân Y Sư Đoàn 7 Bộ Binh, Mỹ Tho; Bệnh Viện 3 Dã Chiến Mỹ Tho; Tổng Y Viện Cộng Hòa; Bệnh Viện Trưng Vương Sài Gòn; phó chủ tịch Hội Đồng Đô Thành Sài Gòn (1970-1974); hội viên CARITAS Việt Nam.

Ông nhận bằng Tiến Sĩ Y Khoa Quốc Gia tại Y Khoa Đại Học Đường, Viện Đại Học Sài Gòn, năm 1971, với hơn 50 năm hành nghề về Y Khoa Gia Đình tại Việt Nam và Hoa Kỳ.

Ông di tản đến Hoa Kỳ năm 1975, định cư và hành nghề tại thành phố Baton Rouge, tiểu bang Louisiana, trong suốt 25 năm liền và cũng là chủ tịch Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia Việt Nam tại Baton Rouge và Chủ tịch Hội Y Sĩ Việt Nam tại Louisiana. Sau khi về hưu, ông cùng gia đình chuyển về cư ngụ tại thành phố Arlington, Tây Nam Dallas.

Tại Hoa Kỳ, ngoài việc hành nghề y, chăm sóc sức khỏe trực tiếp, ông còn gián tiếp chăm sóc sức khỏe cho đồng hương Việt Nam qua hàng trăm bài viết trên các cơ quan truyền thông Việt ngữ về sức khỏe, dinh dưỡng và những vấn đề y tế xã hội qua mục "Câu Chuyện Thầy Lạ" trên các báo như: Người Việt, Tuần Báo Trẻ, Việt Vùng Vịnh, Thời Báo, Bút Việt, Á Châu Thời Báo, Thăng Mõ, Hướng Đi... Ông hợp tác với chương trình phát thanh VOA, RFI, RFA, Việt Nam Hải Ngoại, VietRadio, VAB, Dallas Radio, Lạc Việt Radio Canada, O 2TV, Vietface TV, Vietv, CMG TV,..."

CHIẾN TRANH VÀ BẤT BẠO ĐỘNG

Nguyên tác: “Religion and Society” by S. RADHANKRISHNAN

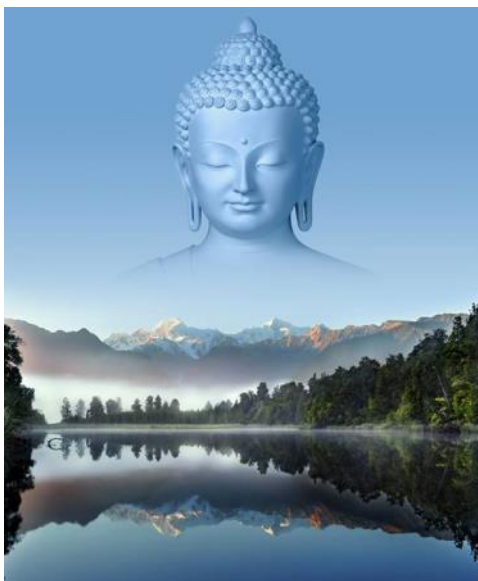
HT. Thích Quảng Độ dịch

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

(tiếp theo kỳ trước)

III. CHIẾN TRANH VÀ TRẬT TỰ MỚI

Trong cuốn *The Study of History* (Sử Học), Giáo sư Arnold Toynbee đã nhận xét những hoàn cảnh trong đó các nền văn minh sinh trưởng và những điều kiện đưa đến sự suy đồi của chúng. Sự trưởng thành và bành trướng của các nền văn minh không thể dựa trên sự độc tôn của chủng tộc hay động tác tự nhiên của hoàn cảnh. Chúng là kết quả của sự điều hòa các liên hệ giữa người và hoàn cảnh xung quanh, và tiến trình đó có tính chất “Thách thức và đáp ứng”. Những hoàn cảnh biến đổi cấu thành sự thách thức đối với xã hội và chính nhờ ở nỗ lực đáp ứng lại sự thách thức ấy mà văn minh tinh trưởng. Sống có nghĩa là cố gắng không ngừng để thích ứng hoàn cảnh. Khi hoàn cảnh biến đổi và sự đáp ứng thành công thì ta có tiến bộ; khi hoàn cảnh biến đổi quá nhanh hay quá đột ngột khiến ta không thích ứng kịp thì ta sẽ bị tiêu diệt. Chúng ta đừng tưởng rằng nhờ có trí lực hay biết làm chủ trái đất mà ta thoát được những luật tắc tự nhiên chi phối mọi sinh vật. Trong trường hợp những nền văn minh xưa kia sự thách thức chỉ có tính chất vật chất ngoại tại, ngược lại, vấn đề của những nền văn minh sau này thì phần chính là tinh thần nội tại. Sự tiến bộ ngày nay không thể được đánh giá qua sự phát đạt về vật chất hay kỹ thuật mà bằng những biến đổi sáng tạo ở lĩnh vực tinh thần và tâm linh. Tôn trọng những giá trị tinh thần, yêu sự thật, lễ phải và cái đẹp, yêu công bằng, chuộng tình thương, đồng tình với những người bị áp bức và tin tưởng tình huynh đệ của con người, là những đức tính sẽ cứu vãn nền văn minh hiện đại... Những kẻ tự tách khỏi cộng đồng thế giới dưới danh nghĩa tôn giáo hay chủng tộc, quốc gia hay chính thể, không những chẳng giúp ích gì mà còn làm hại cho sự tiến hóa của nhân loại. Lịch sử đã ghi lại sự sụp đổ của nhiều nền văn minh đã không tự thích ứng được, đã không sản xuất được những khối óc có đủ thông minh và tài ứng biến cần thiết. Những người sáng suốt nhận thấy trong



thời đại nguy hiểm này của thế giới sự kết liễu không những một giai đoạn lịch sử mà còn là một giai đoạn tinh thần của loài người và của mỗi cá nhân tự giác. Con người chưa hẳn đã tiến hóa đến tột đỉnh. Lịch sử sự sống trên trái đất đã bắt đầu từ hơn một nghìn triệu năm. Mỗi thời kỳ địa chất đã xuất hiện những sinh vật có thể đại biểu cho một hình thức sáng tạo cao nhất. Tuy nhiên, những hình thức của sự sống ấy đã được thay thế bằng những hình thức khác. Giai đoạn tiến hóa tới sẽ không phải ở thể chất mà ở tinh thần con người, ở sự hiểu biết rộng rãi và giác ngộ cá nhân, và ở sự phát triển những đặc tính mới thích hợp với thời đại mới. Khi con người có được ý thức triết học, hiểu biết một cách sâu xa về ý nghĩa toàn thể, khi ấy đời sống xã hội sẽ trở nên thích đáng hơn và ảnh hưởng không những đến cá nhân mà còn ảnh hưởng đến cả các quốc gia và các dân tộc. Chúng ta phải chiến đấu, trước hết trong bản thân ta, rồi đến xã hội bên ngoài, để giành cho được một nền trật tự mới.

Cuộc chiến tranh này không phải là một cuộc xung đột giữa văn minh và dã man, vì một người tham chiến đều quan niệm là họ đang chiến đấu để bảo vệ nền văn minh. Nó không phải một cố gắng để làm sống lại một quá khứ đã chết hay một nền văn minh què quặt đã quá suy đồi. Nó là hành động cuối cùng sẽ mở đường cho một kỷ nguyên mới của thế giới cộng đồng. Bởi vì chúng ta không chịu thay đổi hoặc thay đổi một cách chậm chạp nên quan niệm mới buộc phải phát sinh tìm lối thoát bạo lực. Nếu thế giới cũ đã phải chết trong bạo lực, trong tai họa, trong lăm lăm, trong khủng bố và hỗn loạn, nếu nó đã sụp đổ và cuốn theo nó nhiều điều chân, thiện, mỹ, cuốn theo bao nhiêu máu, nước mắt, sinh mạng và làm cho nhiều người phải quằn quại trong tinh thần, là vì chúng ta đã không tự điều hòa được với thế giới mới mà trên bản chất đã luôn luôn là bất khả phân, và hiện giờ đang trở dậy để trở thành bất khả phân trên thực tế. Nếu chúng ta không tiến tới và không tự trút bỏ những thành kiến chật hẹp thì một tai họa kinh khủng sẽ làm chúng ta bùng tình và giúp ta rời bỏ và đập tan mọi hình thức cứng nhắc làm tê liệt những tình cảm khoan dung

và đồng tình quảng đại.

Tội ác không phải là một hiện tượng ngẫu nhiên. Bạo động, áp bức và hận thù không phải là một dấu hiệu hỗn loạn nhưng của một trật tự đạo đức. Luật tắc thiên nhiên vốn nhất trí, vốn tôn trọng tình người và tình huynh đệ, nhưng khi luật tắc ấy bị chà đạp thì kết quả sẽ hỗn loạn, thù hận và chiến tranh. Lịch sử có luận lý của nó và cho ta thấy những rối loạn, vô trật tự là cần thiết để quét sạch những gì đã quá lạc hậu, quá mòn rữa mà đã cản trở tiến bộ. Ngay bây giờ đây, khi mà thế giới, đứng về phương diện vật chất, cơ hồ như bị tiêu hao bởi oán ghét, khi mà bạo lực, sợ hãi, dối trá và tàn nhẫn tựa hồ như đời sống thực tế của đời sống nhân loại, thì những lý tưởng cao cả của chân lý và tình thương vẫn cũng đang ngấm ngầm hoạt động để tiêu diệt bạo ác và dối trá. Nếu ta không sáng suốt và can đảm để hoạt động cho nền hòa bình và thống nhất thế giới thì thế giới này có thể chỉ sẽ là môi trường hoạt động của quý sa-tăng đội lốt thiên thần. Mặc dầu phải trải qua giông tố, ta cứ nhìn về tương lai mà tin tưởng một cách chắc chắn là có một ý thức sâu xa về tất cả sự hỗn độn và rối loạn này. Biết đâu qua những nổi bi thảm ấy chúng ta lại không có một sự hiểu biết đầy đủ hơn về những giá trị tinh thần mà sẽ đưa nhân loại lên một tầm mức cao hơn. Chiến tranh không phải hoàn toàn do một bọn điên rồ, cuồng tín, ích kỷ, tham lam, mà nó cũng là một cuộc chiến đấu cho tinh thần nhân loại do những cá nhân trung thành, nhẫn nại, trông chờ vào một cuộc sống mới và sự nghiệp hòa bình. Con người là kẻ phá hoại nhưng đồng thời cũng là kẻ xây dựng. Thế giới khổ đau này rất có thể trở thành cảnh cực lạc. Ngày ấy có thể là còn lâu mới đến, có thể là hàng chục năm hay hàng thế kỷ. Vì sự trở thành một thế giới mới không phải dễ dàng, nhưng giá trị của nhân loại cũng không phải cứ mãi mãi đi xuống. Trong mỗi chúng ta đều có một ý thức tiềm tàng sự nhất trí của sự sống, sự nhất trí ấy làm cho lòng người cổ kết với nhau trong một niềm tin vững chắc của một nền trật tự tốt đẹp hơn. Đã có một lúc niềm tin ấy yếu ớt và hy vọng đã trở nên lu mờ. Nhưng thời kỳ đen tối ấy đã báo trước một buổi sáng huy hoàng mang lại cho đời sống nhân loại một niềm hoan lạc. Sự ngoan cố và đặc thẳng tạm thời của một thiểu số không thể cản trở được bước tiến của thời đại, không thể bóp chết được niềm hy vọng và có ý chí vươn tới của toàn thể loài người. Có thể còn mất nhiều thế kỷ nữa sự tiến bộ về đạo đức mới khiến cho con người gội sạch được lòng vị kỷ hẹp hòi, ham chuộng quyền thế, thủ vai phi lý bằng cách đánh gục một kẻ thù, và khiến cho họ từ bỏ những tiện nghi cần thiết, từ bỏ mọi đặc quyền cá nhân mà, chỉ bằng cách đó, họ mới có thể đảm bảo cho xã hội chống lại mọi bất công, thối nát. Tuy nhiên, cuối cùng, sự tiến hóa của thế giới sẽ thắng, bởi lẽ thế giới không phải nằm trong tay của một thiểu số phản phúc bạo tàn. Sự kết liễu của một nền văn minh không phải là sự kết liễu của lịch sử mà rất có thể là sự mở màn cho một thời đại mới.

IV. CHỦ NGHĨA HIỆN SINH: NHƯỢC ĐIỂM CHÍNH CỦA THỜI ĐẠI CHÚNG TA

Những nguyên nhân chính của sự thống khổ hiện nay là gì? Khi ta tìm đến nguyên nhân của cuộc chiến tranh, ta có thể nghĩ đến những nguyên nhân xa với, chính yếu hay thứ yếu. Ta có thể tìm nguyên nhân ấy trong tâm lý cá nhân của Hitler,

trong thiên tài độc ác của ông ta, hay trong sự bất mãn của nước Đức với những điều khoản về tội phạm chiến tranh được ghi trong Điều Ước Versailles, hoặc về sự từ chối không trả lại những thuộc địa cũ của người Đức, hay trong niềm kiêu hãnh bị tổn thương và tính lẳng mạn của một dân tộc vĩ đại. Ta cũng có thể tìm thấy nó trong sự thất bại về hội nghị tài binh của hội Quốc Liên, hay trong sự va chạm giữa các quốc gia trong cuộc chạy đua bành trướng thuộc địa. Nhưng không một nguyên nhân nào trên đây có thể chịu trách nhiệm cho cuộc đại họa này. Mỗi nguyên nhân ấy thật sự là một kết quả chứ không phải nguyên nhân. Cái đã làm cho thế giới đầy hy vọng này tan tành là sự thắng thế của một nền triết lý chứa đựng những giá tưởng, những tín ngưỡng và giá trị sai lầm[1].

Văn minh là một lối sống, một cuộc vận động tinh thần của con người. Bản chất của nó không phải là sự nhất trí về sinh vật của chúng tộc, hay ở những tổ chức chính trị và kinh tế mà là ở những giá trị đã sáng tạo và duy trì tất cả những cái đó. Cơ cấu chính trị và kinh tế chỉ là những tổ chức để người ta dựa vào đó mà biểu hiện nhiệt tâm và trung thực đối với thị kiến và giá trị của sự sống mà người ta chấp nhận. Mỗi nền văn minh là sự biểu hiện của một tôn giáo, vì tôn giáo biểu hiện niềm tin vào những giá trị tuyệt đối và một lối sống để thể hiện những giá trị ấy. Nếu ta không nhận chân rằng những giá trị mà một nền văn minh biểu hiện là tuyệt đối thì những luật tắc của nó là luật tắc chết và định chế của nó sẽ sụp đổ. Tín ngưỡng tôn giáo cho chúng ta lòng nhiệt thành để theo đuổi trong lối sống và, nếu niềm tin ấy phai mờ, sự thuận tòng chỉ còn là một thói quen, và thói quen sẽ dần dần suy giảm. Chẳng hạn, những tín ngưỡng Quốc Xã và Cộng Sản là những tôn giáo hiện sinh. Bất cứ sự chuyển hướng nào trong tư tưởng hay niềm tin mà xa rời chế độ là một tội phạm. Nhà nước trở thành giáo đường với các giáo hoàng và những tòa án tôn giáo (Inquisitions). Ta cầu nguyện khi ta được nhận vào đạo. Ta tìm ra những kẻ dị giáo và đưa họ lên đoạn-đầu-đài. Ta sử dụng mọi năng lực và tình cảm tôn giáo. Những tín ngưỡng thế tục ấy biểu trưng một quyền uy ghê gớm, một động lực tâm lý mà hầu như không có trong những hành động của những người cố gắng chống lại chúng.

Đặc trưng của một nền văn minh là ở quan niệm của nó về bản tính và vận mệnh của con người. Con người có được, theo danh từ sinh-vật-học, coi như một sinh vật tinh khôn nhất không? Người có là con vật kinh tế bị chi phối bởi những qui luật cung, cầu, và đấu tranh giai cấp không? Người ta có là con vật chính trị với một học thuyết chính trị quá độ chiếm cứ trung tâm tinh thần con người và thay thế cho tất cả tri thức, tôn giáo và trí tuệ? Hay con người có một yếu tố tâm linh nào đó đòi hỏi phải nhường những chỗ tiện nghi tạm bợ cho những giá trị chân thật và vĩnh cửu? Nhân loại chỉ được hiểu theo những danh từ sinh-vật-học, chính-trị-học và kinh-tế-học thôi, hay ta còn phải nghĩ đến đời sống gia đình và xã hội của họ, đến tình yêu truyền thống và quê hương, đến niềm hi vọng của tôn giáo và những niềm an ủi đã có từ trước những nền văn minh tối cổ? Ý nghĩa sâu xa hơn của cuộc chiến là giúp chúng ta nhận chân được quan niệm sai lầm về bản tính cũng

như chân tướng của con người mà, trong đó tất cả chúng ta đều có liên quan trong tất cả lối sống và lối suy nghĩ của chúng ta. Nếu chúng ta không cư xử tử tế với nhau, nếu tất cả những nỗ lực đem lại hòa bình trên trái đất đã thất bại, thì đó chính là vì đã có những trở ngại tị hiềm ích kỷ và hiểm độc ngay trong tâm hồn con người mà lối sống và suy nghĩ của chúng ta không gội sạch được. Nếu ngày nay chúng ta bị khuất phục bởi sự sống thì đó không phải là vận mệnh độc ác. Sự thành quả của chúng ta trong công cuộc kiện toàn những khí cụ vật chất cho đời sống đã sản sinh ra một thái độ tự tin và kiêu hãnh đưa đến chỗ lạm dụng thay vì cảm hóa vật chất. Cuộc sống xã hội đã cho ta phương tiện như chiếc bỏ cứu kính. Một mù quáng rung rợn đã khiến con người ở thế hệ chúng ta không ngần ngại đầu cơ trục lợi trong nỗi đau khổ của đồng loại bằng những sắc luật kinh tế khắc khe trong thời bình và xâm lăng, tàn bạo trong thời chiến. Sự tách rời yếu tố tâm linh ra khỏi đời sống con người là nguyên nhân đưa đến sự tôn thờ vật chất, và sự dửng dưng của con người trước quyền lực vật chất là nhược điểm chính của nền văn minh hiện đại.

Kinh Bhagavadgita vạch ra rằng khi con người tự cho mình là thần thánh trên trái đất, khi họ tự tách rời khỏi nguồn gốc của họ, khi họ bị vô minh che lấp như vậy thì họ triển khai trong họ một con quỷ độc ác hay tính tự tôn tự đại cho mình là tuyệt đối cả về trí thức lẫn quyền lực. Con người đã trở thành tự trị và đánh rơi mất đức khiêm tốn nhưn nhưn. Họ muốn tự làm "Thần thánh". Trong mưu toan nắm quyền điều khiển lấy vận mệnh, con người đã kiến tạo một nền văn hóa trong đó phủ nhận sự tồn tại của Thượng đế. Tính tự túc, tự mãn đã đạt đến tuyệt đỉnh. Chiến tranh chính là kết quả của tính tự phụ ấy; các nhà độc tài muốn tự do thay đổi thượng đế, thay trời. Họ muốn thủ tiêu thượng đế vì họ không muốn có địch thủ. Hitler là một nhân vật độc đáo, là nhà tiên tri của nền văn minh của tất cả chúng ta. Khi phải chứng kiến những sự suy đồi của mọi giá trị, chúng ta không phải kêu lên với Quận Công Albany trong King Lear: "Đây là thời đại của những người điên dặt dấn những kẻ mù".

Con người tưởng tượng mình là trên hết và tin tưởng một cách mù quáng vào vật chất, vào kỹ thuật, vào những cái tạm bợ trước mắt. Kỹ nghệ và thương mại nhằm vào lợi lộc và sự giàu có hơn là vào việc thỏa mãn nhu cầu của nhân loại. Thế giới chân, thiện, mỹ được coi như một sản phẩm được cấu tạo một cách ngẫu nhiên bởi các nguyên tử và tất nhiên cũng kết liễu như nó đã bắt đầu trong một đám mây khinh khí. Con người với tham vọng vô biên sẽ soán quyền tạo hóa, và có gần xây dựng một thế giới mới bằng phổ thông đầu phiếu, bằng sản xuất tập thể, bằng đối công và thỉnh thoảng chúc tụng một ông "trời" mà người ta hoàn toàn tin chắc. Tín ngưỡng hiện đại là chủ nghĩa hiện sinh, tôn sùng con người và nhà nước được pha lẫn với một chút màu mè tôn giáo. Chủ thuyết cho rằng con người chỉ sống cơm áo đã cắt đứt sự liên lạc của con người với thế giới tâm linh, và hoàn toàn biểu thị con người trong những xã hội giai cấp, chủng tộc, quốc gia và dân tộc. Những giá trị của cuộc sống mà chúng ta theo đuổi, bất luận nghề nghiệp của chúng ta là gì, cũng không khác nào những giá trị của kẻ thù của

chúng ta: tham quyền, tàn ác và thống trị. Thức ăn ngon, quần áo đẹp, giường nệm ấm êm chưa đủ để thỏa mãn chúng ta. Đau khổ và bất mãn không phải chỉ xuất phát từ sự nghèo khổ. Người là một con vật kỳ lạ, hoàn toàn khác với các loài vật khác. Con người có những kiến thức xa rộng, những niềm mơ ước bền bỉ, những năng lực sáng tạo và sức mạnh tâm linh. Nếu những yếu tố ấy trong con người không được phát triển và thỏa mãn thì con người có thể có tất cả những tiện nghi mà của cải có thể cung cấp, nhưng cảm thấy đời là vô vị. Trí óc hiện đại được hình thành bởi những Xã- Ước (Social Contract) của Rousseau, Tư-Bản (Capital) của Marx, Về Nguồn Gốc Các Loài Vật (On the Origin of species) của Darwin và Sự Suy Đồi Của Tây Phương (The Decline of the West) của Spengler. Sự hỗn độn của đời sống bên ngoài của chúng ta là phản ánh sự rối loạn trong nội tâm ta. Plato nói: "Những định chế của thế giới bên ngoài chỉ là phản ánh những giá trị trong tâm hồn con người"[2]. Phải có một sự thay đổi về những lý tưởng mà chúng ta ôm ấp, về những giá trị chúng ta theo đuổi trước khi chúng ta có thể biểu hiện hóa chúng về phương diện xã hội. Chúng ta chỉ có thể tạo dựng được một tương lai tốt đẹp theo mức độ chúng ta tự thay đổi. Cái mà ta thiếu trong thời đại chúng ta là tâm hồn, chứ thể xác thì không sao cả. Chúng ta đau yếu về tâm linh. Chúng ta phải tìm ra những cội gốc vĩnh viễn và khôi phục niềm tin ở chân lý sẽ mang lại sự điều hòa, nhất trí và ý nghĩa cho sự sống; nếu không, khi bão lụt xảy đến và tràn vào nhà ta thì nó sẽ sụp đổ [3].

Chú thích:

[1] Tác giả sách Epistle of James hỏi: "Do đâu mà có chiến tranh và chết chóc giữa các người?" và trả lời: "Do lòng tham dục của các người".

[2] Cp. Rousseau: "Ô, người ơi! Đừng tìm tác giả của tội ác nữa, tác giả là người đẩy. Tội ác người làm hay tội ác người chịu, cả hai đều do người cả".

[3] Cp. Ruskin: "Từ khi lãnh thổ đầu tiên của con người được thiết lập trên đại dương, hơn hết, có ba chiếc ngai vàng đáng chú ý đã được dựng lên trên bãi cát: đó là ngai vàng của Tyre, Venike và của Anh Cát Lợi. Chiếc thứ nhất chỉ còn trong trí nhớ, chiếc thứ hai đã sụp đổ; chiếc thứ ba, thừa hưởng sự vĩ đại của hai chiếc trước, nếu lại quên tắm gương của chúng, thì có thể sẽ trải qua một giai đoạn kiêu hãnh hơn để rồi đi đến tiêu diệt một cách kém thương tâm hơn".

(còn tiếp)



Lục bát với SÁCH

TRÊN TAY

Nhẹ tênh qua ngõ áo vàng
Sân gạch đỏ ngõ ngàng loay hoay
Nặng nghiêng nghiêng phớt bờ vai
Nụ hàm tiếu nở trên tay sách già.

BUỒN VUI CHỢ SÁCH

Khóc khô nước mắt lại cười
Cười trang sách quý, quý người thanh tao
Khi vun đắp, lúc vơi hao
Giao lưu hảo hữu ra vào buồn vui!

NHÌN

Tôi nhìn tựa sách thành thơ
Em nhìn tôi thấy sách xưa cõi già
Tôi nhìn chim cuộc hóa gà
Nhìn trang sách rách hóa tòa trình nguyên.

THƠ RƠI

Xưa rồi bỗng hóa tinh khôi
Câu thề chữ nguyện đất trời động tâm
Giờ trang sách cũ lặng thầm
Giọt thơ rơi xuống một lần hoa khai.

HẦM HIU

Hầm hiu trang sách trang đời
Gió sương mưa nắng ngoài trời thấm sâu
Tung bừng vui quán niêm đau
Vài vung con chữ đậm màu thương yêu.

LƯU LY

Đã vui thoáng chốc sum vầy
Đừng quên tôi nhé những ngày xa nhau
Lưu ly xanh nhớ tím sâu
Ép hương trang sách tình đầu héo khô.

HỒI SINH

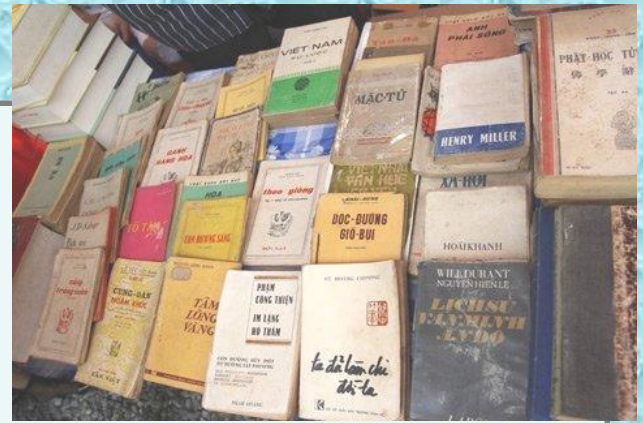
Lung linh trang sách gói đầu
Kẻ cho nghe những nhiệm màu trái tim
Gió về định mệnh lay nghiêng
Nửa đêm lá rụng xuống thêm hồi sinh.

HUYỄN

Đông Tây huyền hoặc khẩu truyền
Cổ thư ghi chép bên đèn gấm suy
Cuộc đời huyền mộng lâm ly
Mà sao ta mãi đắm say đi, về...

DỊCH LỊCH BỊCH

Sách xưa old books nghèo poor
Cheap price giá rẻ, âu lo worry
USA mác Huê Kỳ
Ô-tô car sắm một ngày a day.



DI CẢO THƠ BÙI GIÁNG

Phiêu bồng ngã queo chuyện chìm
Sâu gieo cung bậc nàng tiên thêu thảo
Bỏ hai chân xuống cái ào
Cái điều khó nói điệu chào giai nhân
Quả nhiên như thế phải chăng
Bâng quơ sa mạc lớn dân của em
Đề kêu sáng sớm không đề
Ni cô thực nữ đi về Quảng Nam
Ghé thăm đảo mạn trắng vàng
Xa vô cùng vậy lang thang miết hoài
Ông là ai?
Ông là ai?
Thơ vui vô tận
sóng soài tiêu diêu!

SÁCH THẬP CẨM

Hữu duyên xâm nhập kho tàng
Ca dao tục ngữ giữa làng sách xưa
Thượng vàng hạ cám rình mua
Kinh dị Hít-Cốc mắt đưa liếc Kiều
Đi qua nước Việt vương triều
Thơ Nôm Bà Chúa chọc khoèo mấy câu
Danh lưng bia mộ khắc sáu
Bình minh gắng sống tới đâu cũng mừng
Danh ngôn úp mở lưng chừng
Yêu đương luyện ái âm thâm, rình rang
Thị trường thúc huých xéo ngang
Ngao du sơn thủy gáy mòn ruột hư
Thị phi xem đọc đứ đừ
Vô đầu, ôm lấy kinh thư mà nằm!

TRÔI CỨ TRÔI

Mây trôi trên mái đầu già
Dưới chân nước chảy, mái nhà bám rêu
Bên thềm gạch cũ cột xiêu
Lật trang sách cũ mà yêu cuộc đời!

IM LÌM

Nẩy bung một nụ yêu tình
Trắng trong trang sách nguyên lành băng
khuang
Nụ cười hòa lệ rung rung
Nay là thủy. Bao giờ chung? Im lìm.



VĨNH HỮU TÂM KHÔNG



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH - EXECUTIVE COUNCIL
4717 W. First St., Santa Ana, CA 92703 – U.S.A Tel (714) 548-4148

THÔNG BÁO

AN CƯ KIẾT HẠ và ĐẠI HỘI THƯỜNG NIÊN

PL. 2566 – DL. 2022

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính gửi: Chư tôn Trưởng Lão, chư tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni và quý Cư Sĩ thành viên GHPGVNTNHK,
Kính Bạch Chư Tôn Đức và kính thưa quý cư sĩ:

An Cư Kiết Hạ là nếp sống hòa hợp, thăng hoa thánh thiện của cộng đồng Tăng già đã có từ thời Phật. Nếp sống ấy là chất liệu để nuôi dưỡng bản thể trong sáng của Tăng già và làm nơi nương tựa chung cho tứ chúng đệ tử Phật. Chính vì ý nghĩa cao cả ấy, Giáo Hội thông báo đến chư Tôn Đức Tăng, Ni được liễu tri về mùa An Cư năm nay được tổ chức:

Địa điểm: Tu Viện Pháp Vương

715 Vista Ave. Escondido, CA 92026

Thời gian: Từ thứ hai ngày 13 tháng 06 đến thứ năm ngày 23 tháng 06 năm 2022.

Điện thoại ghi danh: Thượng Tọa Thích Hạnh Tuệ (619) 278-9837

Đại Đức Thích Thường Thiện (714) 200-4703

Cùng thời gian này Giáo Hội sẽ họp Đại Hội Thường Niên lần thứ II nhiệm kỳ 4, vào ngày đầu của An Cư: thứ hai ngày 13 tháng 06 năm 2022.

Giáo Hội kính gửi thông báo này đến toàn thể Chư Tôn Đức Tăng, Ni và quý cư sĩ thành viên của Giáo Hội, tiện bề sắp xếp các Phật sự tại bản tự, cũng như gia đình để tham dự Đại Hội và An Cư được thập phân viên mãn.

Nhất tâm đánh lễ mười phương chư Phật gia hộ cho tất cả chúng ta luôn khỏe mạnh và Phật sự hanh thông.

Kính chúc quý Ngài phước trí nhị nghiêm, đạo quả viên thành.

Cầu nguyện tất cả quý cư sĩ Phật tử thành viên của Giáo Hội: Thân tâm thường lạc, phước thọ miền trường.

Ấy là năng lực nguyện cho dịch bệnh Covid-19 sớm được tiêu trừ, chiến tranh mau chấm dứt, thế giới hòa bình, chúng sanh an lạc.

Nam Mô Thường Tinh Tấn Bồ Tát
California, ngày 09 tháng 03 năm 2022
Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK
Chủ tịch,
Sa Môn Thích Tín Nghĩa

Nơi nhận:

- Hội Đồng Giáo Phẩm “để kính thăm tường,”
- Hội Đồng Điều Hành “để tri hành,”
- Hồ sơ lưu.



ĐI TỨC LÀ TRỞ VỀ

Kính dâng Giác linh Thầy

*Đi tức là trở về
Chung điểm là khởi điểm
Tất cả đã hòa tan
Vào tánh không vô ngã
Đối với vị thiên sư
Cuộc hành trình chấm dứt
Những trần trở thao thức
Từ nay không còn nữa
Tâm vị ấy thanh thang
Như thiên nhiên bát ngát
Dưới trời mây trắng trong
Độ cùng khắp chúng sinh
Không bên này bên kia
Vượt đối đãi nhị biên
Qua bờ kia bến giác!*

*Dù Thầy đã vắng bóng
Lá úa rung cành trơ
Nhưng hình ảnh Thầy xưa
Vẫn mãi trong tâm tưởng*

*Thầy đã về tới nhà
Cội nguồn từ muôn thuở
Đến-đi đều thông dong
Như mây ngàn lãng đãng
Để nhớ ơn giáo dưỡng
Con thấp nén hương lòng
Giữa mùa xuân mới sang
Đầy trời mai vàng nở.*

TÂM

*“Tức Tâm tức Phật” có xa đâu!
Cũng bởi quên Tâm mãi vọng cầu
Tâm ấy xưa nay thường tỉnh giác
Quay về mới thấy đạo cao sâu!*

*Đời sống thật chưa từng sinh diệt
Siêu thời gian vượt cả không gian
Mảnh hình hài chỉ là huyền hóa
Từng phút giây đời đời vô thường!*

*Kìa hoa nở, chim bay, cá lội
Kìa non cao, núi thẳm, sông dài
Tất cả đều có Tâm trong đó
Thật nhiệm mầu nguyên lý ban sơ!*

*Ngay cả những sinh vật nhỏ bé
Như đàn kiến leo trên ngọn cây
Ốc sên bò trong đám cỏ dầy
Đều do nơi tâm thức biến hiện!*

*Ta hãy sống với Tâm kỳ diệu
Mang yêu thương đến khắp mọi loài
Dù mai kia rũ bỏ hình hài
Tâm Phật vẫn thường hằng bất biến!*

thơ **DIỆU VIÊN**

BÁT CHÁNH ĐẠO

“CON ĐƯỜNG ĐƯA ĐẾN CHẤM DỨT ĐAU KHỔ”

THE NOBLE EIGHTFOLD PATH “Way to the End of suffering”

Nguyên tác **BHIKKHU BODHI**

Dịch Việt: **Tỳ khuru Tâm Hạnh & Phật tử Tâm Cảnh**

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

CHƯƠNG VII CHÁNH ĐỊNH (Sammā Samādhī)

(tiếp theo kỳ trước)

Những giai đoạn thiền định

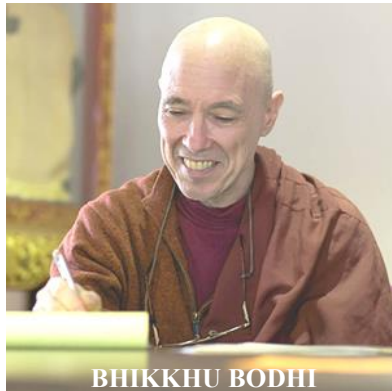
Định không thể đạt được ngay một lúc mà phải phát triển theo từng giai đoạn. Để có thể bàn về tất cả những giai đoạn thiền định, chúng ta sẽ khảo sát trường hợp của một thiền giả theo suốt quá trình tu tập thiền chỉ từ đầu đến cuối và sẽ tiến bộ nhanh hơn một thiền giả bình thường đạt được.

Sau khi nhận một đề mục thiền định từ một vị thầy hay tự mình lựa chọn, vị này ở riêng vào một nơi yên tĩnh. Vị ấy áp dụng đúng tư thế hành thiền, ngồi xếp chân thoải mái, giữ lưng thẳng đứng, hai bàn tay đặt lên nhau, giữ đầu thẳng, ngậm miệng và nhắm mắt (trừ khi đang dùng một đề mục hình tròn hay một đối tượng khác để nhìn), thở đều đặn tự nhiên qua mũi. Tiếp theo, vị ấy tập trung vào đề mục, cố gắng giữ tâm ở đó, ổn định và tỉnh giác. Nếu tâm rời khỏi (đề mục), vị ấy ghi nhận ngay, bắt lấy và đưa nó trở về đề mục một cách thư giãn nhưng kiên quyết, tiếp tục làm lại nhiều lần khi cần thiết. Giai đoạn đầu tiên này gọi là chuẩn bị định (parikkamma-samādhī) và hình ảnh ban đầu của đề mục là chuẩn bị tướng (parikkamma-nimitta).

Khi trạng thái xao động ban đầu lắng xuống và tâm bắt đầu an trú trong sự tu tập, năm triền cái đang sôi sục tận trong nội tâm có thể xuất hiện. Chúng xuất hiện, đôi khi bằng những tư tưởng, đôi khi bằng những hình ảnh, đôi khi bằng những cảm xúc ám ảnh: sự bùng phát của ái dục, sân và hận, hôn trầm, trạo cử, nghi. Những triền cái này tạo thành một rào cản kiên cố, nhưng với kiên nhẫn và cố gắng liên tục thì có thể vượt qua chúng. Để chế ngự chúng, hành giả cần có cách xử lý khéo léo. Gặp lúc, khi một triền cái đặc biệt trở nên rất mạnh, vị ấy có thể phải đặt đề mục thiền đầu tiên đang thực hành qua một bên và dùng một đề mục khác để đối trị với triền cái này.

Có những trường hợp khác, vị ấy sẽ phải kiên trì với đề mục đầu mặc dù phải gặp nhiều trở ngại suốt quá trình thực hành, cố gắng nhiều lần đem tâm về lại đề mục.

Trong lúc vị ấy đang tinh tấn trên đường thiền định, sự nỗ lực của vị ấy kích hoạt năm tâm sở phát sinh trợ lực cho mình. Trong nhận thức theo quán tính thông thường, năm tâm sở này không có mặt liên tục. Lúc ấy, chúng thiếu sự kết nối hợp nhất và vì vậy chúng không đóng một vai trò



đặc biệt nào. Tuy nhiên, khi được sự tu tập thiền định kích hoạt, năm tâm sở này có được năng lực nối kết với nhau và đưa tâm vào định (samādhī) mà chúng sẽ điều hành như những thiền chỉ, những yếu tố đưa vào thiền định (jhānaṅga). Theo thứ tự thông thường của năm thiền chỉ là: tầm (vittakka), tứ (vicāra), hỷ (pīti), lạc (sukha) và nhất tâm (ekaggatā).

Công việc của tầm là đưa tâm thẳng đến (thô tướng) của đề mục. Nó giữ tâm, đưa tâm hướng tới và đẩy tâm vào thô tướng như người đóng cây đinh xuyên qua khúc gỗ. Sau đó, tứ đặt tâm

trên thô tướng, giữ tâm ở đó liên tục theo chức năng hoạt động của nó. Để làm sáng tỏ sự khác nhau giữa hai thiền chỉ này, tầm như đánh chuông, tứ như tiếng chuông ngân.

Hỷ, thiền chỉ thứ ba là cảm giác dễ chịu và hân hoan đi theo sự hoan hỷ tích cực về thô tướng. Trong cảm giác hạnh phúc ấy, thiền chỉ thứ tư là cảm giác hỷ lạc đi theo định để đạt đến thành công. Bởi vì hỷ và lạc có đặc tính giống nhau nên hai thiền chỉ này hay lẫn lộn nhau nhưng chúng không đồng nhất với nhau. Sự khác biệt giữa chúng được minh họa bằng cách so sánh cảm giác vô cùng vui mừng (hỷ. ND) của một người đang kiệt sức trong sa mạc vừa thấy một ốc đảo từ xa và hạnh phúc sung sướng cả thân tâm (lạc. ND) khi đang uống nước trong ao và khi đang ngồi nghỉ dưới bóng mát. Thiền chỉ thứ năm của sự nhập định là nhất tâm có chức năng chủ yếu hợp nhất tâm trên quang tướng. (2)

Khi định lực được phát triển, năm thiền chỉ này sẽ xuất hiện và chế ngự năm triền cái. Mỗi thiền

chi đi vào định tương phản với mỗi triền cái liên quan riêng với nó. Tầm theo công việc của nó là đẩy tâm vào thô tướng (của thiền định. ND) chống lại hôn trầm và thủy miên. Tứ đặt tâm trên thô tướng xóa tan nghi. Hỷ ngăn chặn sân. Lạc loại trừ trao cử và hối quá. Nhất tâm loại trừ đam mê nhục dục, sự lôi cuốn quyến rũ nhất gây ra tán loạn. Như vậy, khi các thiền chi phát triển mạnh hơn thì những triền cái yếu dần và lặn mất. Chúng chưa hẳn bị diệt trừ tận gốc, chỉ có trí tuệ, nhóm thứ ba của đạo để mới diệt trừ tận gốc chúng được. Tuy nhiên, chúng đã bị khống chế trong tình trạng thụ động và không thể làm gián đoạn tiến trình nhập định.

Đồng thời, trong khi những triền cái đang bị chế ngự bởi các thiền chi thì về mặt đề mục thiền định cũng có sự thay đổi đang xảy ra. Đối tượng ban đầu của thiền định, chuẩn bị tướng, là một đối tượng bằng vật chất thô. Trong trường hợp là một đề mục hình tròn, nó là một cái đĩa thể hiện vật chất được chọn hay có màu. Trong trường hợp niệm hơi thở thì nó là luồng hơi thở, vẫn vẫn. Nhưng khi định lực đã phát triển mạnh thì chuẩn bị tướng trở thành tướng khác, gọi là thủ tướng (hay thô tướng) (uggahanimitta). Với một đề mục hình tròn, nó sẽ là hình ảnh một cái đĩa được tưởng tượng rõ ràng trong tâm giống như đề mục ban đầu đã được nhìn bằng mắt. Với hơi thở, nó sẽ là một hình ảnh phản chiếu (từ hơi thở) hiện ra từ sự tiếp xúc của luồng hơi thở chuyển động qua vũng mũi.

Khi thủ tướng hiện ra, (tâm của) thiền giả rời khỏi chuẩn bị tướng, tập trung vào thủ tướng. Đến đúng lúc, một đề mục khác sẽ hiện ra từ thủ tướng. Đề mục này được gọi là quang tướng (patibhāga-Nimita) là một hình ảnh thanh tịnh trong tâm, sáng và rõ hơn thủ tướng rất nhiều lần. Thủ tướng như mặt trăng được thấy sau đám mây, quang tướng như mặt trăng không có mây. Cùng với sự xuất hiện của quang tướng, năm thiền chi không chế cả năm triền cái, tâm đi vào giai đoạn "cận hành định" (upacāra-samādhi). Trong giai đoạn cận hành định này, tâm đang tiếp cận với sự nhập định. Nó đang trở thành "hàng xóm" (một ý nghĩa gần của từ upacāra) của sự nhập định nhưng cần phải tập trung nhiều hơn để tâm thể nhập hoàn toàn vào quang tướng, đạt mục tiêu của sự nhập định.

Khi hành thiền nhiều hơn, những thiền chi đạt được năng lực để đưa tâm vào an chỉ định (appanā-samādhi). Giống như cận hành định, an chỉ định lấy quang tướng làm đề mục. Hai giai đoạn định này khác nhau không phải ở chỗ vắng mặt năm triền cái hay là lấy đề mục là quang tướng mà cả hai đều như nhau. Sự khác nhau của chúng là sức mạnh của các thiền chi. Trong cận hành định, các thiền chi đều có mặt nhưng chưa đủ mạnh và vững vàng. Vì thế, tâm trong giai đoạn này được so sánh với một đứa bé mới biết đi: nó đi vài bước, ngã xuống, đứng dậy, đi thêm vài bước, lại ngã xuống. Nhưng tâm trong an chỉ định giống như một người lớn muốn đi: Người ấy chỉ đứng lên và bước thẳng về phía trước không do dự.

Định trong giai đoạn an chỉ được chia ra làm tám tầng thiền. Mỗi tầng thiền sau được xác định bằng sự thâm sâu, thanh tịnh và tinh tế hơn các tầng thiền trước. Bốn tầng thiền đầu tạo thành

một nhóm, gọi là bốn thiền (thiền hữu sắc. ND) (jhānas). Chữ jhāna này, tốt nhất không nên phiên dịch vì không có chữ nào (trong Anh ngữ) tương đương thích hợp, mặc dầu nó có thể được tạm dịch là "meditative absorption, sự thể nhập của thiền" (3). Bốn tầng thiền sau cũng tạo thành một nhóm, bốn trạng thái phi vật chất (arūpa: thiền vô sắc). Tám tầng thiền này phải đạt được theo thứ tự tăng dần, kết quả đạt được của mỗi tầng thiền sau tùy thuộc vào sự thành tựu của tầng thiền ngay trước đó.

Trong kinh văn, bốn tầng thiền hữu sắc tạo thành định nghĩa thông thường của chánh định. Vì vậy, Đức Phật dạy:

"Này các tỳ khưu, chánh định là gì? Ở đây, sự xa lìa dục vọng của các giác quan, xa lìa các pháp bất thiện (triền cái. ND), vị tỷ kheo thể nhập và an trú trong tầng thiền thứ nhất. Tầng thiền này đạt được nhờ vào hai thiền chi tâm (vitakka) và tứ (vicāra) làm cho sung mãn với hỷ và lạc, phát sinh từ sự ly dục.

Sau đó, với sự loại trừ tầm và tứ, làm cho đạt được sự ổn định và nhất tâm, vị ấy thể nhập và an trú trong tầng thiền thứ hai. Tầng thiền này không còn tầm và tứ nhưng vẫn sung mãn với hỷ và lạc sinh ra từ định.

Với sự mất đi của hỷ, vị ấy an trú với xả, chánh niệm, chánh tri và vị ấy chính mình cảm nhận được sự hạnh phúc như các bậc thánh đã dạy, 'Người sống hạnh phúc với xả và niệm.' Như vậy, vị ấy thể nhập và an trú trong tầng thiền thứ ba.

Theo sự xả bỏ lạc và khổ cùng với sự biến mất của hỷ và ưu ở trước, vị ấy tiếp nhận và an trú trong tầng thiền thứ tư, không còn lạc hay khổ mà chỉ còn sự thanh tịnh của niệm nhờ vào xả.

Này các tỳ khưu, đây là chánh định. (4)"

Các tầng thiền được phân biệt theo cách những thiền chi hợp thành chúng. Tầng thiền thứ nhất được tạo thành bởi nhóm năm thiền chi gốc: tầm, tứ, hỷ, lạc và nhất tâm. Sau khi thể nhập vào tầng thiền thứ nhất, thiền giả phải thấu triệt để tự tại trong nó. Một mặt, vị ấy không nên tự mãn về thành quả của mình mà xao lãng không tiếp tục thiền tập. Mặt khác, vị ấy không nên quá tự tin và vội vàng muốn đạt được tầng thiền cao hơn. Để được tự tại trong mỗi tầng thiền, vị ấy nên nhập xuất nhiều lần và thuần thục kỹ năng ở trong đó cho đến khi vị ấy có thể nhập tầng thiền, trú trong đó, và xuất ra khỏi nó và làm lại nhiều lần mà không bị trở ngại hay khó khăn.

Sau khi đã tự tại với tầng thiền thứ nhất, vị ấy sẽ nhận ra rằng sự đặc thiền của mình vẫn còn khuyết điểm nào đó. Mặc dù tầng thiền thứ nhất thật sự siêu phàm hơn sự nhận thức thông thường của giác quan rất xa, yên tịnh và hạnh phúc hơn nhưng nó vẫn còn gần với nhận thức của giác quan và chưa xa hẳn các triền cái. Ngoài ra, tầm và tứ, hai trong những thiền chi của nó, xuất hiện trong thời gian này vẫn còn hơi thô, không tinh tế như những thiền chi khác. Khi đó, vị ấy đổi mới sự thực hành về định, tập trung vào sự vượt qua tầm và tứ. Khi những khả năng của vị ấy đã thành thục, hai thiền chi tầm và tứ chìm xuống và vị ấy đi vào tầng thiền thứ hai. Tầng thiền này có ba thiền chi: hỷ, lạc và nhất tâm. Tầng thiền này cũng chứa đựng nhiều yếu tố khác, nổi bật nhất là sự ổn định của tâm.

Trong tầng thiền thứ nhì, tâm trở nên tịnh

lặng và hoàn toàn đồng nhất hơn, nhưng dù đã được tinh thông ngay cả trạng thái này cũng còn hơi thô vì nó vẫn còn có hỷ, một thiền chi có khuynh hướng thích thú. Vì vậy, thiền giả bắt đầu lại tiến trình hành thiền của mình, lần này quyết tâm vượt qua hỷ. Khi không còn hỷ, vị ấy đi vào tầng thiền thứ ba. Tầng thiền này chỉ có hai thiền chi, lạc và nhất tâm. Trong khi ấy, những tâm sở phụ khác trở nên ưu việt, nhất là chánh niệm, chánh tri và xả. Tuy nhiên, hành giả vẫn thấy sự thành tựu này có nhược điểm là còn giữ cảm giác hạnh phúc, có được từ xả thọ, loại cảm giác không dễ chịu và không khó chịu. Vì vậy, vị ấy cố gắng vượt qua khỏi cảm giác hạnh phúc siêu phàm ở tầng thiền thứ ba. Sau khi thành tựu, vị ấy đi vào tầng thiền thứ tư, được xác định bởi hai thiền chi, nhất tâm và xả, có được niềm hoàn toàn thanh tịnh nhờ đạt đến trình độ tận cùng của xả.

Vượt qua bốn tầng thiền hữu sắc là bốn trạng thái của thiền vô sắc. Những tầng định mà tâm vượt qua cả khái niệm (tướng. ND) vi tế về những hình ảnh rất mờ nhạt, đôi khi vẫn còn tồn tại trong các tầng thiền hữu sắc. Thế nhập vào các tầng thiền vô sắc, không phải bằng cách phát huy các thiền chi như trong thiền hữu sắc nhưng bằng các đề mục tinh vi, bằng cách thay thế một đề mục còn thô bằng một đề mục tinh vi. Kết quả của bốn tầng thiền này được gọi tên theo những đề mục tương ứng với chúng: không vô biên xứ, thức vô biên xứ, vô sở hữu xứ và phi tưởng phi phi tưởng xứ. (5) Những tầng thiền này tiêu biểu cho các trình độ định cực kỳ tinh vi và cao xa đến độ không thể giải thích chính xác bằng lời nói. Tầng định cuối cùng của bốn thiền này nằm ở điểm đỉnh của tâm định. Nó là trạng thái hợp nhất của tâm định đạt được với trình độ hoàn toàn tuyệt đối. Bằng những phương pháp thiền định, những trạng thái nhập định này đạt đến trình độ cao nhất nhưng chúng vẫn còn thiếu trí tuệ sáng suốt. Vì thế, chúng chưa đủ khả năng để (giúp thiền giả) đạt đến giải thoát.

Đến đây, những loại thiền định đã được nêu trên đều bằng phương pháp tập trung tâm trên một đối tượng duy nhất để loại trừ các đối tượng khác. Nhưng ngoài những phương pháp này còn có một loại định khác không phụ thuộc vào sự giới hạn trong phạm vi của đối tượng nhận thức. Định này được gọi là định sát-na (khanika-samadhi). Để phát triển định sát-na, thiền giả không cần phải cố ý gắng loại bỏ vô số những hiện tượng ra khỏi phạm vi tập trung của mình. Thay vào đó, vị ấy chỉ đơn giản quan sát trực tiếp vào những trạng thái đang chuyển biến của tâm và thân, ghi nhận bất cứ hiện tượng nào mà nó đang hoạt động. Nhiệm vụ này là duy trì sự tỉnh thức liên tục trên bất cứ những gì đang xảy ra trong tầm nhận thức nhưng không giữ gì cả. Trong khi vị ấy tiếp tục ghi nhận, từ phút giây này đến khác thì định lực càng mạnh hơn cho đến khi nó trở nên tập trung trên dòng hiện tượng đang thay đổi liên tục. Mặc dù các đối tượng đang thay đổi nhưng sự tập trung của tâm vẫn duy trì và đúng lúc sẽ đạt được một sức mạnh có khả năng trừ khử năm triền cái, đạt đến trình độ tương đương với cận định. Loại thiền tập trung trên mỗi thay đổi được phát triển bằng sự thực hành bốn cách thành lập chánh niệm, đi theo con đường minh sát. Khi đủ năng lực, nó vượt qua giai đoạn cuối cùng của con



DƯỚI BÓNG MÂY

*Đêm lặng nghiêm đêm lặng nghiêm
Gió cát chân dung những bậc hiền
Thời gian ngắn lệ chùng trong vắt
Rớt nhẹ lưng trời trắng thượng thiên.*

*Đưa nhau sông biển nhìn ngơ ngác
Trút cả tâm tình với núi sông
Bầy doi làm tổ trên sa mạc
Chia chác chi đời ngọn gió đông.*

*Em về lỡ dở cơn mưa sa
Quá buổi can qua cuộc hải hà
Mời thêm chén nữa men hoang dã
Áo trắng tư bề áo nắng hoa.*

*Bát sữa đời xanh chùng chuyển dạ
Đàn bò về lại với chồi cây
Ngó ra lớp lớp rơi vô ngã
Độc biển quê nhà dưới bóng mây.*

*Đêm lặng nghiêm đêm xao động
Chưa chạm đã rền cả đất đai
Mời cả ngàn thu về dậy sóng
Chậm nguồn vỗ nhẹ bến như lai.*

thơ **LÝ THỪA NGHIỆP**

đường thiền tập, phát sinh trí tuệ.

(còn tiếp)

Chú thích Chương VII (tiếp theo):

2. Xem Thanh tịnh đạo, Chương IV, trang 88-109.
3. Một vài cách dịch như "xuất thân," "mơ màng," vân vân, tất cả đều sai lệch và nên gạt bỏ.
4. Trường bộ kinh 22; Word of the Buddha, trang 80-81.
5. Pāli: àkāraṇāyatana (không vô biên xứ), viññānañcāyatana (thức vô biên xứ), ākiñcaññāyatana (vô sở hữu xứ), n'eva-saññā-nāsaññāyatana (phi tưởng phi phi tưởng xứ)

THIỀN TỈNH THỨC VỚI VÔ NGÃ

Nguyên Giác

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

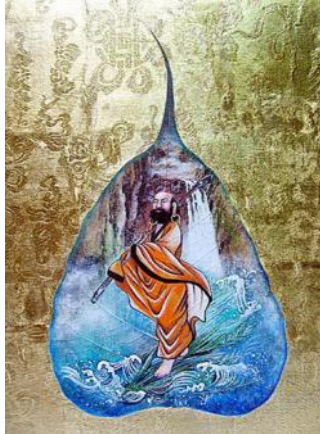
Thiền pháp tỉnh thức (mindfulness meditation) đang trở thành một trong các khuynh hướng ưu thắng của nhiều lĩnh vực hoạt động tại Hoa Kỳ và nhiều nước khác. Thiền pháp này đang được dạy ở bệnh viện để giúp bệnh nhân giảm đau, ở trường học để học sinh nhạy bén hơn, ở nhà tù để tù nhân giảm thói quen bạo lực, ở quân trường để chiến binh bình tĩnh đối phó các tình huống nguy hiểm, ở các doanh nghiệp lớn để hiệu năng làm việc tăng cao hơn, và ở gần như tất cả các lĩnh vực có thể có.

Chúng ta cũng thấy tràn ngập nhiều sách tiếng Anh dạy Thiền pháp này, cho thấy Thiền pháp tỉnh thức đã trở thành một nguồn kinh doanh lớn, nơi đó dạy cách ăn chậm sao cho thưởng thức vị ngon hơn, dạy cách nghe nhạc sao cho nghe hay hơn, dạy cách giao tiếp với người trong gia đình sao cho yêu thương tha thiết hơn, dạy trong các nhà thờ sao cho dễ tiếp nhận "ý Chúa" để vâng phục trọn lành... Thậm chí, nhiều người còn nói rằng nhờ tu Thiền nhà Phật, nên làm giáo dân Đạo Chúa thuần thành hơn, tín tâm hơn. Thế rồi, "đạo nào cũng là đạo" và nhiều vị đã nói như thế.

Chúng ta cũng thấy rằng có nhiều môi trường không thuận lợi để nói về Phật giáo. Thí dụ, một cô giáo gốc Việt khi dạy ở trường học Hoa Kỳ sẽ nhận thấy không thể nói trực tiếp với học trò về Phật Giáo, vì trên nguyên tắc, Hiến Pháp tách rời nhà nước với tôn giáo. Trong khi đó, một cô giáo da trắng có thể thoải mái mời các học trò cảm ơn Thượng Đế khi bắt đầu bữa ăn, mời các em cầu nguyện Thượng Đế khi đi cắm trại lạc đường. Chỉ vì Thượng Đế (God) được hiểu là đấng đã tạo ra vũ trụ này, không có nhãn hiệu nhà thờ hay hội thánh nào, nhưng hiểu ngầm là thuộc nhóm các tôn giáo xuất phát từ Israel.

Đó là chưa kể, khi một nhà sư Nam tông vào một địa phương đa số là Phật tử thuần thành theo Bắc Tông, và rồi trường hợp một nhà sư Bắc Tông thăm một phương xứ có truyền thống Nam tông, khi có duyên được mời dạy Thiền tỉnh thức, vị thầy nên dạy thế nào để thuận duyên, để không gây tranh cãi hý luận?

Do vậy, câu hỏi bây giờ là: chúng ta khi dạy Thiền pháp tỉnh thức, nên nói gì và dạy gì để Phật tử thấy đây là Thiền nhà Phật, và để phân biệt với các phương pháp Thiền tỉnh thức đang dạy trong nhà thờ, trong bệnh viện, trong quân trường... và sẽ cho thấy Thiền tỉnh thức của nhà Phật hiệu quả hơn, và không bao giờ đi lạc sang ngã rẽ khác của đạo khác hay đời thường? Thêm câu hỏi nữa: khi dạy Thiền tỉnh thức ở các môi trường cấm tôn giáo, có cách nào để dạy Phật pháp kiểu tàng hình?



Câu trả lời: Trước hết, nên dạy về Lý duyên khởi (Dependent arising, hay Dependent origination) để rồi sẽ ứng dụng lý này vào Thiền pháp tỉnh thức. Không cần dạy chi tiết, vì sẽ bị quy chụp là truyền bá Đạo Phật, nếu đang làm việc ở các môi trường trung tính. Nên nói Lý duyên khởi tóm tắt là: "If this exists, that exists; if this ceases to exist, that also ceases to exist" (Nếu cái này có, thì cái kia có; nếu cái này diệt, thì cái kia cũng diệt). Bất kỳ cái gì trong cõi này cũng đều duyên sinh như thế. Đó là giáo lý căn bản và cốt tủy nhất. Tất cả những gì chúng ta nhìn thấy, nghe được, cảm nhận được, suy nghĩ tư lường được, đều chuyển vận trong Lý duyên khởi. Đức Phật dạy, ai thấy Lý duyên khởi, tức là thấy Pháp, và đó là thấy Phật.

Không có gì lìa xa Lý duyên khởi, không có gì tự sinh ra, không có gì tự hiện hữu trong cõi hữu vi này. Hiểu được lý này vững chắc, Phật tử sẽ không bao giờ đi lạc sang các đạo khác, cũng không rơi vào tranh luận tông phái. Vì ngộ được Lý duyên khởi, nên tin sâu vào nhân quả; vì hiểu Lý duyên khởi thâm sâu, chúng ta sẽ không còn tự than thân trách phận hay cầu nguyện một Đấng Thượng Đế nào nữa hết, mà sẽ tự biết phải gìn giữ giới luật và tu dưỡng phước đức để từ từ giải nghiệp. Hiểu được Lý duyên khởi, chúng ta đứng vững ở Trung luận, sẽ không nói thể gian là Có, cũng không nói thể gian là Không Có, không nói bất cứ gì (kể cả mình hay người) là vĩnh cửu hay hư vô.

Trong Tương ưng bộ, Kinh SN12.15, bản dịch của Thầy Minh Châu ghi lời Đức Phật dạy về Chánh kiến: "*Này Kaccāyana, thế giới này phần lớn y chỉ vào hai cực đoạn này: có và không có. Này Kaccāyana, ai với chánh trí tuệ thấy như chơn thể giới tập khởi, vị ấy không chấp nhận thể giới là không có. Này Kaccāyana, ai với chánh trí tuệ thấy như chơn thể giới đoạn diệt, vị ấy không chấp nhận thể giới là có.*"

Khi tâm lìa cả Có và Không, đó là vào thực tướng Vô Ngã. Đó là khi ngôn ngữ dứt bật, vì nói Có, nói Không đều sai. Cũng y hệt tiếng đàn, có ché cây đàn ra trăm ngàn mảnh cũng không dò ra tiếng đàn nơi đâu. Nhưng tiếng đàn là từ cây đàn, từ mưa nắng qua nhiều năm cho gỗ rừng mọc lên, rồi thợ rừng cưa xuống để đóng thành cây đàn, từ nhạc sĩ học nhiều thập niên để trình diễn, từ rất nhiều duyên mới thành tiếng đàn. Không gọi tiếng đàn là Có, vì nó là từ nhiều duyên, vì vừa sinh đã liền diệt và vì chúng ta không chỉ ra được là nó ở đâu. Không gọi tiếng đàn là Không, vì đã làm nhiều người nghe lúc vui, lúc buồn. Đó là nói Sắc tức thị Không, và ngược lại. Không (Emptiness)

nơi đây không phải là Hư vô (Nihilism). Vì Không đây chính là Lý duyên khởi, và dẫn tới thực tướng vô ngã. Học như thế, Phật tử sẽ tin sâu nhân quả, sẽ giữ mãi Chánh kiến, sẽ không rơi vào Có hay Không. Như thế, Phật tử sẽ không dám bác bỏ nhân quả, cũng sẽ không chấp có ngã, vì chư hành chảy xiết, không hề có một pháp nào thực sự là có tự ngã. Đây cũng là tông chỉ Thiền Tông Việt Nam, vì Sắc/Không là cốt tủy của Bát Nhã Tâm Kinh.

Do vậy, trong bài "Vô Ngã Là Niết Bàn" Thầy Thích Thiện Siêu viết: "*Quán vô ngã thì tất cả cái gọi là: phải, trái, được, thua ở đời đều là một cái duyên cho ta tu, hoặc trở thành bình thường không có gì bận tâm cả. Quán vô ngã cũng như người vô sĩ luyện thân thể cho rắn chắc. Khi chưa rắn chắc thì dễ bị quật ngã trước một tác động bên ngoài. Người tu vô ngã cũng vậy, khi chưa thuần thực còn nhiều ngã chấp thì dễ đau khổ trước một lời nói độc. Nếu khi ngã chấp tiêu bớt, thì chỉ còn thấy đau khổ sơ sơ và cuối cùng thì không còn ngã chấp thì cũng không còn chút đau khổ nữa.*"

Chỉ cần quán vô ngã là đủ để giải thoát. Đức Phật dạy như thế trong Kinh Ud 7.1 trong Tiểu Bộ. Kinh này rất ngắn, nơi đây xin phép dịch ra tiếng Việt, dựa vào 3 bản Anh dịch của ba Thầy Sujato, Thanissaro, Anandajoti.

"Như thế tôi nghe. Lúc đó, Đức Phật ở gần thành Xá Vệ, trong vườn Jeta, tu viện Cấp Cô Độc. Lúc đó Đại Đức Sāriputta đang dạy, khuyến khích, sách tấn, và cổ vũ Đại Đức Bhaddiya the Dwarf (Thầy Bhaddiya có dị tướng lùn thấp) bằng một bài pháp. Sau khi nghe pháp, tâm của ngài Bhaddiya được xa lìa các lậu hoặc bằng cách không nắm giữ bất kỳ thứ gì. Đức Phật thấy như thế. Rồi thì, biết ý nghĩa chuyện này, dịp đó, Đức Phật mới đọc bài kệ:

"Bên trên, bên dưới, khắp mọi nơi đều giải thoát

không chút tư lường 'Tôi là cái này'.

Giải thoát được như thế, nhà sư đó đã vượt lũ lụt

nơi trước đây chưa từng qua, sẽ không tái sanh nữa."

Bài kinh ngắn toàn văn như thế, tóm tắt là, không thấy cái gì là "tôi" ở bất kỳ nơi nào, thế là giải thoát. Khi dạy Thiền pháp tinh thức với cái nhìn vô ngã như thế, có thể tin là tất cả những Phật tử nghe được đều sinh tâm hoan hỷ, dù là Nam tông hay Bắc tông. Khi dạy Thiền pháp tinh thức trong cái nhìn không hề có cái gì là "tôi" dù trong thân hay tâm, dù trong mắt tai mũi lưỡi thân ý, có thể tin rằng bất kỳ ai mang bộ áo giáp "tinh thức vô ngã" như thế đều luôn luôn là Phật tử thuần thành cho dù có vào sinh hoạt trong vô lượng môi trường tà kiến.

Có nhiều cách để tự thấy là vô ngã, để đi đứng nằm ngồi đều thấy không hề có cái "tôi" nào đang đi đứng nằm ngồi, mà chỉ thấy khối thân tâm này là mớ thịt da gân xương đang lung linh trong cõi vô thường chảy xiết. Hoặc là nhớ tới ẩn dụ tiếng đàn nói trên, vốn là không có gì là "tôi" hay "người." Hoặc là nhớ tới ẩn dụ chiếc cỗ xe, chỉ thấy bánh xe, mui xe, càng xe... nhưng không hề chỉ ra cái gì là xe. Hoặc nhớ tới lời dạy của các Thiền sư Trung Hoa là "trâu bùn qua sông" – nghĩa là, khi trâu bùn tan ra giữa dòng, tức là

không hề vướng cái "tôi" nào, thì mới qua sông được.

Hoặc là diễn dịch bài Kinh trên bằng cách để ghi nhớ (*ở trên, bên dưới có thể hiểu là trước và sau*), luôn luôn bao trùm toàn thân tâm là: "**Trước** cái được thấy, trước cái được nghe, trước cái được cảm thọ, trước cái được tư lường trong thực tướng vốn là không tôi, không người. **Trong** cái được thấy, trong cái được nghe, trong cái được cảm thọ, trong cái được tư lường trong thực tướng vốn là không tôi, không người. **Sau** cái được thấy, sau cái được nghe, sau cái được cảm thọ, sau cái được tư lường trong thực tướng vốn là không tôi, không người."

Hoặc là, có thể kết hợp với cảm thọ về hơi thở: Trong khi cảm nhận hơi thở ra và vào, *trước* hơi thở, *trong* hơi thở và *sau* hơi thở vẫn là không tôi, không người. Như thế, không hề có ai thở, mà chỉ có hơi thở đang được cảm thọ hơi vào và hơi ra.

Thiền này không cần ngồi. Như ngài Bhaddiya the Dwarf trong Kinh Ud 7.1 trên, chỉ nghe dạy là giải thoát, vì tâm không còn nắm giữ gì. Trong Thiền Tào Động nhấn mạnh vào Tọa Thiền (Zazen), chúng ta nên hiểu theo nghĩa của thực tướng: trong Lý duyên khởi, tất cả các pháp dựa vào nhau, cái này sinh nên cái kia sinh, cái này diệt nên cái kia diệt, cũng có nghĩa là trong các duyên lung linh **làm cho một danh-sắc đang đi đứng nằm ngồi thực sự là đang ngồi trong vô sinh**, đang rỗng rang, đang trống không, tức là đi đứng nằm ngồi cũng chính là đang ngồi bất động trong Lý duyên khởi.

Ai cũng có thể tập được như thế. Do vậy, các sư Tào Động Nhật Bản nói rằng khắp pháp giới vẫn đang Tọa Thiền, rằng núi xanh mây trắng đang ngồi, rằng hoa bay nước chảy đang ngồi --- đúng là cả thế giới đang ngồi Tọa Thiền trong Lý duyên khởi. Ngộ được như thế, sẽ thấy Lý duyên khởi, còn gọi là Không, còn gọi là Tự Tánh, sẽ thấy không hề có phương xứ trong với ngoài, không đông hay tây hay nam hay bắc. Thiền sư ghi lại, một nhà sư chỉ tay vào tảng đá bên đường, hỏi một nhà sư bạn, rằng tảng đá trong tâm hay ngoài tâm. Câu trả lời nên là trong cái thấy của Lý duyên khởi, không có gì gọi là trong hay ngoài, không có gì gọi là trong tâm hay ngoài tâm, không có gì gọi là "đá tảng đang được một ai nhìn thấy" mà chỉ có tất cả những cái được thấy đã dứt bật ngôn ngữ. Các pháp vốn như thế, là như thế. Đó là nghĩa của Tọa Thiền.

Nơi đó, như Kinh Ud 7.1 nói, không dính chút tư lường "tôi là cái này hay cái kia" thì, đó là giải thoát. Đó chính là Thiền tinh thức với vô ngã. Là cội rễ của Phật giáo.

THAM KHẢO:

Kinh SN 12.15, bản dịch Thầy Minh Châu: https://suttacentral.net/sn12.15/vi/minh_chau

Vô Ngã Là Niết Bàn, HT Thích Thiện Siêu: <https://thuvienhoasen.org/a15211/vo-nga-la-niet-ban>

Kinh Ud 7.1, bản dịch Bhikkhu Sujato: <https://suttacentral.net/ud7.1/en/sujato>

Kinh Ud 7.1, bản dịch Bhikkhu Thanissaro: <https://accesstoisight.org/tipitaka/kn/ud/ud.7.01.than.html>



CON DAO TRONG TÂM

(*Phật Pháp Thứ Năm*— bài viết hàng tuần của GDPT
do **NHÓM ÁO LAM** thực hiện)

TRANG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Thưa Anh Chị Em (ACE) Lam viên thương mến,

Đây là câu chuyện được trích lại từ “Năm Mẩu Chuyện Đạo” trong tài liệu tu học của bậc Trung Thiện, GDPTVN. Câu chuyện tuy dành cho ngành Thiếu, nhưng vẫn luôn là bài học trọng tâm mà hàng anh chị trưởng chúng ta cần thường xuyên suy ngẫm và thực hành.

Người vợ trong truyện thì gieo khẩu nghiệp dữ dẫn, người chồng thì gieo thân nghiệp đầy sát khí; nhưng chúng ta thấy, cả hai nghiệp (thân và khẩu) này đều do ý nghiệp dẫn dắt. Đó là lý do đức Phật dạy họ hãy quăng con dao trong tâm đi.

Trân trọng,
Nhóm Áo Lam

Một thời ở thành Xá Vệ nước Ấn Độ, Đức Phật đến hóa độ cho một gia đình kia. Hai vợ chồng đều tham lam độc ác, không biết tôn trọng đạo đức. Ngày liền hóa một vị đạo nhân đến khổ thực. Lúc ấy người chồng đi vắng, người vợ ở nhà thấy vị đạo nhân liền mắng chửi ầm lên. Vị đạo nhân nói: “Tôi là người tu hành, chỉ xin ăn tự sống. Chỉ mong gia chủ cho bát cơm để đỡ đói lòng, sao lại

mắng chửi tôi đủ điều như vậy?”

Người vợ tức giận hét ngược lên thì vừa lúc người chồng về, trong tay cầm sẵn con dao, chẳng nói gì, người chồng xông tới định chém vị đạo sĩ. Bỗng một bức thành pha lê hiện lên, bao bọc người đạo sĩ, bức thành trong sáng kiên cố, không có cửa. Người chồng đến xô đập đâm chém cũng không sao chuyển nổi. Người chồng liền nói:

“Ông mở cửa cho tôi vào với.”

Vị Đạo sĩ trả lời:

“Được, nhưng ông hãy quăng con dao đi đã.”

Người chồng tự nghĩ: “Mình to con như thế này, còn người đạo sĩ bé nhỏ thế kia, mình dùng hai tay không, cũng đủ giết chết vị đạo sĩ.” Nghĩ vậy rồi, người ấy liền quăng con dao đi xa; nhưng bức thành pha lê vẫn y nguyên như cũ. Người chồng tức giận hét lên:

“Tôi đã quăng con dao đi rồi, sao không mở cửa cho tôi vào?”

Vị đạo sĩ đáp:

“Không, tôi không nói ông quăng con dao trong tay ông, tôi muốn ông quăng con dao trong tâm ông kia!”

Người chồng giật mình kinh sợ, nhận thấy vị đạo sĩ hiểu rõ tâm ý thâm kín của mình, liền cúi xuống lay tạ, ăn năn hối lỗi. Bức thành bỗng biến mất, vị đạo sĩ hiện thành Đức Phật hào quang chói sáng rực rỡ, và tiếp độ cho hai vợ chồng.



TRỞ VỀ MỤC LỤC

'NGÀY THẾ GIỚI THIỀN' VÀ NHỮNG LỢI LẠC KHI THỰC HÀNH THIỀN

Huỳnh Kim Quang

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG



Photos: WorldMeditationDay

Thứ Sáu, ngày 20 tháng 5 năm 2022 vừa qua là Ngày Thế Giới Thiền (World Meditation Day), theo www.daysoftheyear.com cho biết. Điều này cho thấy một sự thật là Thiền đã và đang được thực hành trên khắp thế giới và vượt qua khỏi biên giới của tôn giáo, chủng tộc và quốc độ. Điều này cũng cho thấy một sự thật khác nữa là Thiền đã đáp ứng được các nhu cầu của con người để chuyển hóa những khổ đau thuộc lãnh vực tinh thần và thể xác gây ra trong cuộc sống thường ngày, với quá nhiều căng thẳng và bất an.

Khi thế giới chung quanh bạn bị chìm ngập trong điên đảo, và bạn dường như hoàn toàn không thể tìm thấy một khoảnh khắc bình an nào trong cơn bão hàng ngày, đó là lúc để lùi lại và nhớ đến những giây phút hạnh phúc khi còn là một đứa trẻ nơi chúng ta tự đánh mất mình trong thế giới. Ngày Thế Giới Thiền là sự kêu gọi thế giới hãy dành thì giờ để tham gia vào sự thực hành và làm sạch tâm mình đã có từ hàng ngàn năm, nhớ rằng chúng ta trước hết là con người và thứ đến là những người lao động.

Lịch sử của Ngày Thế Giới Thiền

Lịch sử của Ngày Thế Giới Thiền có thể được truy tìm qua chính Lịch Sử Của Thiền. Thiền đã là một phần không thể thiếu của nhiều tôn giáo và lần đầu được phát hiện trên văn bản vào khoảng 1500 năm trước Tây Lịch tại Ấn Độ.

Thiền đóng một vai trò quan trọng trong nhiều

tôn giáo trên khắp thế giới, đặc biệt là Phật Giáo và những tôn giáo Đông Phương khác, nhưng Thiền cũng được thực hành bởi những người không thuộc về truyền thống tâm linh hay tôn giáo mà như là cách làm giảm căng thẳng và làm sạch tâm họ.

Trong Ngày Thế Giới Thiền bất kể bạn có là người theo tôn giáo hay không, sự bộn ba điên cuồng và sự bận rộn trong hoạt động hàng ngày ngăn cản nhiều người trong chúng ta chưa bao giờ có được giây phút bình an.

Các lợi ích của Thiền

Trong khi các nhóm tôn giáo cực đoan đôi khi đã phi báng Thiền, thì sự thật một cách khoa học Thiền đã được chứng minh có nhiều hiệu quả tích cực trên lãnh vực tinh thần và thể chất khi Thiền được thực hành đều đặn. Sau đây là một số lợi ích của Thiền.

Trên khắp thế giới, lo lắng vẫn là một trong những điều kiện sức khỏe tinh thần hàng đầu. Dù trong nhiều trường hợp nghiêm trọng các bác sĩ có thể viết toa thuốc để giúp những người bị lo lắng, họ thường có khuynh hướng thử biện pháp tổng thể hơn trước. Thiền là một trong những cách tổng thể thông thường nhất để điều trị lo lắng, giúp các cá nhân giảm nhịp tim của họ, kiểm soát các suy nghĩ tai hại và ngăn chặn các cơn lo lắng.

Không còn nghi ngờ rằng thế giới mà chúng ta đang sống trong đó có thể là căng thẳng. Dù căng thẳng là sự phản ứng cơ thể hoàn toàn bình thường, chúng ta không nên cảm thấy bị căng thẳng thường xuyên vì căng thẳng liên tục có thể gây ra nhiều vấn đề nghiêm trọng trong cơ thể. Thiền là cách tuyệt vời để thư giãn trong thế giới bận rộn và để tập trung vào bên trong chính bạn. Thực tập thở trong lúc thiền có thể giảm cao máu và làm thấp các mức độ căng thẳng, làm cho tâm bình lặng và cho cơ thể thời gian để hồi phục sau thời gian căng thẳng kéo dài.

Não bộ con người có nhiều việc hơn bao giờ hết để bắt kịp và những thứ này kết hợp với internet và việc chúng ta tiếp cận với điện thoại thông minh có nghĩa là nhiều người trong chúng ta gặp khó khăn với sự tập trung. Thực hành thiền và chánh niệm khuyến khích bạn nghĩ về hiện tại, sống trong khoảnh khắc hiện tại và loại bỏ sự điên cuồng, giúp bạn duy trì sự tập trung khi bạn cần và cải thiện năng suất tổng quát.

Làm sao kỷ niệm Ngày Thế Giới Thiền

Việc kỷ niệm Ngày Thế Giới Thiền được thực hành tốt nhất bằng cách để dành một khoảng thời gian cho chính bạn để làm sạch tâm mình và thư

giãn. Thiền trông ra sao có thể khác biệt rất lớn tùy mỗi người, với một số hoạt động thể chất ưa thích đi theo sự thực hành của họ (thường là Yoga hay những hoạt động thể dục khác) trong khi nhiều người khác thích ngồi và thư giãn.

Đối với việc kỷ niệm Ngày Thế Giới Thiền của chính bạn, hãy tìm một nơi nào đó mà bạn cảm thấy dễ chịu và thư giãn, có thể là trong phòng tắm, tại phòng tập thể dục, hay ngay cả nơi có môi trường thiên nhiên như biển và rừng. Rồi đơn giản ngồi xuống chỗ thoải mái, nhắm mắt lại, thở đều, và hãy để cho tất cả suy nghĩ vớ vẩn ra khỏi tâm của bạn. Nếu bạn chưa bao giờ thử Thiền trước đây thì có thể khó khăn để làm sạch suy nghĩ khỏi tâm của bạn và bạn có thể được lợi ích từ việc thử học dạy kèm hướng dẫn Thiền mà trong đó người có kinh nghiệm sẽ nhẹ nhàng chỉ bạn tiến trình này.

Bất kể là cách nào bạn chọn để kỷ niệm Ngày Thế Giới Thiền, chỉ nhớ rằng Thiền được lợi ích nhất khi được thực hành đều đặn, vậy tại sao không tự đặt cho mình lời nhắc nhở một lần một ngày, mỗi ngày cho cả tuần còn lại và xem bạn cảm thấy thế nào.

Làm sao Thiền

Một trong những điều vĩ đại về Thiền là bất cứ ai cũng có thể thực hành, và họ có thể thiền ở bất cứ nơi nào. Dù cho bạn đang ngồi, đứng, nằm trên giường hay ngồi trong phòng tắm, đơn giản nhắm mắt bạn lại, tập trung vào hơi thở vào và ra thật sâu và cho phép tâm của bạn trống vắng mọi suy nghĩ. Nếu suy nghĩ khởi sinh, đơn giản nhận biết chúng và để cho chúng đi qua. Tiếp tục thở sâu và dùng việc thở để đi sâu vào sự bình lặng bên trong, cho đến khi bạn sẵn sàng mở mắt và tiếp tục ngày của bạn.

Để giúp bạn đọc biết rõ và chi tiết hơn trong việc thực hành Thiền, xin trích đăng bài "Hướng Dẫn Thiền Tập" của Đại Sư Thanissaro Bhikkhu do Cư Sĩ Nguyên Giác dịch sang tiếng Việt được đăng trên Thư Viện Hoa Sen. Sau đây là nguyên văn bản Việt dịch của Cư Sĩ Nguyên Giác.

Hướng Dẫn Thiền Tập

Hãy ngồi thẳng một cách thoải mái, không nghiêng về phía trước hay sau, trái hay phải. Hãy nhắm mắt lại, và hãy nghĩ với các niệm thiện lành. Những niệm thiện lành trước tiên là hướng về bạn, bởi vì nếu bạn không thể hướng niệm thiện lành về bạn -- nếu bạn không thể cảm thấy một khát vọng chân thực cho hạnh phúc riêng của bạn -- sẽ không có cách nào bạn có thể chân thực ước muốn cho kẻ khác có hạnh phúc.

Do vậy, hãy tự nói với bạn, "Xin nguyện cho con tìm thấy hạnh phúc chân thực." Hãy tự nhắc rằng hạnh phúc chân thực là những gì tới từ bên trong, do vậy đây không phải là một ước muốn ích kỷ. Thực sự, nếu bạn tìm thấy và phát triển nguồn cội hạnh phúc trong bạn, bạn có thể chiếu sáng nó ra tới kẻ khác. Đây là niềm hạnh phúc không tùy thuộc vào việc lấy đi bất kỳ thứ gì từ bất kỳ ai.

Do vậy, bây giờ hãy hướng niệm thiện lành tới kẻ khác. Trước tiên, những người gần với lòng của bạn -- gia đình bạn, ba mẹ bạn, những người bạn rất thân của bạn. Tương tự, hãy nguyện cho họ tìm thấy hạnh phúc chân thực. Rồi trải các niệm này ra trong vòng thân hữu rộng hơn: những

người mà bạn biết rõ, những người mà bạn biết không rõ, những người bạn ưa thích, những người bạn quen biết, những người mà bạn không có cảm xúc ưa hay ghét, và cả những người bạn không thích. Đừng để có hạn chế nào khi bạn hướng niệm thiện lành, vì nếu có, tất sẽ có hạn chế trong tâm của bạn. Bây giờ, hãy trải các niệm thiện lành tới cả những người bạn không quen biết -- và không chỉ người; hãy hướng tới chúng sinh mọi loài ở mọi hướng: đông, tây, bắc, nam, trên, và dưới, ra tới vô cùng tận. Hãy nguyện cho họ cũng tìm thấy hạnh phúc chân thực.

Rồi hãy hướng tâm niệm của bạn về hiện tại. Nếu bạn muốn hạnh phúc chân thực, bạn phải tìm thấy nó trong hiện tại, vì quá khứ đã trôi qua rồi và vì tương lai là một bất định. Do vậy, bạn phải hướng tâm về hiện tại. Bạn có những gì bây giờ đây? Bạn có thân này, ngồi nơi đây và hít thở. Và bạn có tâm này, suy nghĩ và nhận biết. Do vậy, hãy mang tất cả thứ này lại với nhau. Hãy nghĩ về hơi thở và rồi nhận biết hơi thở vào và ra. Giữ tâm niệm vào hơi thở: đó là chánh niệm. Nhận biết hơi thở vào và ra: đó là tỉnh giác. Hãy giữ hai phương diện này của tâm với nhau. Nếu bạn muốn, bạn có thể sử dụng một chữ thiền để củng cố chánh niệm. Hãy thử với chữ "Buddho" -- có nghĩa là "tỉnh thức." Hãy nghĩ tới chữ "bud-" với hơi thở vào, và chữ "dho" với hơi thở ra.

Hãy cố gắng thở cho thoải mái. Một cách rất cụ thể để biết cách tự tìm hạnh phúc cho bạn trong giây phút hiện tại tức thì -- và cùng lúc, củng cố sự tỉnh giác của bạn -- là hãy để cho chính bạn tự thở trong cách thoải mái. Hãy thử nghiệm để xem cách thở nào làm cơ thể bạn thấy thoải mái nhất bây giờ. Nó có thể là hơi thở dài, hơi thở ngắn; [có thể là] hơi vào dài, hơi ra ngắn; hay [có thể là] hơi vào ngắn, hơi ra dài. Nhẹ hay nhẹ, nhanh hay chậm, cạn hay sâu. Một khi bạn tìm thấy một nhịp điệu [hơi thở] làm bạn cảm thấy thoải mái, hãy giữ cách đó một thời gian.

Hãy ngấm vào cảm thọ về hơi thở. Nói một cách tổng quát, hơi thở càng dịu dàng, càng tốt. Hãy niệm về hơi thở, không chỉ là không khí vào và ra buồng phổi, nhưng là toàn thể dòng chảy năng lực vào toàn thân với mỗi hơi thở vào-và-ra. Hãy cảm thọ những độ tinh tế của dòng chảy năng lực. Bạn có thể thấy rằng thân bạn biến đổi, sau một thời gian. Một nhịp điệu hay một mức độ tinh tế [hơi thở] có thể làm bạn cảm thấy phù hợp một thời gian, và rồi cách khác sẽ làm bạn thấy thoải mái hơn. Hãy học cách lắng nghe và đáp ứng với những gì cơ thể của bạn phản ứng hiện nay. Năng lực hơi thở nào, thân bạn cần? Làm sao bạn có thể cung cấp cho nhu cầu đó? Nếu bạn cảm thấy mệt, hãy cố gắng thở trong một cách làm sung mãn năng lượng cho thân của bạn. Nếu bạn cảm thấy căng thẳng, hãy thở trong một cách thư giãn nhẹ nhàng.

Nếu tâm của bạn lang thang chệch hướng, hãy dịu dàng mang lại. Nếu tâm lang thang 10 lần, 100 lần, hãy mang tâm lại 10 lần, 100 lần. Đừng bỏ cuộc. Phẩm chất này gọi là tinh tấn. Nói cách khác, ngay khi bạn nhận ra tâm chạy chệch ra, bạn hãy mang tâm trở lại. Bạn không tốn thời gian chệch hướng nghĩ hoa, nghĩ bầu trời, hay nghe chim hót. Bạn có việc phải làm: học cách làm sao để thở thoải mái, làm sao để tâm an ổn thiện lành ở giây phút hiện tại.

Khi hơi thở khởi đầu cảm thấy thoải mái, bạn có thể bắt đầu thăm dò nó ở những nơi khác trong thân. Nếu bạn giữ hơi thở thoải mái trong một khu vực hẹp, bạn có thể dễ ngủ gục. Do vậy, một cách ý thức, hãy mở rộng sự nhận biết của bạn.

Một nơi tốt để tập trung đầu tiên là quanh rún. Hãy hướng tâm về quanh rún: nơi nào bây giờ vậy? Rồi ghi nhận: nơi này cảm thọ ra sao khi bạn thở vào? Nơi này cảm thọ ra sao khi bạn thở ra? Hãy quan sát nó trong vài hơi thở, và hãy ghi nhận xem có bất kỳ cảm giác căng thẳng nào trong phần đó của thân, hoặc là với hơi thở vào hay với hơi thở ra. Nó căng thẳng lên khi bạn thở vào? Bạn có tiếp tục giữ căng thẳng đó khi thở ra? Bạn có dùng sức nhiều quá khi thở ra? Nếu bạn tự thấy vướng vào như vừa kể, hãy thư giãn thoải mái nhé. Hãy nghĩ rằng căng thẳng đó tan biến trong cảm thọ về hơi thở vào, trong cảm thọ về hơi thở ra. Nếu bạn muốn, bạn có thể nghĩ về năng lượng hơi thở chảy vào thân, ngay ở rún, làm tan bất kỳ căng thẳng nào bạn có thể cảm thấy nơi đó...

Rồi hướng tâm niệm về bên phải -- tới góc phải, dưới bụng của bạn - và hãy theo dõi cùng 3 bước nơi đó: 1) hãy dùng tâm định vị phần tổng quát đó trên thân; 2) hãy ghi nhận xem nơi đó cảm thọ ra sao khi bạn thở vào, cảm thọ ra sao khi bạn thở ra; và 3) nếu bạn cảm thấy bất kỳ căng thẳng nào trong hơi thở, hãy để nó thư giãn thoải mái... Bây giờ, hãy hướng tâm niệm về phía bên trái, tới góc trái, phía dưới bụng, và hãy làm cùng 3 bước trên nơi đó.

Bây giờ hãy hướng tâm tới chỗ chấn thủy (còn gọi là chấn thủy, trên rún khoảng hơn tấc, chỗ lõm giữa xương lồng ngực)... và rồi sang bên phải, tới bên sườn phải... tới bên sườn trái... tới giữa ngực... Sau một chập, hướng tâm tới dưới cuống họng... và rồi tới giữa đầu. Hãy rất cẩn trọng với năng lượng hơi thở trong đầu. Hãy nghĩ về nó rất dịu dàng trôi vào, không chỉ xuyên qua lỗ mũi nhưng cũng xuyên qua 2 mắt, 2 tai, hơi xuống từ đỉnh đầu, hơi vào từ phía sau cổ, rất dịu dàng hơi xuyên qua và làm thư giãn bất kỳ căng thẳng nào bạn có thể cảm thấy, thí dụ, quanh xương hàm, phía sau cổ, quanh hai mắt, hay quanh khuôn mặt...

Từ đó, bạn có thể chú tâm dần dần xuống lưng, hơi ra các cẳng chân, tới đầu các ngón chân, tới khoảng trống giữa các ngón chân. Như trước đó, hãy tập trung vào một phần cụ thể của thân, hãy ghi nhận xem nói cảm thọ ra sao với hơi thở vào và hơi thở ra, hãy thư giãn bất kỳ cảm thọ nào căng thẳng bạn có thể cảm thấy nơi đó, để năng lượng hơi thở có trôi chảy thông suốt hơn, và rồi tiếp tục cho tới khi bạn tới đầu các ngón chân. Rồi lập lại tiến trình, khởi sự nơi phía sau cổ và đi xuống hai vai, xuyên qua các cánh tay, xuyên qua các cổ tay và trôi ra xuyên qua các ngón tay của bạn.

Bạn có thể lập lại việc quán thân như thế nhiều lần tùy ý, cho tới khi tâm bạn cảm thấy sẵn sàng trụ lại.

Rồi, hãy chú tâm trở lại, vào bất kỳ điểm nào trên thân, nơi thấy tự nhiên nhất để trụ và đặt tâm vào giữa. Hãy đơn giản để sự chú tâm của bạn an nghỉ nơi đó, hòa nhập với hơi thở. Cùng lúc, hãy để tâm nhận biết của bạn trải rộng ra để

nó ngập tràn toàn thân, như ánh sáng của một ngọn nến giữa phòng: lửa nến ở một điểm, nhưng ánh sáng tỏa ra đầy phòng. Hay là như một cọng nhện trên một mạng nhện: con nhện ở một chỗ, nhưng nó biết toàn thể mạng nhện. Hãy tinh tế duy trì cảm nhận ý thức mở rộng đó. Bạn sẽ thấy rằng nó có khuynh hướng co cụm lại, như một bong bóng có một lỗ nhỏ, do vậy hãy giữ tâm ý thức trải rộng ra, nghĩ rằng "toàn thân, toàn thân, hơi thở trong toàn thân, từ đỉnh đầu xuống tới các đầu ngón chân." Hãy nghĩ về năng lượng hơi thở vào và ra thân bạn, xuyên qua tất cả các kẽ chân lông trên da. Hãy giữ tâm ý này mở rộng, an định càng lâu càng tốt. Không có gì khác mà bạn phải nghĩ tới bây giờ, không nơi nào khác để đi, không chuyện gì khác để làm. Hãy giữ tâm với ý thức an định và mở rộng về hiện tại bây giờ...

Khi tới giờ rời khóa thiền, hãy tự nhắc bạn rằng có một kỹ năng để rời. Nói cách khác, bạn chớ hấp tấp xuất thiền. Thầy tôi, sư Ajaan Fuang, một lần nói rằng khi hầu hết người ta ngồi thiền, như thế họ treo lên một chiếc thang tới tầng thứ nhì tòa nhà: trèo từng bước, từng bậc, từ từ lên thang. Nhưng khi họ tới tầng thứ nhì, họ nhảy ra ngay cửa sổ. Bạn đừng làm thế. Hãy nghĩ rằng bạn đã qua nhiều nỗ lực để tâm an định. Đừng quảng bỏ nó.

Bước đầu tiên khi xuất thiền là hướng niệm thiện lành một lần nữa tới tất cả những người quanh bạn. Rồi, trước khi bạn mở mắt, hãy tự nhắc rằng ngay cả khi bạn sắp mở mắt ra, bạn vẫn muốn chú tâm an định nơi thân, nơi hơi thở. Hãy cố gắng duy trì sự chú tâm đó càng lâu khi bạn có thể, khi bạn đứng dậy, đi bộ, nói năng, lắng nghe, hay làm bất cứ gì. Nói cách khác, kỹ năng xuất thiền nằm ở chỗ học cách đừng rời bỏ nó, bất kể là bạn có thể sẽ làm bất cứ gì. Hãy hành động từ cảm giác tâm an định. Nếu bạn có thể giữ tâm an định trong cách này, bạn sẽ có một tiêu chuẩn mà theo đó bạn có thể đo lường chuyển động của nó, phản ứng của nó đối với các sự kiện xảy ra quanh nó và trong nó. Chỉ khi bạn có một an định vững vàng như thế này, bạn mới có thể nhìn thấu suốt vào chuyển động của tâm. (hết trích)

Thay lời kết

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thành tựu đạo quả giác ngộ và giải thoát sau bốn mươi chín ngày đêm thiền tọa dưới gốc cây Bồ Đề. Vì vậy Thiền là chìa khóa để giác ngộ và giác ngộ là để tận diệt đau khổ. Suốt bốn mươi lăm năm sau ngày giác ngộ, Đức Phật đi khắp lưu vực sông Hằng để giáo hóa những người có cơ duyên hầu giúp họ thoát khổ đau bằng ba phương thức: giữ gìn giới luật, thực hành thiền định và khai phóng trí tuệ (Giới-Định-Tuệ).

Khi thực hành Thiền qua ba cách: điều phục thân, điều phục hơi thở và điều phục tâm thì kết quả tất yếu đi theo là làm cho thân tâm được khỏe mạnh và an lạc. Đó là lợi ích trước mắt. Nhưng lợi lạc tối hậu và cao cả hơn hết mà người Phật tử nhắm tới chính là giác ngộ bản tâm, bởi vì có giác ngộ bản tâm thì mới giải thoát khổ đau và sanh tử luân hồi vĩnh viễn.

Huyền Kim Quang

Bốn Con rỗi

Soạn giả: THÍCH MINH CHIỂU

(Truyện Cổ Phật Giáo)

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO



Ngày xưa có hai vợ chồng người thợ chuyên làm các con rối có được một cậu con trai đặt tên là Aung. Đến ngày trưởng thành, Aung quyết định lên đường đi làm ăn xa.

Để giúp đỡ con, ông bố mới làm cho con 4 con rối đặc biệt: Con thứ nhất mang hình dáng một thiên thần, con thứ hai thì lại bộ dạng của một con yêu tinh, con thứ ba là một ông thiên lồi, riêng con thứ tư thì làm theo kiểu một thầy Tăng, một tay cầm thiền杖 và một tay cầm bát đi khất thực.

Trên đường đi phiêu lưu, lần lượt cả ba con rối đầu tiên đều hóa thành người thật theo mẫu của người sẵn có để giúp đỡ Aung. Con rối thiên thần giúp Aung thoát khỏi nanh vuốt của loài thú dữ gặp phải trên đường đi. Con rối yêu tinh giúp chàng chiếm đoạt của cải một đoàn thương nhân và con rối thiên lồi thì giúp biến những của cải đó sanh sôi nảy nở thêm. Thế là cả mấy thầy trò trở nên giàu có, mua một lâu đài lớn để cư ngụ.

Nhưng dù đã thành công trên đường đời, Aung lại vướng một món nợ tình không nguôi. Nguyên do là: Trong vụ

chiếm đoạt của cải của đoàn thương nhân họ chàng đã bắt được cô con gái của chủ đoàn thương nhân. Aung đem lòng yêu thương cô ta nhưng cô gái thì căm thù, nhất quyết cự tuyệt. Cuối cùng cô gái bỏ ra đi.

Thất tình, Aung trở nên vô cùng buồn khổ dù đang sống trong cảnh giàu sang tột độ. Lúc đó, con rối thầy Tăng mới cho Aung một lời khuyên là:

- Hãy thử sống như tôi: Tôi không có ham muốn xấu nên tôi không biết đến đau khổ, tôi ăn ở hoà thuận với mọi người nên lúc nào tâm hồn cảm thấy bình yên.

Thế là Aung quyết định bắt đầu sống cuộc sống như con rối thầy Tăng là rời bỏ lâu đài và cuộc sống giàu sang, một mình đi khất thực trên khắp các nẻo đường. Tuy chưa hẳn trở thành một tu sĩ xuất gia nhưng kì lạ thay từ cách sống đó, tự nhiên lần hồi chàng cảm thấy tâm hồn yên ổn, thanh thản hơn.

Thế rồi, một ngày họ trên đường đi khất thực, Aung đã tình cờ gặp lại hai cha con cô gái chàng từng yêu dấu. Nhìn thấy Aung phải chịu đựng và

nghe Aung thuật lại đầu đuôi sự tình, bấy giờ cô gái mới động lòng, hiểu là Aung đã thực sự hối lỗi. Tha thứ cho Aung, cô gái và cha nàng bằng lòng cùng chàng trở về ngôi lâu đài cũ để làm lễ cưới.

Tại lễ cưới có mặt đông đủ 4 con rối bạn thân của Aung, con rối thầy Tăng một lần nữa đã giảng giải cho Aung nghe về lẽ đời và lẽ đạo:

- Trước kia, cậu đã giàu sang, được quyền lực nhưng như cậu đã thấy, của cải và quyền lực nào có mang lại hạnh phúc đâu. Nay cậu đã có hạnh phúc, lại tiếp tục sống trong giàu sang và quyền lực, nhưng nên nhớ cái hạnh phúc này không phải do của cải và quyền lực mà là do phải biết bất chấp với thứ đó. Của cải và quyền lực tự nó không làm nên điều thiện hoặc điều ác. Cái đó chỉ tùy thuộc vào việc cậu dùng nó như thế nào mà thôi...

Thấm thía bài học do con rối thầy Tăng gợi nên, hai vợ chồng Aung cho xây một ngôi chùa thờ Phật cạnh lâu đài, để đón tiếp thiện nam tín nữ khắp nơi đến cùng mình chứng ngộ chân lý Phật pháp như những điều con rối thầy Tăng đã giảng dạy...

C.T.N

"Thắng lợi thì bị oán thù, thất bại thì bị đau khổ, kẻ nào không màng đến thắng bại, kẻ ấy sẽ sống một cuộc đời hòa hiếu an vui."





VAI TRÒ CỦA TRUYỀN THÔNG VỚI SỨC KHỎE QUẦN CHÚNG

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức

Y KHOA PHỔ THÔNG

Trong thế kỷ vừa qua, sự tiến bộ của y khoa học đã vượt quá sức tưởng tượng.

Những khám phá mới về cấu tạo cơ thể đã giúp hiểu rõ hơn về sự mâu thuẫn của tạo hóa khi tạo ra con người với muôn ngàn chức năng thần sâu, ngoạn mục.

Thêm vào đó là rất nhiều phát minh đã làm sáng tỏ về căn nguyên, diễn tiến, cách chẩn đoán cũng như điều trị các loại bệnh.

Tin tức về y khoa trở nên phong phú hơn nhưng cũng phức tạp, khó hiểu với các từ ngữ mới về bệnh tật, các danh từ kỹ thuật về phương thức chẩn đoán khám chữa bệnh cũng như danh tính các tác nhân gây bệnh. Nguồn cung cấp tin tức dữ kiện y khoa học cũng nhiều và dưới các hình thức khác nhau, đặc biệt là kết quả các nghiên cứu đã hoàn tất mỹ mãn cũng như kết quả sơ khởi, cần nhiều nghiên cứu khác để được coi là chung kết.

Trước các kiến thức mới này, một người có sức học trung bình thu lượm được cách đây trên dưới nửa thế kỷ đôi khi cảm thấy mình như lạc lõng không biết phải dùng những tin tức nào để duy trì sức khỏe. Đặc biệt là đối với những người tuổi cao, nhóm dân thiểu số, những người có căn bản giáo dục giới hạn, lợi tức thấp hoặc đang ở trong tình trạng sức khỏe suy kém.

Thống kê cho hay có tới 12% dân chúng thiếu hiểu biết về các vấn đề sức khỏe. Họ sẽ rơi vào các hoàn cảnh như:

- Thiếu hiểu biết hoặc hiểu biết không đúng về cấu tạo cơ thể, diễn tiến và nguyên nhân gây ra bệnh;

- Không biết tự chăm sóc cũng như phòng tránh bệnh tật;

- Thường có sức khỏe kém vì bỏ qua các phương thức phòng tránh bệnh mà khoa học đã cố gắng hiển. Chẳng hạn, họ sẽ không làm mammo-gram để tìm kiếm ung thư nhũ hoa, không làm pap smear để sớm khám phá ung thư cổ tử cung, không chịu chích ngừa cúm...

- Có nhiều bệnh kinh niên và thường hay than phiền đau chỗ này bệnh chỗ kia;

- Không chữa trị ổn định bệnh do đó dùng nhiều dịch vụ để chữa các biến chứng của bệnh và ít dùng dịch vụ để giảm thiểu các biến chứng;

- Nhập bệnh viện nhiều hơn;

- Thường tới phòng cấp cứu để chữa các bệnh thông thường thay vì tới bác sĩ gia đình, đưa tới gia tăng chi phí y tế;

- Chỉ đi khám bệnh khi bệnh đã trở nên trầm trọng.

Nhìn thấy vấn đề, chính quyền và các tổ chức y tế xã hội công tư đã cố gắng cùng nhau:

- Nâng cao ý thức y tế, giúp cải thiện tình trạng sức khỏe của cá nhân, gia đình, cộng đồng và xã hội;

- Nâng cao ý thức y tế giúp mọi người sống lành mạnh hơn;

- Nâng cao ý thức y tế cũng giảm thiểu nạn tử vong vì sanh non, tai nạn giao thông, lao động, ảnh hưởng của các chất có hại cho sức khỏe;

- Nhờ tập trung vào sự phòng bệnh, nâng cao ý thức y tế giúp cắt giảm chi phí chăm sóc điều trị cho cá nhân cũng như gia đình và ngân sách quốc gia.

Cổ võ y tế dựa trên các kết quả nghiên cứu về sinh học, môi trường, tâm lý, y khoa học để duy trì sức khỏe, tránh bệnh tật, chết yếu... bằng cách thúc đẩy quần chúng tự mình thay đổi nếp sống, áp dụng điều tốt, loại bỏ điều xấu.

Cổ võ y tế cũng giúp quần chúng tạo ra các cơ hội để nâng cao kiến thức, tạo ra hành vi lành mạnh, bảo vệ sức khỏe.

Cổ võ y tế có thể sử dụng các phương tiện liên lạc để chuyển đạt các tin tức có tính cách xây dựng.

Một trong những phương tiện để tăng cường sự hiểu biết và cải thiện sức khỏe của quần chúng là truyền-thông-đại-chúng (Mass Communications hoặc Mass Media).

Truyền thông đại chúng có ít nhất 4 vai trò:

- Thu lượm tin tức về sức khỏe bệnh tật

- Lọc lựa phân tích các tin tức

- Phổ biến các tin tức chính xác có ích lợi trong việc bảo vệ sức khỏe tới dân chúng đồng thời cũng tạo điều kiện để mọi người có thể đối thoại với nhau dù ở cách xa.

- Cung cấp giải trí để đời sống quần chúng thoải mái, thư giãn hơn.

Nhờ truyền thông giáo dục, mọi người có thể nghe tận tai, đọc- nhìn tận mắt những gì mà nếu không có truyền thông đều không có được. Thế giới như thu hẹp lại nhờ truyền thông. Đây là kết quả của tiến bộ trong lãnh vực kỹ thuật và công nghệ điện tử.

Ngày xưa, việc truyền đạt lệnh lạc, ý tưởng trực tiếp giữa con người diễn ra trong phạm vi hết sức hạn hẹp. Thông tin trong xóm làng là các chú "Mỏ" lốc cốc gõ sừng trâu, gáo dừa đi từng xóm để loan tin cần thiết. Rộng lớn hơn thì có truyền hích, chạy ngựa báo tin. Ngày nay nhờ truyền thông đại chúng, sự trao đổi này quy mô rộng lớn hơn, từ địa phương nhỏ bé tới không gian bao la, từ một số giới hạn con người tới cả triệu triệu quần chúng. Một dịch bệnh nguy hiểm ở vùng sa mạc Phi châu chỉ cần vài phút là quần chúng khắp địa cầu biết tới. Một phương thức trị bệnh mới lạ cũng mau chóng được thông báo tới các bác sĩ và bệnh nhân.

Truyền thông cũng mang lại nhiều thay đổi trong các giá trị sẵn có từ lâu và cũng thúc đẩy

con người "hiện đại" hóa cuộc sống.

Các phương tiện truyền thông đại chúng gồm có:

1- TV truyền hình

Đây là phương tiện chuyển đạt tin tức rất hữu hiệu tới mọi người, không kể già trẻ, nam nữ.

Lợi điểm của truyền hình là gửi đi cả lời nói lẫn hình ảnh, khiến cho người coi lãnh hội dễ dàng và có ảnh hưởng lâu dài, vì quần chúng sẽ nhớ mãi.

Tuy nhiên, bên cạnh những tin tức tài liệu hữu ích thì TV đôi khi cũng có những màn bạo lực, dâm ô, quảng cáo quá mức, gây ảnh hưởng xấu cho sức khỏe.

2- Radio

Rất phổ biến, tới được nhiều thính giả với đầy đủ chi tiết và chi phí cũng ít hơn là với TV. Các vị cao niên đều rất thích nghe các chương trình của radio, từ thời sự thế giới tới cách bảo vệ sức khỏe, phân ưu, chia vui...

3- Báo chí

Theo thống kê, có tới 70% dân chúng thụ lượng kiến thức về sức khỏe qua nhật báo. Lợi điểm của báo chí là độc giả có đầy đủ các loại tin tức, đọc lúc nào cũng được chứ không như TV, radio: mắt dịp coi nghe một chương trình là mất luôn, không coi nghe lại được.

4- Tạp chí

Với tạp chí, độc giả thường có tính cách chọn lựa, tài liệu tương đối có giá trị hơn và thường được cất giữ để dành hoặc trao đổi với bạn bè.

5- Internet

Đây là phương tiện truyền thông rất phổ biến hiện nay, ai cũng có thể sử dụng để thụ nhận và truyền đạt tin tức. Người sử dụng có thể dùng bất cứ lúc nào, gửi đi bất cứ tin tức gì. Tuy nhiên, các tin tức nhiều khi không được kiểm chứng tính cách xác thực, gây hoang mang, ngộ nhận cũng như làm phiền lòng người nhận.

6- Các trang web, blogger với các bài viết y khoa học đầy đủ chi tiết có tính cách xây dựng, giáo dục.

Đó là chưa kể tới các thông tin qua tờ bướm tờ rơi, bảng quảng cáo, bích chương, bích báo, bản tin luân lưu nội bộ cũng như âm nhạc, hình ảnh, nét vẽ minh thị...

Truyền thông đại chúng cũng được các nhà chuyên môn y tế xã hội sử dụng rất nhiều để cải thiện sức khỏe quần chúng. Nhờ truyền thông mà các phương thức phòng ngừa bệnh, các hiểu biết về nguyên nhân gây bệnh, diễn tiến bệnh cũng như các phương thức điều trị căn bản được phổ biến.

Các nhà chuyên môn có thể dùng truyền thông để gửi tới dân chúng các tin tức y học liên quan tới việc bảo vệ sức khỏe, phòng tránh bệnh tật. Họ cũng có thể dùng truyền thông để mở ra các cuộc thảo luận với dân chúng về y khoa học hoặc góp ý kiến, giải đáp cho dân chúng về các thắc mắc bệnh tật thông thường.

Truyền thông có một số lợi điểm như:

- Truyền thông dễ dàng lôi cuốn sự lưu ý của quần chúng đối với các vấn đề sức khỏe một cách mau chóng;

- Truyền thông có thể đưa ra các ý kiến về sức khỏe hết sức hữu hiệu.

- Truyền thông có thể kích thích quần chúng, tạo ra những đáp ứng tình cảm để người nghe-coi thay đổi nếp sống ngõ hầu có một sức khỏe tốt.

- Truyền thông có thể tác động lên dư luận, tạo ra các cơ hội để tranh luận cách thức duy trì sức khỏe, phòng ngừa bệnh tật qua phương tiện liên lạc.

- Truyền thông có thể hợp tác với các nhà chuyên môn để tổ chức các buổi gặp gỡ giữa quần chúng với nhau hoặc giữa các nhà chuyên môn với quần chúng để trao đổi kiến thức bảo vệ sức khỏe.

Ngoài ra, truyền thông cũng có:

- Tính cách giáo dục, chia sẻ kiến thức, cổ vũ những hành vi có lợi cho cộng ích;

- Giúp cải thiện sự gắn bó các quan hệ cộng đồng, giúp các tổ chức liên quan tới bảo vệ sức khỏe cùng sát cánh làm việc;

- Góp phần tranh đấu, cổ vũ, truyền thông tiếp tay với các nhà lãnh đạo đưa ra các chính sách y tế, dung hòa các tranh luận và tìm ra các hỗ trợ ý kiến có tính cách quyết định đặc biệt.

Tuy vậy, truyền thông cũng có một số bất lợi như:

- Truyền thông gửi ra thông tin nhưng ít khi tiếp nhận được phản ứng của quần chúng.

- Khó mà ước lượng coi xem tin tức đưa ra có đáp ứng nhu cầu dân chúng, có đúng thời điểm và không biết phản ứng của dân chúng ra sao.

- Dân chúng có thể không coi, không đọc hoặc tắt tv, radio giữa chừng vì bất đồng ý kiến.

- Do ảnh hưởng của kinh tế tự do cạnh tranh "khuyến thị", truyền thông cũng lệ thuộc vào các "thông-tin-thương-mại" để trang trải chi phí điều hành, cơ sở, nhân viên, cho nên nhiều khi phổ biến những dữ kiện có tính cách chủ quan, thỏa mãn lợi nhuận cho giới sản xuất, cung cấp dịch vụ, hàng hóa. Nhưng, "đời là thế", khán thính giả cũng "sinh sái", thông cảm. Vì "có bột mới gột nên hồ". Không tiền thì lấy đâu ra đài ra sóng, không cả văn nghệ văn gừng giải trí chứ nói chi tới tuyên truyền cổ vũ sức khỏe miễn phí.

- Đôi khi vì tính cách thời sự nóng hổi, "giật gân", truyền thông cũng loan tải các tin tức chưa được chứng minh tính cách xác thực hoặc chưa có sự đồng thuận của các nhà chuyên môn, gây hoang mang cho người nhận.

Truyền Thông giữ một vai trò quan trọng trong việc chăm sóc sức khỏe của quần chúng. Đó là điều quan tâm hàng đầu của nhân loại. Bản hiến chương của Tổ Chức Y Tế Liên Hiệp Quốc, WHO, đã công bố "sức khỏe là một quyền căn bản của con người."

Đối với Phật giáo, sức khỏe được xem là món quà lớn nhất của đời người. Một trạng thái an lạc và khỏe mạnh của thân và tâm là tối cần thiết trong việc tập trung tư tưởng để tu tập.

Mặc dù có vài khuyết điểm có thể điều chỉnh và tránh được, truyền thông đại chúng vẫn có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ sức khỏe quần chúng. Điều tiên quyết là các dữ kiện đưa ra phải rõ ràng, chính xác, có tính cách thuyết phục và có thể giúp người nhận áp dụng được.

Như Đức Giáo Hoàng John Paul II từng nhắc nhở:

"Sự phát triển tích cực của truyền thông để phục vụ chính nghĩa chung là trách nhiệm của mỗi người. Vì sự liên quan chặt chẽ giữa truyền thông với kinh tế, chính trị, văn hóa, cần có một hệ thống điều hành có khả năng bảo vệ quyền hạn và nhân cách của con người, bảo vệ tính ưu việt của gia đình như một đơn vị căn bản của xã hội và sự gắn bó đích thực giữa người với người".

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức
Arlington-Texas

The Story of an Ex-Bhikkhu

Dhammapada, Verse 344

While residing at the Veluvana monastery, the Buddha uttered Verse (344) of this book, with reference to a bhikkhu who was a pupil of the Venerable Mahakassapa.

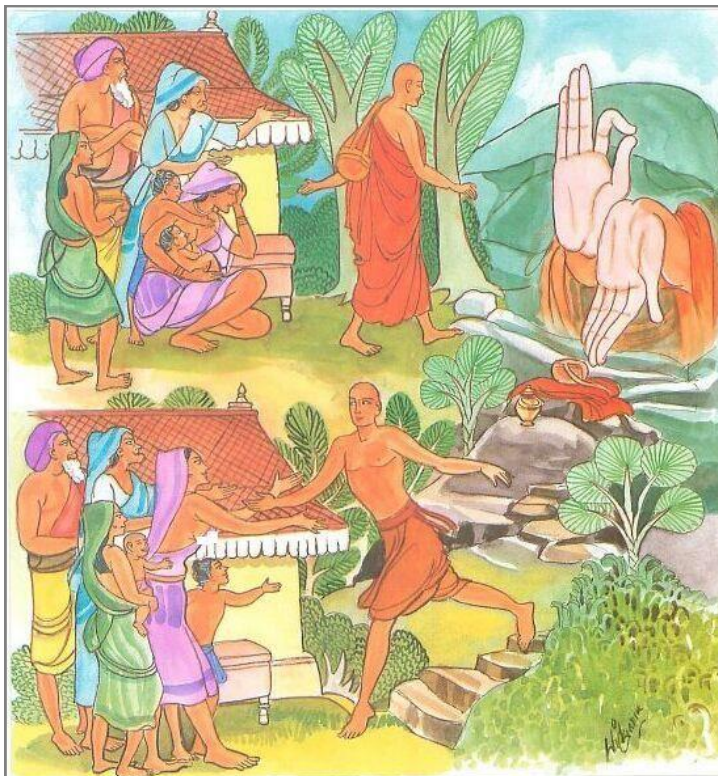
As a pupil of the Venerable Mahakassapa, this bhikkhu had achieved the four mental absorptions (jhanas). But one day, as he went for alms-food to his uncle's house, he saw a woman and felt a great desire to have her. Then he left the Order of the bhikkhus. As a layman, he was a failure as he did not work hard. So, his uncle drove him out of the house, and subsequently he became mixed up with some thieves. All of them were caught by the authorities and were taken to the cemetery to be executed. The Venerable Mahakassapa saw his pupil as he was being led out and said to him, "My pupil, keep your

mind steadfastly on a subject of meditation." As instructed, he concentrated and let himself be established in deep mental absorption. At the cemetery, while the executioners were making preparations to kill him, the ex-bhikkhu was very much composed and showed no signs of fear or anxiety. The executioners and the onlookers were awe-struck and very much impressed by the man's courage and composure and they reported about him to the king and also to the Buddha. The king gave orders to release the man. The Buddha on hearing about the matter sent his radiance and appeared to the thief as if in person.

Then the Buddha spoke to him in verse as follows:

Verse 344: Having left the forest of desire (i.e., the life of a householder), he takes to the forest of the practice (i.e., the life of a bhikkhu); but when he is free from the forest of desire he rushes back to that very forest. Come, look at that man who having become free rushes back into that very bondage.

At the end of the discourse, the thief who was steadfastly keeping his mind on the arising and perishing of the aggregates discerned the impermanent, unsatisfactory and non-self nature of all conditioned things and soon attained Sotapatti Fruition. Later, he went to the Buddha at the Jetavana monastery where he was again admitted to the Order by the Buddha and he instantly attained arahatship.



He who greedless to greed flies back, behold him as flying from freedom to bondage again.

344. *Yō nibbanathō vanādhimuttō
vanamuttō vanam'ēva dhāvati
tañ puggalam'ēva passatha
muttō bandhanam'ēva dhāvati. (24:11)*

Who without woodness inclines to the wood,
free in the wood to woodness returns.
Do now regard that person well
who free returns to fetters.

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.**,
Burma Pitaka Association, Rangoon,
Burma.

Sonomama

HUỆ TRÂN

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Một lần, tôi đọc được ở đâu đó mấy câu thơ ngắn. Vì ngắn, và đối với tôi, rất hay, nên đọc qua một lần là nhớ:

*"Tâm sâu lắm ư,
Thôi đi nhị kiến
Chẳng còn ba, tư
Trên con đường thật
Người về với Như"*

Không biết tác giả nhưng tôi chắc thi sỹ này phải có tâm đạo lắm!

Gieo hạt xuống, hội đủ duyên, có ngày hạt sẽ nảy mầm. Các cụ nói đúng thật. Cái mầm tôi vừa thấy từ cái hạt ghi lại trong tâm mấy câu thơ trên chính là buổi chiều nay.

Lang thang trên mạng thế nào, tôi lại gặp ngay tác giả. Hóa ra, những câu thơ đó là phiên dịch, từ nguyên bản của một thiền sư Nhật Bản, ngài Ikkyu Sojun, tác giả hàng trăm bài Đạo Thi nổi tiếng!

Mấy câu thơ trên, nguyên bản tiếng Nhật như vậy:

*"Nageku nayo
Makoto no michi wa
Sonomama ni
Mitsu tomo nashi"*

Không cần phải biết tiếng Nhật, quý vị cứ thử theo đúng vần, đọc bài thơ nguyên bản xem sao. Mời quý vị thử đi, xem âm thanh của chữ nào làm tâm quý vị xôn xao?

Sonomama được dịch là "Như". Người về với Như là về với Sonomama, về với Phật-tánh, về với



chính bản lai diện mục của mình. Về, tựa hồ Người Cùng Tử trong kinh Pháp Hoa, khi bóng tối vô minh được giải tỏa mới thực sự biết trở về bằng Con Đường Thật (Mitsu tomo nashi) mà bắt gặp Chân Như (Sonomama).

Bước thêm vài bước nữa vào thế giới của thiền -sư Ikkyu Sojun, tôi gặp những câu ngắn hơn mà vẫn súc tích, thâm sâu. Mời quý vị đọc chậm rãi những câu này:

*"Ima wa haya
Kokoro ni kakaru
Kumo mo nashi
Tsuki no irubeki
Yama shi nakereba"*

Nghĩa là:

*"Trái tim ơi,
Không mây,
Không núi
Trăng tim bóng tối
Biết tìm nơi đâu!"*

Không thấy tên dịch giả những bài hài cú này, nên đành ghi lại nơi đây, lời cảm ơn vị nào dịch mà hay quá! Chuyên chở trọn vẹn ý thơ. Lời như băng quơ mà ẩn dụ bao thiền-ý.

Sao thiền-sư Ikkyu Sojun không gọi "Tay ơi! Chân ơi!" mà lại gọi "Trái tim ơi!" Vì chỉ trái tim mới hiểu được câu "Trăng tim bóng tối".

Trăng trên cao, tòa sáng bình đẳng xuống mọi nơi đón nhận, tại sao trăng còn phải đi tìm những nơi tối tăm để chiếu soi? Nơi tối tăm đó là gì? Có phải là Vô Minh không?

Nếu đúng thế thì Trăng mà Ikkyu Sojun nói ở đây không phải chỉ là Vàng Nguyệt mà chính là Ánh Sáng Đạo Pháp. Chỉ Ánh Sáng Đạo Pháp mới mở lòng Tử Bi, đi tìm bóng tối vô minh mà soi soi. Trăng soi sáng tâm vô minh để Tâm Sáng với Trăng là một. Khi ấy, chúng ta lại thấy:

*"Sonomama ni
Mitsu tomo nashi
Tạm dịch là:
Trên con đường thật
Người về với Như"*

Thật tuyệt vời! Chỉ dăm bước chánh niệm là về tới căn nhà Phật, không gặp trắc trở, rắc rối gì!

Cứ chậm rãi như thế, chỉ những câu rất ngắn thôi mà giúp chúng ta vượt bao chặng đường dài. Như bài này:

*"Yomosugara
Hotoke no michiwo
Tazunereba
Waga kokoro ni zo
Tazune irikeru"*

Phiên dịch là:

*"Suốt đêm dài
Nếu ta tìm kiếm
Con đường Như Lai"*

*Tim hoài sẽ gặp
Tâm mình chủ ai!"*

Khi ý thức được là mình có Phật -tánh thì ta không còn phải nhọc lòng tìm kiếm đâu nữa. Con đường, tưởng như trước mắt với người này mà lại muôn dặm vời xa với người kia, do bản chất và niềm tin còn khác nhau! Ikkyu Sojun nhắc lại lời Phật như kinh nghiệm bản thân làm bằng chứng, giúp ta vững tin mà thu ngắn dặm dài. Có phải đó là tinh thần Pháp-Hoa-Tam-Muội không, thưa quý vị?

Từ Pháp-Hoa-Tam-Muội, lắng tâm quán chiếu, chúng ta lại có thể nhìn thấy Lý-duyên-sinh khi đọc những câu:

*"Ame arare
Yuki ya korito
Hedatsuredo
Otsureba onaji
Tanigawa no mizu"*

Phiên dịch là:

*"Mưa, giá, tuyết sương
Khắc nhau là thường
Thế rồi rơi xuống
Qua đời qua lũng
Một dòng nước tuôn"*

Cái này có mặt vì cái kia có mặt. Cái này diệt cho cái kia sinh nên diệt đó thực chẳng là diệt, sinh đó thực chẳng là sinh, vạn hữu màu nhiệm trong tương nhập, tương tức.

Đây cũng chính là "khai Tam hiển Nhất" mưa, gió, tuyết cũng chỉ tụ về "một dòng nước tuôn". Dùng phương tiện Tam Thừa nhưng liễu ngộ thì chỉ là Nhất Thừa mà thôi.

Thế giới Đạo Thi của thiền-sư Ikkyu Sojun cứ như thế, mỗi bài thơ như là một bài pháp. Minh bạch. Rõ ràng. Súc tích. Đọc vừa dứt là nhận ra ngay, nên pháp đó là không-pháp, là qua sông bỏ bè mới thực sự Đáo-Bì-Ngạn.

Cái khó là khi nhận ra rồi, ta có "Sonomama ni", về với Như ngay không, hay còn quẩn quanh "ba, tư, nhị kiến"?

Riêng tôi, xin thú thật là tu hành còn sơ cơ nên đôi lúc lại thấp thoáng thấy hồn thơ của thi hào Nguyễn Du trong câu "Thiên lý hương tâm, dạ cộng trường"

Tình quê ngàn dặm, đêm trường chứa tan!

Huệ Trân

(Tào-Khê tịnh thất – Gió sang mùa)



CÔ GÁI UKRAINE XINH ĐẸP

*Cô gái Ukraine xinh đẹp
Bầu trời xanh trong đôi mắt biếc
Đồng hoa dương ửng ả mái tóc vàng
Nào đâu chỉ có thể
Lòng yêu nước nồng nàn
Dùng cảm ra tuyến đầu chống giặc xâm lăng
Hỏa tiễn, đạn bom bạo tàn không làm nhụt chí
Hiểm nguy chiến trường có hề chi
Cô gái Ukraine đứng lên vì đất nước
Hiên ngang cản bước quân thù
Nhà đã cháy, quốc gia bị tàn phá
Gạt lệ để dành cho ngày khai hoàn ca
Cô gái Ukraine cầm súng ra chiến trận
Cùng quân dân giữ vững tinh thần
Cô gái Ukraine bỏ lại son phấn
Quên tuổi thanh xuân mặc giáp trận xung phong
Cô gái xinh đẹp dùng cảm tạo nên nguồn cảm hứng
Cả thế gian ngưỡng mộ yêu thương
Cô em là niềm tự hào của xứ sở
Gương mặt như hoa dương rạng rỡ
Cô gái đẹp sẵn sàng sống chết vì đất nước
Bán anh hùng ca vang bốn phương trời
Tên bạo chúa vô cơ gây cuộc chiến bạo tàn
Y đã đến bước đường cùng diệt tận
Lòng người căm hận
Sử sẽ ghi tội ác kẻ cuồng ngông
Cô gái Ukraine mắt biếc má hồng
Nữ anh hùng trong lòng người ngưỡng mộ.*

thơ **THANH NGUYỄN**

Át Lăng thành, 03/22

ĐẠO PHẬT VÀ NHÂN QUYỀN TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

Luật sư Tạ Văn Tài

Tiến sĩ Chính trị học và Thạc sĩ Luật học, nguyên Giảng sư Harvard Law School

LỊCH SỬ / TÀI LIỆU

(tiếp theo)

2. An ninh cho con người trong diễn tiến pháp luật: Chúng tôi tìm thấy dấu vết lịch sử về ba quyền trong phạm vi này.

a) Một trong những yếu tố căn bản về an ninh của cá nhân liên quan đến quá trình pháp luật là sự phỏng đoán là vô tội cho đến khi bị kết án chính thức, và do đó người bị cáo bị truy tố phải được phân biệt với người đã bị kết án. Trong mùa đông khắc nghiệt năm 1055, vua Lý Thánh Tông đã nói với triều thần:

"Sống trong cung điện được sưởi ấm với lò than và mặc nhiều đồ ấm, trẫm vẫn cảm nhận cái lạnh này. Trẫm khá băn khoăn về những người bị giam cầm trong ngục thất đang khổ khổ bị xiềng xích với gông cùm, không có đủ đồ ăn và áo quần để che ấm cơ thể, hoặc một số thậm chí bị chết oan uổng trong khi vẫn chưa xác định có tội hay vô tội. Trẫm cảm thấy thật xót thương họ." (24)

Vì vậy, nhà vua đã ra lệnh phân phát mền và chiếu cho tù nhân và cung cấp cho họ hai bữa ăn mỗi ngày. Dường như thể nhà vua coi những tù nhân là vô tội cho đến khi tội lỗi được chứng minh và họ phải được hưởng sự đối xử nhân đạo. Lối tư duy pháp lý này có thể so sánh với nguyên tắc pháp luật nhân quyền hiện đại về sự phỏng đoán vô tội cho đến khi bị tòa án kết tội. Đây là một điểm son trong lịch sử nhân quyền tại Việt Nam.

b) Sự bảo đảm tránh bị nguy cơ hai lần nghĩa là không ai có thể bị xét xử và phạt thêm lần nữa về một vi phạm mà y đã bị kết án chung thẩm hoặc được tha bổng theo luật và thủ tục tố tụng. Điều này là do hệ quả hợp lý của nguyên tắc res judicata pro veritate habetur tức là nguyên tắc quy định rằng một vấn đề đã được xét xử thì được xem như chân lý, đã có trong luật Tây phương từ thời Cổ La Mã. Một nguyên tắc như vậy đã được công nhận dưới đời Lý (sắc lệnh 1128) và được tiếp tục trong các triều đại sau đó, kể cả đời Lê và đời Nguyễn (25).

c) Tránh đối xử hoặc hình phạt bất nhân. Điều 5 của Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân quyền và điều 7 của Thoả ước Quốc tế về Các quyền Dân sự và Chính trị có cùng một cách diễn đạt: "Không ai phải chịu tra tấn hoặc đối xử hoặc hình phạt độc ác, bất nhân và mất phẩm giá".

Chúng tôi nhận ra từ lời nói và lệnh nói trên của vua Lý Thánh Tông một chính sách đối xử nhân đạo đối với người bị tạm giam. Do ảnh hưởng của đạo Phật, nhà vua này cũng muốn áp dụng hình phạt nhân đạo cho tội nhân đã có án. Năm

1064, trong khi chủ trì một phiên xử ở cung Thiên Khanh, vua chỉ vào công chúa Động Thiên, đang đứng dự bên cạnh mình, và phán với triều thần: "Trẫm yêu thương thân dân của trẫm cũng nhiều như yêu thương chính con gái trẫm. Họ phạm tội vì họ không biết (luật) và trẫm có nhiều tình thương cho họ. Từ nay trở đi, trẫm muốn tất cả tội phạm, nặng hay nhẹ, đều phải được xét xử với sự khoan hồng" (26). Những xử phạt độ lượng của nhà Lý đối với tội sát nhân hoặc phản nghịch như đã đề cập ở trên, trong khi bàn về quyền sống, đã phản ánh chính sách hình phạt nhân đạo này, mà các Nho sĩ đã bài bác là một chính sách hình sự sai lầm và quy lỗi cho sức gợi ý gây cảm của Phật giáo.

Hình phạt của nhà Trần thì nghiêm khắc hơn, nhưng như đã trình bày, vẫn cho phép chuộc tội. Ngoài ra, chính sách đối với những tội tiểu hình trong dân chúng nói chung dường như là dễ dãi. Một ví dụ: để kiểm soát dân số và sự di chuyển trong lãnh thổ quốc gia, triều đình yêu cầu mỗi người phải đăng ký. Theo Phan Phú Tiên, một số Nho sĩ đã đệ trình một số báo cáo lên vua Trần Minh Tông (1314 -1329) về những kẻ lang thang, và phiêu lưu mà đã biến mất khỏi sổ đăng ký dân số để tránh bị thu thuế và sưu dịch. Nhà vua trả lời rằng nếu không có những kẻ lang thang và phiêu bạt như vậy thì triều đại này đã chẳng được xem là một triều đại thanh bình; hơn nữa, tốt đẹp gì mà đi xử phạt những người này? (27)

Các vua nhà Lý cũng như nhà Trần đã nhiều lần ra lệnh đại ân xá cho tội phạm: 14 lần dưới đời Lý và 17 lần dưới đời Trần, đặc biệt là vào những dịp như ngày sinh của các hoàng tử, xây dựng chùa, và các dịp đức tượng.

Chính sách khoan dung này đối với phạm nhân đã bị chỉ trích bởi các nhà Nho về sau, họ quy lỗi cho đạo Phật. Về một dịp ân xá năm 1129 của vua Lý Thần Tông, Ngô Sĩ Liên đã cho rằng Kinh Thư là một chỉ dẫn tốt hơn là đạo Phật cho chính sách ân xá:

"Nhân Tông thường sử dụng những dịp lễ lạc Phật giáo để ban lệnh ân xá là sai, nhưng ít ra ngài đã viện cố các ngày lễ của Phật giáo. Về phần nhà vua đây (Thần Tông), ngài đã không có bất kỳ lý do nào như mà vẫn ban lệnh ân xá... Nếu mọi người đều được tha tội, thì kẻ bất lương sẽ may mắn thoát khỏi sự trừng phạt và điều này là không có lợi cho người lương thiện. Những bậc hiền nhân ngày trước đã biết rằng đối với nhà cầm quyền, không thể xóa bỏ sự ân xá, song cũng phải nhận thức rằng cần phải cân nhắc về cái hại phát

sinh từ việc ân xá... Như Kinh Thư đã nói, 'tha thứ cho một lỗi lầm, nhưng phải phạt tội cố ý.' Như vậy mới là chính sách đúng." (28)

Khi những nhà Nho ở những triều đại sau chỉ trích như vậy cái chính sách hình sự nhân đạo của nhà Lý và nhà Trần, họ tỏ ra thiếu lòng nhân, cái lòng nhân tràn đầy nơi các vua nhà Lý và nhà Trần, vì các ngài đã thấm nhuần các nguyên lý của đạo Phật. Từ nhân quan của chúng ta trong thế kỷ 21, chúng ta có thể nhận thấy rằng chính các nhà Nho mới là "nhỏ nhen", bởi vì ý niệm lòng nhân như là một yếu tố của luật pháp thì không chỉ có trong các triều đại Lý và Trần, và không chỉ bởi ảnh hưởng của đạo Phật. Tại Hoa Kỳ ngày nay, Thẩm phán Tòa án Tối cao Brennan đã cho rằng xét cho cùng, các nguyên tắc pháp luật thuần tuý phải được hướng dẫn bởi lòng nhân, bởi vì lòng nhân là mặt kia của công lý.

B. Quyền bình đẳng

Sự bình đẳng là quyền cơ bản nhất và nguyên tắc độc nhất bao trùm tất cả các cơ cấu quốc tế về nhân quyền. Bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền phát biểu tại điều 1 rằng: "Tất cả con người được sinh ra tự do và bình đẳng về phẩm giá và các quyền", và tại điều 2 rằng: "Mọi người có quyền đối với tất cả các quyền và các sự tự do nêu trong Tuyên ngôn này mà không bị bất kỳ sự phân biệt nào về chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, chính kiến, nguồn gốc sắc tộc hay xã hội, tài sản hoặc tình trạng khác."

Sự Nho giáo hóa luật pháp tại Trung Hoa và Việt Nam đã cho ra đời một số bất bình đẳng dựa trên căn bản của những chỉ tiêu đặc biệt về vị thế xã hội (hoàng tộc, quan lại, thường dân, nô tỳ), về quan hệ gia tộc (tôn trưởng, ty thuộc), về giới (chồng, vợ), về chủng tộc (dân tộc thuộc văn hoá Hán, dân tộc thuộc văn hoá ngoại nhân - vua Minh Mạng đời nhà Nguyễn hy vọng rằng các dân tộc Tây nguyên và các dân tộc thiểu số Cam bốt sẽ từ bỏ những "tập quán man rợ" của họ và theo phong tục Hán [Hán-Việt]). Phải nói rằng những bất bình đẳng này đã được làm nhẹ bớt bởi phong tục Việt Nam về quyền bình đẳng về tài sản giữa người chồng và người vợ - mà đã thể hiện trong luật pháp đời Lê - và chính sách bình đẳng đối với các dân tộc thiểu số, ít ra là trong diễn tiến pháp luật, nếu không phải là trong các quyền về chính trị và dân sự.

Tương phản với sự chuẩn nhận của Nho giáo về những bất bình đẳng, Phật giáo đối xử bình đẳng đối với tất cả mọi loài sinh vật. Mỗi con người đều có thể tự hoàn thiện mình để thành Phật và thoát khỏi vòng luân hồi khắc nghiệt của nghiệp (karma). Mỗi người phải chịu trách nhiệm đối với các sự biến xảy đến cho mình trong cuộc đời này, bởi chúng là hậu quả của những hành động trong tiền kiếp của mình. Sự bình đẳng và nhân phẩm của mọi người theo thuyết nhà Phật thì rất gần gũi với tiêu chuẩn luật pháp quốc tế về sự bình đẳng của tất cả mọi người.

Ý niệm về bình đẳng như vậy đã thể hiện tác dụng trong pháp luật đời Lý và đời Trần. Chẳng



hạn, dưới đời Lý, các gia tộc thế lực không thể áp bức dân thường. Sắc luật 1129 đã bảo vệ thường dân khỏi hành động áp bức của gia tộc thế lực thông qua nô tỳ thuộc hạ của họ; nếu nô tỳ thuộc hạ của các hoàng tử hoặc quan lại đã thương người dân thường, những tên nô tỳ thuộc hạ đó sẽ bị sung công và chủ nhân của chúng sẽ lãnh án đồ khổ sai (29). Triều đại nhà Trần có vẻ đã tuân thủ nghiêm ngặt hơn đối với

nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật, như thể tính nghiêm khắc của hình phạt đã cân bằng với sự đối xử bình đẳng đối với mọi người. Luật, trong mọi trường hợp, được áp dụng đồng đều cho mọi người, kể cả hoàng tộc, không nhân nhượng về địa vị xã hội. Năm 1264, Linh Từ Quốc Mẫu, phu nhân Thái Sư Trần Thủ Độ (nguyên là hoàng hậu vua Lý Huệ Tông), từ chối bước xuống kiệu khi ngang qua Cấm Thành Môn (một cổng thành dẫn vào các cung vua) và do đó đã bị viên đội trưởng thị vệ ngăn lại; bà ta đã than phiền với phu quân (Trần Thủ Độ) nhưng ông ta đã khen thưởng viên quan đội vì đã "tuân thủ đúng pháp luật" (30). Trong một trường hợp khác, cũng chính phu nhân này đã xin Thái Sư bỏ nhiệm đặc cách một người vào chức thừa phát lại. Thủ Độ đã bảo người này: "Vì bà công chúa đã xin cho người ân huệ được bổ nhiệm làm thừa phát lại, người không giống những thừa phát lại khác. Người phải chặt một ngón chân làm dấu hiệu phân biệt." Người này đã nản nỉ xin thôi. Sau việc này, không ai dám hỏi xin quan Thủ Độ các đặc ân (31). Một vài sự việc trong triều đại vua Minh Tông (1314 -1329) đã cho thấy những nỗ lực để giữ gìn tác phong của các hoàng hậu theo khuôn khổ pháp luật. Năm 1320, hoàng thái hậu muốn để cho mệnh phụ Huy Tư, mẹ đẻ của nhà vua đang tại vị Minh Tông, sử dụng kiệu của hoàng thái hậu để tháp tùng thái thượng hoàng Anh Tông. Thái Thượng Hoàng nói với hoàng thái hậu: "Nếu mẹ thích bà ta, mẹ có thể để bà ta sử dụng những thứ khác; về phần cái kiệu, đã có những quy định từ xưa, mẹ không thể để cho bà ta sử dụng nó được" (32). Người ta cũng phát hiện Huy Tư có vi phạm những quy định về các đồ chỉ dùng ở một trường hợp khác, khi một viên quan đã duyệt cắt giảm một số dây chèo kéo thuyền của bà ta xuống đến mức hai chiếc như được phép theo địa vị của bà; viên quan này đã được vua Minh Tông khen thưởng (33). Một bà vợ khác của thái thượng hoàng đã chiếm đất trái phép của dân; khi con gái bà ta kết hôn, vua Minh Tông đã đưa chàng rể lời khiêu nại của nạn nhân và khuyến chàng ta trả lại phần đất đó (34).

C. Tự do tư tưởng và tôn giáo.

Mặc dầu Việt Nam truyền thống không phải là một quốc gia theo một định hướng chủ thuyết (état engagé) với một ý thức hệ được xác nhận như chân lý duy nhất - chẳng hạn thuộc loại quốc gia Hồi giáo theo kiểu Iran, Việt Nam chịu ảnh hưởng Khổng giáo chính thống sâu đậm, mà lại được tăng cường bởi chủ nghĩa độc đoán của nền quân chủ nó biện minh cho quyền lực của mình theo nguyên tắc trung quân kiểu Nho giáo. Giai cấp quan lại cầm quyền dưới trướng nhà vua phải

ủng hộ hệ tư tưởng Nho giáo trong học hành, thi khảo để được cử ra làm quan, cũng như trong công việc hàng ngày của họ theo công vụ. Vì lẽ này, có thể dự đoán được rằng sẽ có những giới hạn về tự do tư tưởng. Như vậy, vấn đề tự do tư tưởng và tôn giáo tại Việt Nam truyền thống có thể đúc kết là: các quan lại Nho giáo đã dung thứ đến mức nào đối với những hệ tư tưởng hoặc tôn giáo khác, đặc biệt là hành đạo hoặc truyền đạo.

Trong các giai đoạn của đời Lý và đời Trần, khi đã có chính sách Tam giáo đồng nguyên, tức sự cùng tồn tại Khổng giáo, Phật giáo và Đạo giáo, và khi Phật giáo đã có ảnh hưởng về chính trị và tư tưởng đối với nhà cầm quyền, thì đã có một sự khoan dung đáng kể về tự do tư tưởng và tôn giáo trong các chính sách của nhà nước. Chúng ta sẽ đối chiếu thời đại này với những dữ liệu kiểm tra từ các đời Hậu Lê và đời Nguyễn, khi Nho giáo đã có sự ưu thắng hoàn toàn, cũng như một số dữ liệu từ những quốc gia và những thời kỳ khác, để phối kiểm lại điều ta tìm thấy là đạo Phật nhân từ đã thực sự nâng cao tự do tư tưởng và tôn giáo khi nó đã có ảnh hưởng đối với các triều đình nhà Lý và nhà Trần.

Phật giáo đã có một sự khoan dung vô bờ bến về tự do tư tưởng và tôn giáo. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã quán chiếu trong vũ trụ bao la này nhiều thế giới và nhiều thần linh. Ngài không bao giờ xem thường bất kỳ bậc thần linh nào được các dân tộc vào thời đại của mình tin theo. Ngài đã dạy chàng thanh niên Thiện Sinh phải tôn trọng các tôn giáo khác. Nếu có nhiều vì sao hoặc mặt trời trong vũ trụ, sự kiện đó sẽ không làm giảm tầm quan trọng – theo nghĩa ánh sáng và sức nóng cho sự sống – của vầng thái dương vốn đã gần gũi với con người trên quả đất này. Theo cùng cách suy tư này, điều Đức Phật và các đệ tử quan sát thấy trong vũ trụ này là dù có nhiều bậc thần linh, thì điều đó không phải là lý do để xem thường bất cứ tôn giáo nào khác hiện được thực hành bởi bất kỳ người nào, trong quá khứ cũng như hiện tại, bởi lẽ tôn giáo đó là “mặt trời” của người đó. Trong phạm vi của lòng khoan dung như vậy về tự do tư tưởng và tôn giáo, nhiều tông phái đã nở rộ ngay chính trong Phật giáo mà không có tranh chấp gì. Tại Ấn Độ thời xưa, các tu sĩ thuộc hai phái Tiểu Thừa và Đại Thừa cùng tu tập trong một tu viện. Phật giáo chưa bao giờ đòi hỏi một sự sùng bái tuyệt đối bất kỳ nhân vật tôn giáo nào của mình và cũng chưa bao giờ gây ra một cuộc thánh chiến như kiểu những cuộc thập tự chinh tại Châu Âu và Trung Đông. Trong quan điểm nhìn xa của Phật giáo, Chúa Jesus, với lòng bác ái của mình, có thể được xem như một vị đại Bồ tát. Tại Việt Nam, trong thế kỷ 19, những tu sĩ Thiên Chúa giáo bị khủng bố và truy đuổi bởi phong trào Nho sĩ Văn Thân, đã chạy trốn vào những chùa Phật và đã được bảo vệ bởi các nhà sư.

Ngược lại, một số tôn giáo cho rằng chỉ có họ là nắm được chân lý. Chủ nghĩa Tân-Khổng giáo đời Tống (Tống Nho), được quảng bá từ đời nhà Tống bên Trung Hoa đã thu hẹp quan điểm của nhiều Nho sĩ và làm cho họ nghĩ về các hệ tư tưởng khác như là “những chủ thuyết đi lạc đường.” Giáo sư Woodside đã mô tả sự nộ lệ về tư duy của các Nho sĩ đời Nguyễn như sau: “Bóng ma của triết gia Tân- Khổng giáo Chu Hsi, người

Trung Hoa thế kỷ 12 và những môn đệ của ông ta thì lơ lửng trên các trường thi đời nhà Nguyễn... Sự quyền biến cá nhân và tính sáng tạo đã giảm sút” (35) bởi vì học sinh thì đang học vẹt từ cùng những sách cổ và không dám đi chệch hướng từ quan niệm Tân-Khổng giáo khi làm bài thi, họ e ngại là mình sẽ thi trượt vì truyền bá những “tà thuyết”.

Sự khoan dung của nhà Phật đối với tự do tư tưởng và tôn giáo chắc chắn đã ảnh hưởng đến chính sách nhân quyền của các triều đình nhà Lý và nhà Trần trong lĩnh vực này. Tam giáo, tức Khổng giáo, Đạo giáo và Phật giáo, thì cùng quan trọng trong việc học và thi của những quan lại có học thức. Đáng chú ý hơn, những nhà cai trị theo Nho giáo đã ủng hộ Phật giáo trong việc tạo dựng tài sản, tuyển dụng nhân sự và những hoạt động tôn giáo.

Các vua đời Lý đã xây dựng và sửa chữa hàng trăm ngôi chùa Phật, nhiều trong số đó ngày nay vẫn còn tồn tại ở miền Bắc Việt Nam, như chùa Một cột (xây dựng năm 1049), chùa Quan Thánh (1102), chùa Hai Bà (thờ hai chị em Trưng trắc và Trưng nhị, hai bà đã đánh đuổi quân xâm lược nhà Hán, xây dựng năm 1160), chùa Voi Phục (11??). Quá trình xây dựng đã bắt đầu ngay khi Lý Thái Tổ lên ngôi vua và được tiếp tục suốt triều đại này. Một mình Thái hậu Linh Nhân (là Ý Lan ngày trước) đã xây dựng hơn 100 ngôi chùa. Tiền bạc và đất đai cũng như nhân công sưu dịch được cung cấp để xây dựng và bảo trì những ngôi chùa này. Hệ thống các hàng tăng phẩm của đời Đinh được tiếp tục áp dụng. Chứng chỉ tu sĩ (độ điệp) được cấp lên đến con số nhiều ngàn: chỉ riêng năm 1016, hơn một ngàn cá nhân được tuyển chọn làm tu sĩ trong kinh đô. Được miễn sưu dịch và quân dịch, các tăng sinh này được giúp đỡ về vật chất bởi dân chúng và các vua. Triều đình cũng đặt hàng, mua tài liệu, biên tập lại, và lưu trữ kinh sách trong các nhà kho và đã tổ chức nhiều lễ hội và lễ kỷ niệm về Phật giáo. Vào năm 1179 và 1195, gần cuối đời vua Lý Cao Tông, các kỳ thi về Tam giáo được tổ chức (36). Tất cả những điều này đã đóng góp thêm vào mức độ cao nhất về tự do tôn giáo và sự phát triển đối với Phật giáo trong lịch sử Việt Nam.

Về cuối đời nhà Lý đã có những dấu hiệu rằng các Nho sĩ, ngày càng không giữ được kiên nhẫn với những tự do mà triều đình dành cho Phật giáo, đã tạm thời thành công trong việc phản kích họ. Năm 1179, vua Lý Cao Tông đã hạ lệnh các tăng sinh phải được khảo hạch về kinh kệ Phật giáo. Năm 1198, viên quan Nho sĩ Đàm Dĩ Mông đã tâu nhà vua:

“Hiện nay, số lượng tăng sĩ đã gần bằng số người lao động sưu dịch. Họ kết bè kết phái, chọn lựa sư tổ, và phạm nhiều việc đơ bẩn, như là ăn thịt và uống rượu ở nơi chốn chay tịnh hoặc bí mật phạm tà dâm trong đền, chùa. Họ ẩn nấu vào ban ngày và xông ra ngoài vào ban đêm, theo cùng một kiểu như loài chuột và loài chồn cáo. Họ làm hủy hoại phong tục và suy đồi văn hoá. Nếu chúng ta không thẳng tay diệt trừ, họ sẽ trở nên ghê tởm quá mức” (37).

Nhà vua đã đồng ý với Đàm Dĩ Mông và bảo ông ta ra lệnh cho tăng sĩ trong đất nước phải quy tập vào các chùa. Khoảng mười nhà sư danh tiếng được cho phép ở lại một chùa, số còn lại

buộc phải chịu xâm lên người và phải hoàn tục (38).

Tuy nhiên, bất chấp sự công kích này của các Nho sĩ, ảnh hưởng của Phật giáo vẫn không giảm sút. Vua Lý Cao Tông và vua kế vị ông ta là Lý Huệ Tông vẫn sùng Phật và đã vào chùa sau khi về hưu. Đạo Phật vẫn phổ biến trong dân gian đến nỗi mà sau đó, dưới đời Trần, Nho sĩ Lê Quát, một người có học vị tiến sĩ, đã có lời than phiền ghi vào một tấm bia dựng trong chùa Thiệu Phúc thời ấy: "Các chùa Phật thì hiện hữu trong mọi làng mạc nhưng chẳng tìm thấy nơi nào thờ Khổng Tử" (39).

Như đã trình bày ở trên, Phật giáo với tư cách là một tôn giáo vẫn tạo được một ảnh hưởng tinh thần lớn lao đối với các nhà cai trị đời Trần. Hơn thế nữa, nhà Trần vẫn tiếp tục các khoa thi về Tam giáo mà đã bắt đầu dưới đời nhà Lý (40). Vua Trần Thái Tông đã viết luận án *Thiền Tông Chỉ Nam* và *Khóa Hư Lục* (nói về hư vô) trong đó ngài đã đề cao Phật giáo, Khổng giáo và Đạo giáo đối với mỗi đề tài bàn luận (41). Vì chủ trương tổng hợp này, đạo Phật đã được ủng hộ tích cực bởi triều đình nhà Trần, cũng nhiều như dưới đời nhà Lý, trong cả sự hỗ trợ vật chất cũng như sự thực hành về tự do tôn giáo. Năm 1231, vua Thái Tông hạ lệnh cho dân chúng đặt tượng Phật tại mọi công sở và nơi hội họp (42). Năm 1248, ngài mới sư Trúc Lâm xét duyệt các kinh Phật trước khi cho in (43). Những chùa Phật mới đã được xây dựng và các trường Phật học đã được mở ra trong triều đại vua Trần Thánh Tông (44). Sau khi vua Nhân Tông về hưu và xuất gia đầu Phật, ngài đã trở thành chủ môn của Phật phái Trúc Lâm, du hành thuyết pháp khắp nơi trong nước, và đã thu hút được nhiều môn đệ. Trong đời vua Anh Tông, kinh sách Phật đã được mang về từ Trung Hoa bởi sư giả Trần Khắc Dụng, các kinh này đã được in ra và phát hành trong dân chúng (45).

Tuy nhiên, quan lại Nho sĩ không bao giờ chịu ngưng lại các nỗ lực hạ bệ Phật giáo. Chẳng hạn Trương Hán Siêu đã viết bài văn sau đây lên một bia trong một chùa Phật ở Tỉnh Bắc giang: "Ngôi chùa đồ đá đã được tái tạo, nhưng điều đó không phải là do sự đề xướng của tôi. Với tư cách là một quan Nho, tôi sẽ không nói về bất kỳ điều gì ngoài Nghiêu và Thuấn. Tôi sẽ không viết về bất kỳ điều gì ngoài Khổng học. Và tuy vậy tôi phải bàn về đạo Phật. Liệu tôi có lừa được ai không?" (46).

Về cuối đời nhà Trần, trong giai đoạn 1358 – 1369, trong đời vua Dụ Tông (1341 –69), các nhà Nho đã có một dịp củng cố vị thế của mình một cách ngăn ngừa bằng việc tâu trình lại bản đề nghị đã một lần bị bác bởi vua Minh Tông (1314 –29) và thế là luật Tông và các chế định nhà Tông đã được triều đình áp dụng quy mô. Họ thành công trong một thời gian. Mặc dù vua Nghệ Tông (1370 –72) sau đó đã huỷ bỏ những thay đổi này mà vốn đã được đề nghị bởi các "bạch diện thư sinh" và đã quay trở lại hệ thống luật và các chế định Việt Nam trước đó, cội sức đẩy căn bản của chủ nghĩa tân-Nho giáo vẫn dai dẳng và ảnh hưởng đến sự phát triển về sau, ảnh hưởng đến tự do tín ngưỡng của tất cả các tôn giáo khác, kể cả Phật giáo. Năm 1381, vua Trần Phế Đế ban sắc lệnh quy định rằng tăng sĩ Phật giáo được động viên vào lực lượng viễn chinh để đi chiến đấu trong chiến dịch chống lại Vương quốc Chăm. Năm

1396, vua Trần Thuận Tông đã ban hành một sắc lệnh quy định hoàn tục một số tu sĩ Phật giáo và Đạo giáo chưa đủ năm mươi tuổi (47). Chính sách này đã được khởi sự thực hiện bởi nhà Nho kiên quyết Hồ Quý Li, cố vấn toàn quyền của triều đình thời đó. Biện pháp này, được tiếp tục dưới đời Hậu Lê, đã đánh dấu sự bắt đầu suy giảm về tự do tôn giáo song hành với sự ưu thắng của Nho giáo.

(còn tiếp)

PHẦN CHÚ THÍCH

24. TT, I: 229 –230.
25. HLC, 522; TT, I: 263.
26. TT, I: 242.
27. TT, II: 145.
28. TT, I: 264 –265.
29. TT, I: 266.
30. TT, II: 33 –34.
31. TT, II: 34.
32. TT, II: 109.
33. Như trên.
34. TT, II: 106.
35. *Vietnam and The Chinese Model* (Việt Nam và Mô hình Trung Quốc), Ban xuất bản Đại học Harvard, 1967, 207, 208, 215.
36. Hoàng Xuân Hãn, 309 –402.
37. Như trên, 402.
38. Như trên.
39. Như trên.
40. Đào Duy Anh, 255.
41. Đào Duy Anh, 235, 236; TT, II: 20; Thích Nhất Hạnh, *Vietnam: Lotus in the Sea of Fire* (Việt Nam: Hoa sen trong biển lửa), 1967, các trang 8 –10.
42. TT, II: 11, Thích Mật Thể, *Việt Nam Phật Giáo Sử Lược*, 1960, trang 145.
43. Nguyễn Lang, 228.
44. Thích Mật Thể, 149 –150.
45. Thích Mật Thể, 151, 162.
46. TT, II: 141.
47. TT, II: 176, 198.
48. Quốc Triều Hình Luật hoặc Bộ luật đời Lê. Bản dịch và chú giải của Nguyễn Ngọc Huy và Tạ Văn Tài có tựa đề *The Le Code* (LC), Ban xuất bản Đại học Ohio, 1987, điều 288. Hoàng Việt Luật Lệ hoặc *The Nguyen Dynasty Code* (NC), bản dịch của Philastre có tựa đề *Le Code Annamite*, 1909, điều 75; TT, III: 227.
49. TT, III: 70.
50. Philastre, *Le Code Annamite*, Tập I, điều 336.
51. *Journal of an Embassy to the Courts of Siam and Cochichina* (Nhật Ký của một Phái Bộ Ngoại Giao đến các Triều đình Xiêm la và Đông Dương (Cochinchina), 1928, trang 499.
52. LC, 289; NC, 75.
53. LC, 215.
54. LC, 388,400; NC, 87.
55. LC, 600.
56. NC, 144. Điều khoản này đề cập đến những nhà sư và đạo sĩ phạm các tội này.
57. Alexandre de Rhodes, *Histoire du Royaume du Tunquin* (Lịch sử Vương Quốc Tunquin), Lyon, 1651, các trang 147 –148.
58. Phan Phát Huồn, *Việt Nam Giáo Sử*, Saigon, 1965, I: 85.
59. Như trên, I: 222-223

MÓN BÍ ĐAO NƯỚNG NGŨ VỊ CHAY

Đây là món ăn thanh đạm, giòn và mát, ăn kèm ớt sừng và chấm cùng nước tương rất ngon, nếu đã chán thịt cá, thì đây là món ăn rất đáng để thử nghiệm đấy.

Nguyên liệu:

- Bí đao: 1 quả
- Ngũ vị hương: 1 gói
- Nước tương, tương ớt, đường, hạt tiêu
- Hành tím, hành lá, ớt sừng

Cách làm:

Bước 1: Bí đao gọt vỏ, cắt khoanh tròn dày từ 2-3 cm.



Bước 2: Pha một hỗn hợp nước gồm: 1/3 bát con nước + 2 thìa cơm nước tương + 1 thìa cơm ngũ vị hương + 1 thìa cà phê hạt tiêu + 1 thìa cơm đường + 1 thìa cơm tương ớt. Khuấy đều.

Bước 3: Cho bí đao vào hỗn hợp vừa pha trên ướp khoảng 20 phút cho ngấm gia vị.



Bước 4: Các bạn có thể nướng bằng lò nướng hoặc nồi nướng. Nếu nướng bằng nồi nướng các bạn xếp bí đao vào vỉ nướng, quét một lớp

dầu ăn lên mặt miếng bí rồi nướng trong khoảng nhiệt độ 250 độ C trong vòng 20 phút. Khi thấy bí đao chín xém mặt là được.



Bước 5: Hành lá rửa sạch cắt nhỏ, hành tím bóc vỏ rửa sạch thái khoanh mỏng. Cho chảo lên bếp cho vào một chút dầu ăn, phi thơm hành lá + hành tím.

Bước 6: Cho bí đao vừa nướng ra đĩa, cho thêm hành vừa phi lên trên, để bớt nóng và thưởng thức cùng ớt sừng thái lát!



Chủ bếp **Bích Việt**

Truyện cực ngắn

STEVEN N.

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT



HÒA THƯỢNG CUA

Chú bé mang giỏ cáy ra bờ ruộng và thì thầm:
- Mẹ bảo già chúng mày để nấu canh, ta thương chúng mày khóc sùi cả bọt nên không nấu, chúng mày hãy đi cả đi!

Người mẹ đi làm về biết chuyện như thế nên giận vác gậy đánh. Chú bé bỏ chạy. Hoàn cảnh đẩy đưa hai mẹ con xa nhau từ đấy. Mãi ba mươi năm sau chú bé mới về lại làng và giờ đã là một vị hòa thượng. Ngài nhận biết bà lão bán chè với đầu làng là mẹ nhưng ngài giấu kín thân phận, chỉ rước mẹ về ở chùa để phụng dưỡng. Tương truyền khi thiền sư Thông Giác khảo thì ngài đã đáp:

- Khi cần có thì đủ muôn duyên, khi không cần thì tất cả đều không, không có một mà chẳng hai, ánh mặt trời lên cao.

Nhờ thế mà được ban pháp danh Tông Diễn và nối pháp làm đệ nhị tổ Tào Động của Đại Việt.

Đời Vĩnh Trị, Hy Tông hạ chỉ biếm sư sãi ra khỏi kinh thành, tăng tục hoang mang cực độ. Ngài dẫn thân về kinh và dùng tài biện thuyết khiến vua phải phục thiện và bãi bỏ việc biếm sư sãi kia. Bấy giờ thiên hạ mới biết ngài là ai và dân gian triu mến gọi ngài là "hòa thượng cua".

Sâu vào đời mạt pháp sau này, vùng trời phương ngoại có kẻ hậu sanh cung kính viếng ngài:

**TÔNG MÔN PHÁP PHÁI THIÊN TỊNH DUNG
THÔNG GIÁC NGỘ ĐỜI TỬ BI CỨU VẬT
DIỄN GIẢ TÔNG LÂM BẮC NAM HÒA HỢP
HIẾU ĐỀ TINH CHUYÊN HUỆ GIẢI NẠN VUA.**



CỐI NÀO

Phật tử hai phái đôi khi có sự cười cợt và khích bác lẫn nhau, tuy rằng ai cũng biết phận mình là Phật tử thì nên hòa hợp; nói là một chuyện nhưng làm thì không được vậy, nhân tâm bất đồng, tri kiến bất hòa... Người tu thiền thì cười:

- Bây giờ và ở đây, chuyện vãng sanh mơ hồ, về Tây Phương Cực Lạc thì an nhàn mỗi tấm thân mình, Sa Bà còn bao nhiêu người khổ nạn mà bỏ đi sao đành?

Người tu Tịnh Độ phản bác:

- Sa Bà ngũ trước, khó tu để thối lui, chi bằng về Cực Lạc trước cho chắc ăn rồi hằng tái nhập Sa Bà sau vậy!

Hai bên đều viện dẫn kinh sách, điển tịch, lý luận... để chứng minh mình đúng kẻ kia sai, chẳng ai chịu ai. Khách đi chùa nghe thấy sanh ngứa ý động tâm, tuy nhiên kịp kiềm chế để không sa vào tranh luận vô bổ. Anh ta viết lên tấm bảng dùng để thông báo hàng ngày như sau:

**SA BÀ TAM ĐỒ THỔ UẾ THÂN GIẢ HỢP VỌNG
TÂM VỌNG CẢNH NHÂN VẬT THỌ NGHIỆP BẤT
NGOẠI NHẤT NIỆM**

**TỊNH ĐỘ CỨU PHẨM TẾ KIM LIÊN HÓA SANH
CHƠN LẠC CHƠN THƯỜNG THÁNH PHẠM ĐỒNG
CƯ VẠN PHÁP DUY TÂM.**

LÔI CHƯỜNG

Chú Ba sắm được tivi và đầu video, tối nào cũng mở phim kiếm hiệp xem, cả xóm đến coi ké. Ai ai cũng thích thú say mê quên cả giờ giấc, chợt có người cười:

- Mấy anh Ba Tàu xạo sự, bàn tay phát chưởng có sấm sét lửa điện thật kinh khủng!

Chú Ba cũng cười, góp lời:

- Ba Tàu xạo nhưng mấy ông kỹ sư Tây thì tài kinh thật đấy! Mấy ông bắt được lôi chưởng.

Người coi phim thắc mắc:

- Lôi chưởng là xạo sao bắt được?

Bấy giờ chú Ba cười sáng khoái:

- Mấy ông kỹ sư Tây còn vớt được điện trong nước, tóm điện trong gió, vắt điện trong than đá, hút điện trong ánh nắng... Bởi vậy mà ta mới có máy móc và điện để coi phim chưởng đây nè!

Người trong xóm cười rần rật, công nhận chú Ba nói đúng. Họ ồ lên:

- Tài thật hén!

CÔN ĐỒ MẠNG

Buổi gặp mặt hai thế hệ được tổ chức rình rang, người trong ngoài gặp nhau mừng mừng tủi tủi nói chuyện cũ bàn chuyện mới... Chợt chú Tư cảm thán:

- Giờ đây thế giới gọi cư dân NET người Việt là lũ côn đồ mạng, bởi vì toàn là chữ bởi thô tục, lằng nhục, chụp mũ... cứ như chó điên sủa bậy cắn càn, nhất là khi đụng đến cái xấu của xã hội và chính sự.

Bác Năm góp lời:

- Thuở trước người mình hiền hòa, nhã nhặn, cư xử rất văn hóa chứ đâu có vậy; sự thể như thế là do dân mình giờ bị nhiễm cái văn hóa "Cơm mắng, bún chửi, cháo quát" và cái văn hóa "Đ...t mẹ" của người anh em ngoài kia mang vào.

Có một vị trung niên, ăn vận bảnh bao ra về trí thức nói:

- Cái lối sống kim tiền coi trọng vật chất, cộng với giới truyền thông và hài kịch nhằm toàn giá gái nhái giọng, chữ chất chúa... đã làm cho người bị tiêm nhiễm một cách vô ý thức nên mới sanh ra vậy.

Những người ngồi chung bàn cười và cảnh báo:

- Mấy anh dám nói điều này ra không chừng ngày mai trên trang cá nhân của các anh sẽ tràn ngập những lời chửi rủa với ngôn từ bẩn thỉu của bọn côn đồ mạng.

Vị kia nghe xong chẳng ngán mà còn cao hứng mần thơ

*Hoa đẹp hương thơm phải bón chằm
Tôn nhiều công sức với tháng năm
Phá hủy chỉ cần trong một buổi
Tiếc nuôi càng thêm tủi lại cằm.*

GẤU ĐỎ

Y vốn là trùm mật vụ, thời buổi nhiễu nhương được đưa lên làm quốc chủ. Thế rồi y bảm chẳng chịu rời, thật đúng truyền thống nhà sản: Độc tài, tàn bạo, tham quyền cố vị và hoang tưởng.

Y mơ lập lại đế quốc như các tiền bối bèn xua quân sang tấn công láng giềng, tuy nhiên miệng lằn lưỡi rần lại dùng xảo ngôn nguy hiểm:

- Chiến dịch quần sự đặc biệt để diệt xu hướng phát xít.

Thiên hạ ngỡ quân của y sẽ nuốt người ta trong một buổi, nào ngờ bị sa lầy một cách thảm hại, bấy giờ cái hư danh về hồng quần của y bị sụp đổ tan tành. Nhiều nước thở phào:

- Những tướng mạnh, ai dè bạc nhược đến thế! Khí tài thì lạc hậu, duy sự độc ác và tham thì có thừa.

Lính của y giết người, tàn phá, cướp bóc của cải như lục lâm thảo khấu. Nhiều ký giả phát đi thông điệp:

- Cáo gian người ta là phát xít, giờ thì hóa ra ké cáo gian mới là phát xít.

Dần mạng rần rần chia sẻ lời kẻ vô danh nào đó viết:

**PUTIN HIỂU CHIẾN THAM LAM ÍCH KỶ TẤN
CÔNG XÂM LƯỢC THẾ GIỚI PHẢN ĐỐI NHỤC NHẢ
CHO BẠO CHÚA**

**ZELENSKY CẠN TRƯỜNG YÊU NƯỚC VÌ DÂN
KHÁNG CỰ BẢO TỒN LOẠI NGƯỜI ĐỒNG TÍNH
VINH QUANG THAY ANH HÙNG.**



NGÓN TAY CHỢT BUỒN

*Chỉ là giọt nước mưa trong
lăn theo hạt bụi nghênh ngang vai mềm
nhìn nhau trắng võ bên thêm
soi lên tóc rối đan thêm nỗi buồn
cũ xưa khơi lại mạch nguồn
thoáng trong thiên cổ mấy luồng từ tâm
đòi chuông đất âm thì thâm
nghe như trong gió vọng âm kinh chiều
vuốt ve một chút mỹ miều
cũng là thơ rụng mấy điều trần ai
ghi thêm nét sắc hình hài
vẽ lên câu chữ ngón tay chợt buồn...*

thơ **THY AN**

ĐỐI THOẠI

Sau trận đánh nhau chí tử, người em bỏ xứ ra đi, qua thời gian chí thú làm ăn nên cũng trở nên giàu có. Người anh bèn hơi đồng bèn chiêu dụ:

- Chuyện cũ gác lại, hướng tới tương lai, anh em hòa hợp, đối thoại cảm thông

Người em cũng mỉm lòng, khăn gói về và còn góp ý:

- Anh phải dẹp nạn vòi vĩnh từ bọn gác cổng, người chấp pháp và phải cho sách báo của em được mang về đây nhé!

Người nhà của người anh lập tức phản ứng:

- Cấm ngặt những hành vi và lời nói gây bất ổn của bọn thù địch, có về ăn chơi thì mang tiền thôi nhé! Nhà chúng tôi có thừa văn hóa rồi.

Người em vẫn cố nài nỉ thêm một số điều nữa nhưng chẳng ăn thua gì, bèn cất lời than:

- Văn hóa, âm nhạc của anh tràn ngập nhà em, còn sản phẩm của em thì không một mống nào lọt được vào nhà anh, vậy thì sao hợp với hòa?

Người anh cười nhăn nhó:

- Chú em đừng so đo, phải bỏ tiểu tiết để lấy đại cục, mình cứ tiếp tục đối thoại nhé!

Thiên hạ cười mỉa:

*Đội đã từ lâu có thoại chi
Bốn tường soạn lại vẫn nguyên xi
Bao năm cứ thế dường như bị
Chỉ lũ tham mỗi bị dính câu!*

Steven N
Georgia, 05/22

TÌM HIỂU KHÁI QUÁT VỀ "A-LẠI-DA THỨC"

Thích Nữ Hằng Như

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

I. DẪN NHẬP

Một người được ghi nhận là bình thường, khi người đó có đầy đủ các căn và tinh thần lành mạnh. Thể xác là phần vật chất chúng ta có thể trông thấy và sờ mó được, nhưng tinh thần là phần vô hình không ai thấy nó được. Tuy vô hình, nhưng nếu không có nó thì con người sống cũng bằng như chết. Phần tinh thần đó là tâm, là cái biết của con người, trong kinh gọi là "thức".

Theo truyền thống Phật Giáo Nguyên Thủy thì hệ thống tâm lý của con người có sáu thức. Khi giác quan thuộc phần thân thể là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý tiếp xúc với đối tượng bên ngoài là sắc, thính, hương, vị, xúc, pháp thì có sáu cái biết, đó là Nhân thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức và Ý thức.

Khi Phật Giáo Đại Thừa xuất hiện, ngoài sáu thức trên người ta thấy có thêm thức thứ Bảy là Mạt-Na và thức thứ Tám là A-Lại-Da. Các nhà nghiên cứu Phật học cho rằng A-Lại-Da thức là một khái niệm quan trọng của Duy Thức tông. Trước khi tìm hiểu A-Lại-Da thức có công năng như thế nào đối với đời sống của con người, chúng ta cùng lướt qua vài nét về Duy Thức để xem từ đâu mà có khái niệm A-Lại-Da thức này.

II. VÀI NÉT VỀ DUY THỨC TÔNG

Duy Thức Tông là một trường phái Phật Giáo Đại Thừa. Phái này có nhiều tên gọi, nhưng phổ thông nhất là Duy Thức và Du Già Hành.

- Gọi là **Duy Thức**, vì trên phương diện lý thuyết, trường phái này chủ trương tất cả những gì chúng ta nhận thức trong tâm chỉ là "hình tượng" của thế giới bên ngoài, được phản chiếu lên tâm của chúng ta do **thức biến hiện**.

Ngoài sáu loại thức quen thuộc mà Phật Giáo Nguyên Thủy nói đến, Duy Thức phái đề xướng thêm hai loại thức vi tế hơn tạo thành "hệ thống tám thức". Trong đó năm thức đầu phát xuất từ năm căn, là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân là Nhân thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức được xếp là "tiền ngũ thức".

Ý thức là thức thứ Sáu. Đối tượng của Ý thức là các pháp bao gồm tất cả mọi hiện tượng thế gian, kể cả những gì xảy ra trong tâm thức của chúng sanh. Thức thứ Bảy là Mạt-Na. Mạt-Na là căn cứ phát sanh Ý thức, nên còn gọi là Ý Căn. Và sau cùng thức thứ Tám là thức căn bản hay nền tảng vì nó chứa tất cả bảy thức trên gọi là A-Lại-Da thức (Ālaya vijñāna).

- Trên phương diện pháp hành, trường phái này có tên khác là **Du Già Hành** (Yogācāra) theo nghĩa chiết tự, "ācāra" là sự thực hành, sự thực tập, "yoga" là du-già. Du Già Hành đặt trọng tâm ở sự "thực hành thiền" với mục tiêu đạt được sự giải thoát tối hậu.

Theo Phật sử, hai anh em tôn giả Vô Trước và

Thế Thân được xem là đồng khai sáng tông Duy Thức. Tuy nhiên xét về mặt tư tưởng thì những khái niệm liên hệ đến nền tảng của tám thức, lý duyên khởi, si mê vọng chấp, giác ngộ hay duy thức... thực sự đã được lưu hành trong các bản kinh "Giải Thâm Mật và Lăng Già" từ khoảng một trăm năm về trước. Hai vị Vô Trước và Thế Thân đã có công nghiên cứu, khai triển và hệ thống các khái niệm này thành những tác phẩm giá trị và lấy đó làm nền tảng cho trường phái Duy Thức sau này.

III. TÌM HIỂU KHÁI QUÁT VỀ "A-LẠI-DA THỨC"

"A-Lại-Da" âm từ tiếng Phạn "Ālaya", có nghĩa là "cái kho chứa", danh từ Hán-Việt là "Tàng". Gọi là "Tàng" vì A-Lại-Da thức chứa tất cả những hành vi, ý nghĩ do chúng sanh gây ra từ thân, miệng, ý. Nó là một cái kho vô hình khổng lồ, dung chứa tất cả những tác động thiện ác, vui buồn, hữu lậu hay vô lậu từ nhiều đời nhiều kiếp của chúng sanh, gọi chung là chủng tử. Các chủng tử cùng loại, cùng tính cách trong A-Lại-Da thức sẽ tự thu hút nhau thành từng nhóm như: chủng tử tham lam trộm cắp gom lại thành một nhóm, chủng tử ghen ghét, bất mãn, sân hận quy tụ lại thành một nhóm v.v... Tuy sắp xếp lại thành từng nhóm, nhưng chúng không hề nằm yên mà tác dụng lẫn nhau sanh ra những hành động tạo chủng tử mới. Thí dụ như các chủng tử vọng ngữ "nói xấu hay hung dữ" tác động lẫn nhau khiến cho chúng sanh ngày càng hay "nói xấu" người khác nhiều hơn, đó gọi là "chủng tử sinh chủng tử" (tương sinh)...

Nếu như một người lỡ "lấy nhầm" tiền bạc hay vật dụng của người khác, nhưng lại thường hay có hành động "bổ thí giúp đỡ" người hoạn nạn nhiều hơn tiền bạc đã lỡ cầm nhầm, thì "các chủng tử bổ thí" sẽ hóa giải phần nào chủng tử "ăn cắp" làm cho chủng tử này yếu dần đi (tương diệt).

Như vậy các chủng tử tuy ở dạng tiềm ẩn nhưng chúng có tính cách tương duyên, tương sinh, tương diệt. Những chủng tử này chính là lậu hoặc còn gọi là nghiệp. Khi nó đủ mạnh, tức chín muồi chúng sẽ hiện hành thành sự kiện xảy ra trong thực tế. Đó là lúc "Nghiệp trở ra trong thực tế".

Do đó, chúng ta có thể hiểu Nghiệp có hai loại: "Bất định nghiệp và định nghiệp". Bất định nghiệp là các chủng tử còn tiềm ẩn, có thể chuyển hóa được bằng cách tu tập. Còn định nghiệp không thể thay đổi vì chủng nghiệp đã chín muồi, đủ điều kiện, đến lúc phải hiện hành, cho nên A-Lại-Da thức cũng có tên khác là "**Dị thực thức**". Dị là khác biệt, thực là chín muồi. Dị thực có ba ý nghĩa:

1) **Dị thời nhi thực**: Chủng tử nghiệp

không hiện hành liền mà phải trải qua một thời gian chúng tử nghiệp chín muồi mới trở quả.

2) Di loại nhi thực: Khi nghiệp chín muồi, lúc hiện hành thì chuyển sang loại khác. Thí dụ như chúng tử ăn cắp tiền bạc của cải người khác, khi chín muồi sẽ trở nghiệp. Khi nghiệp trở thì người này cũng bị thất thoát tiền bạc, của cải, nhưng không phải do người bị cắp trước kia lấy lại, mà do chính mình làm ăn thất bại, tiền bạc nhà cửa tiêu tan, hay do con cái tiêu xài phá của v.v... Đó là quả trở khác loại (di loại) khi nghiệp chín muồi.

3) Biến di nhi thực: Nghiệp đủ điều kiện hiện hành nhưng biến đổi. Thí dụ như mình vô ý hay cố tình giết hại chim muông, gà, vịt, côn trùng, kiến, gián... Khi nghiệp trở không phải những con vật bị mình giết quay lại giết hại mình, mà khi quả báo trở, thân mang nhiều bệnh tật, trị hoài không hết, người ta nói đó là “*bệnh nghiệp*”.

Tóm lại, A-Lại-Da thức là một dòng tâm thức biến đổi không ngừng. Tất cả những hành vi, lời nói, vọng tưởng sanh khởi trong A-Lại-Da thức sẽ kéo theo nhiều vi tế Tướng cùng phát sanh. Các pháp này luôn luôn ở trong hai trạng thái hoặc là **hiện hành** tức thể giới hiện tượng, hoặc là trạng thái **tiềm ẩn gọi là chúng tử** hay hạt giống, hạt mầm. Những hạt giống tốt xấu này liên tục tương sanh, tương diệt cho đến khi đầy đủ nhân duyên sẽ “*trở quả*” tác động vào đời sống của chúng sanh gọi là hiện hành.

Tùy theo hạt giống nghiệp lực thiện nhiều, hay ác nhiều trong A-Lại-Da thức của mỗi chúng sanh, mà sau khi thân hoại mạng chung sẽ thọ sanh vào cảnh giới tương ứng trong sáu cõi. Khi con người chấm dứt mạng sống, sáu tâm vương đầu sẽ ngưng hoạt động nghĩa là chết trước. Tâm vương thứ Tám là A-Lại-Da thức sẽ thoát ra khỏi thân xác người chết sau cùng. Mạt-Na thức là thức thứ Bảy luôn xem các chúng tử trong A-Lại-Da thức như là của chính mình. Vì đặc tính chấp ngã này, nên nó bám theo A-Lại-Da thức đi tái sanh cùng một lúc.

Vì khái niệm A-Lại-Da thức và Mạt-Na thức xuất ra khỏi thân người chết sau cùng, nên nhiều gia đình có người thân qua đời thường được khuyên không nên đụng chạm vào thân thể làm phiền người chết trong thời gian mới lâm chung, vì sợ rằng A-Lại-Da thức và Mạt-Na thức vẫn còn, có nghĩa là người này chưa hoàn toàn chết.

IV. CÔNG NĂNG CỦA A-LẠI-DA THỨC

1. Năng tàng (Kho chứa): A-Lại-Da thức có công năng chứa đựng, duy trì và bảo tồn tất cả những gì được chứa trong nó, bất kể pháp “*hữu lậu*” bao gồm các pháp tạp nhiễm tốt có, xấu có, lành có, ác có... do chúng sanh đã làm, có kinh nghiệm, có nhận thức về những hành vi, những suy nghĩ, hay các pháp “*vô lậu*” là các pháp thanh tịnh thuộc về thánh hiền.



Nhờ có khả năng này mà các pháp đã lập không bao giờ bị tiêu mất, nó vẫn luôn tồn tại trong trạng thái chúng tử, hoặc ở trong trạng thái hiện hành. Nhìn chung, thì A-Lại-Da thức chính là bản thân của Nghiệp. Nghiệp là do chúng sanh tạo ra qua thân, khẩu, ý. Nghiệp được phân loại, cất giữ trong A-Lại-Da thức không bao giờ mất, nó luôn tồn tại và chờ điều kiện thuận tiện sẽ hiện hành thành quả báo. Quả báo như thế nào là do giá trị nặng nhẹ thiện ác của con người gây ra.

2. Sở tàng (đối tượng của năng tàng): A-Lại-Da thức không phải chỉ là kho tàng chứa các hạt giống gọi là Năng tàng như trên, mà nó

cũng chính là những hạt giống chứa trong Tàng thức gọi là Sở tàng. Cho nên Tàng thức ở đây vừa là chủ thể, là kho chứa, vừa là những hạt giống chứa trong kho. Công năng của chủ thể hay đối tượng luôn linh động biến chuyển. Các chúng tử trong Tàng thức khi chín muồi sẽ trở thành sự kiện hiện hành. Các hiện hành (nghiệp trở) này, sanh ra những tư tưởng, hành động mới. Các tín hiệu mới rơi trở lại vào Tàng thức thành chúng tử mới. Sự hoạt động này hoàn toàn trong vô thức, ý thức của chúng ta không can thiệp được.

3. Ngã ái chấp tàng: A-Lại-Da thức là cái nội, là nơi phát sanh ra Mạt-Na thức, là ông chủ của Mạt-Na, nhưng Mạt-Na lại nắm lấy ông chủ, xem hiện thân ông chủ và toàn bộ các chúng tử trong A-Lại-Da thức chính là nó, của nó, thuộc về nó, nên nó yêu thương và bảo vệ. Do vậy mà Tàng thức trở thành đối tượng chấp ngã của thức Mạt-Na. Vì sự liên hệ này nên Tàng thức bị gọi là “*ngã ái chấp tàng*”.

4. Công năng biến hiện: Biến hiện là công năng quan trọng của A-Lại-Da thức. Đó là khả năng làm biến chuyển các chúng tử của các pháp, làm cho chúng chín muồi, chờ có điều kiện thuận tiện là phát hiện thành hiện tượng (hiện hành). Trong thời gian này các chúng tử ở trong trạng thái tiềm ẩn, vẫn không ngừng chuyển biến theo định luật nghiệp báo. Nếu chúng được tiếp tục nuôi dưỡng, phát triển bằng cách gia tăng thêm các chúng tử mới cùng loại, thì khi đủ sức mạnh tức đủ duyên các chúng tử tiềm ẩn này sẽ hiện hành. Nếu các chúng tử này không được nuôi dưỡng thì sẽ bị yếu đi khó hiện hành, hoặc có thể bị đồng hóa bởi các chúng tử khác mạnh hơn, để cuối cùng bị tiêu mất không còn hiện hành nữa.

Bàn về con người, thì sự sinh diệt của một đời người chỉ là sự thay đổi trong quá trình biến chuyển của cả dòng sống. Khi con người chết đi, những “*chúng nghiệp*” dung chứa trong A-Lại-Da thức vẫn tương tục biến chuyển, và từ trong dạng tiềm ẩn chúng sẽ hiện thành một sinh mạng mới, trong một môi trường sống mới, tùy theo bản chất và giá trị của tổng thể nghiệp lực. Về phương diện này A-Lại-Da thức được xem là thức tái sinh, nó mang theo tất cả hạt giống nghiệp và tạo nên mỗi

liên kết giữa đời sống này với đời sống kế tiếp.

Lưu ý một điểm quan trọng là theo học thuyết "Nhân quả nghiệp báo", con người sau khi chết không phải là chấm dứt mà tái sinh vào một trong sáu cõi tùy theo nghiệp lực của mỗi chúng sanh đã tạo ra. Về vấn đề này chỉ có bậc giác ngộ đắc "Thiền nhân minh" như Đức Phật Thích Ca mới có thể nhìn thấy xuyên thấu chúng sanh tái sinh vào cõi nào sau khi chết, chứ phàm nhân như chúng ta thì không thể nào biết rõ được.

5) Vô thi vô chung: A-Lại-Da thức đã có trước khi chúng sanh ra đời. Khi chúng sanh đó chết rồi nó vẫn không biến mất. Và cứ như thế A-Lại-Da thức của mỗi con người có mặt từ đời này sang đời khác. Trải qua trăm ngàn muôn kiếp đời sống cá nhân đó vẫn tiếp nối, nhưng chưa ai xác định A-Lại-Da thức xuất hiện vào lúc nào, và chấm dứt khi nào trên dòng sống của con người, nên nói A-Lại-Da thức không những "vô thi" mà cũng "vô chung".

V. BẠCH TỊNH THỨC

Trong đời sống hằng ngày, nếu chúng sanh biết tu tập thì dần dần sở tàng của A-Lại-Da thức sẽ toàn là những chủng tử thiện lành, nghĩa là tiền ngũ thức (năm giác quan) thường xuyên tiếp xúc với chân lý Phật dạy. Việc học hỏi Pháp và thực hành Pháp sẽ tác động vào A-Lại-Da thức hiện hành ra những ngôn ngữ và hành động thanh tịnh trang nghiêm. Các hiện hành này được huân tập trở vào A-Lại-Da thức thành ra các chủng tử trí huệ.

Nếu chúng sanh trì công tu tập nghĩa là tiếp tục huân tập các chủng tử vô lậu thanh tịnh tràn ngập vào Tàng thức, cô lập các chủng tử hữu lậu nhiễm ô phiền não, nghiệp báo luân hồi, khiến chúng không còn nữa, thì bấy giờ A-Lại-Da thức xem như hoàn toàn trong sạch gọi là "**Vô Cấu thức**" còn có tên là "**Bạch Tịnh thức**" hay Thanh Tịnh thức, Chân Như thức, Như Lai thức v.v...

Khi chúng sanh đạt quả vị A-La-Hán thì các chủng tử hữu lậu bị hủy diệt, nhưng thật ra vẫn còn chủng tử vi tế nằm tiềm ẩn trong thức thứ Tám này. Chỉ khi nào các vị A-La-Hán tiếp tục tiến tu pháp tối thắng "Vô Phân Biệt Trí" đạt tới quả Phật thì thức A-Lại-Da chuyển hóa thành thức cực kỳ thanh tịnh gọi là "**Đại Viên Cảnh Trí**".

VI. KẾT LUẬN

Bài viết này chỉ nhằm đáp ứng nhu cầu giải tỏa thắc mắc của một số Phật tử, thiền sinh hữu duyên muốn hiểu biết khái quát về A-Lại-Da thức. Người soạn bài này không chủ ý đi sâu vào việc nghiên cứu chi tiết về học thuyết "Duy Thức", và vì vậy xin tạm ngưng phần chia sẻ để đi đến kết luận như sau.

Qua phần "Tìm Hiểu Khái Quát Về A-Lại-Da Thức" trên, chúng ta có thể hiểu A-Lại-Da thức chính là thức sanh ra "*tâm sinh diệt*" là Vọng tâm, và cũng chính A-Lại-Da thức này hiển lộ tâm thanh tịnh là Chân tâm. Cả hai mặt nhiễm và tịnh luôn tiềm ẩn trong tâm của chúng sanh. Nếu chúng sanh biết cách tu tập, sống trong chánh niệm tỉnh giác, thì sẽ có cuộc sống an lạc. Ngược lại, nếu chúng sanh mãi chìm đắm trong khát ái cấu hữu với tài, sắc, danh, thực, thù... đương nhiên phải chịu cảnh luân hồi sanh tử vay trả, trả vay.

Đời sống của mỗi người như một dòng sông. Chiều dài dòng sông thì có khúc trong, đục, cạn, sâu, êm à, bực lưu... Dòng sống của con người cũng trải qua nhiều giai đoạn như vậy, khi vui vẻ, khỏe mạnh, hạnh phúc, khi bệnh hoạn, đau khổ, chán đời... Những sự kiện đó xảy ra, trong nhà Phật lý giải không phải tự nhiên mà có. Đó là do con người thừa tự những gì người đó gây ra trong quá khứ và những gì con người tạo ra bây giờ sẽ là nguyên nhân quả báo xảy ra cho người đó trong tương lai. Tất cả những hành vi có tính cách ác độc, xấu xa, ô nhiễm, hại người hại vật hay những hành vi thiện lương giúp người giúp đời, học hỏi tu tập khai mở trí huệ tâm linh đều được cất giữ trong Tàng thức. Khi đủ duyên thì những ô uế phẩm, hay thanh tịnh phẩm do con người tạo ra, sẽ hiện hành khiến người đó thừa hưởng quả lành hay chịu đựng quả dữ ở đời này hay nhiều đời sau... Học thuyết Nhân Quả trong nhà Phật dạy rằng không ai trốn tránh được nghiệp mình đã gây ra. Nghiệp theo con người từ đời này qua đời khác, cứ thế nó tương sanh, tương diệt, rồi lại tương sanh, và tiếp diễn mãi mãi không bao giờ dứt. Chính vì thế, con người cứ lẩn quẩn trong luân hồi sanh tử chịu khổ.

Được sanh làm người là một phúc báu lớn vì không bị đọa vào ba đường dữ. Đáng rầu như thế, nhưng con người sanh ra đời không ai giống ai. Có người xinh đẹp, thông minh, giàu có, nhưng cũng có người ngay lúc mới sanh ra đã chịu nhiều thiệt thòi về mặt thể xác hay tinh thần. Hoặc cuộc đời đang tràn ngập vui vẻ hạnh phúc bỗng dưng tai ương ập xuống không kịp trở tay... thì nên biết đó là kết quả của nghiệp do chính mình gây ra. Cho nên những ai sanh ra đời được sống trong điều kiện tốt đẹp hơn người, thì đừng quá tự đắc, quá đam mê hưởng thụ, bởi vì trong lúc say mê hưởng thụ, lòng dục khiến con người dễ dàng trở nên kiêu căng, ngạo mạn... tạo ra nhiều ác nghiệp. Khi phúc cạn rồi, thì những nghiệp xấu còn ẩn chứa trong Tàng thức đủ sức mạnh bùng lên trở quả!

Do đó, chúng ta cần có thái độ sống tốt lành hơn trong đời sống hiện tại dù ở trong hoàn cảnh nào. Theo lời Phật dạy, căn bản là "*không làm điều ác, thực hiện hạnh lành, giữ tâm ý trong sạch*", đó là cách giữ gìn cho ba nghiệp thân, khẩu, ý được thanh tịnh, để hóa giải những chủng tử xấu đang tiềm ẩn trong Tàng thức không cho nó có đủ điều kiện hiện hành. Xa hơn, cao hơn là tu tập theo hạnh các bậc thánh giả, ly dục, ly bất thiện pháp, thiền định, thiền quán phát huy trí huệ tâm linh, đến một ngày nào đó tất cả các chủng tử nhị nguyên hoàn toàn triệt tiêu, chỉ còn dòng Nhận thức không lời trong sáng thì A-Lại-Da thức chuyển thành Bạch Tịnh thức, người đó sẽ đạt được mục tiêu giác ngộ giải thoát./.

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
THÍCH NỮ HẰNG NHƯ
Mùa an cư 17/4/2022
Thiền Viện CHÂN NHƯ, Navasota, Texas

Tài liệu:

- Sách "Duy Thức Học Nhập Môn"; Bài 6: A-Lại-Da thức; Tác giả: Cổ Hòa Thượng Thích Thiện Hoa.

CHÙA BÁT NHÃ LONG TRỌNG TỔ CHỨC ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN PHẬT LỊCH 2566 - DƯƠNG LỊCH 2022

Thanh Huy

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN



Lúc 4 giờ chiều Chủ Nhật ngày 15 tháng 5 năm 2022 (nhằm ngày Rằm tháng Tư âm lịch năm Nhâm Dần) Chùa Bát Nhã do Hòa Thượng Thích Nguyên Trí, Phó Chủ Tịch Nội Vụ Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ (HĐĐH-GHPGVNTNHK), Viện Chủ Chùa Bát Nhã (tọa lạc tại số 4717 W. First St., Santa Ana, California - đây cũng là trụ sở Văn Phòng Thường Trực Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK) đã long trọng tổ chức Đại Lễ Phật Đản PL. 2566 - DL.2022.

Tham dự buổi lễ có hàng trăm Chư Tôn Giáo Phẩm, Chư Tôn Đức Tăng Ni và đồng hương Phật tử.

Chư Tôn Giáo Phẩm chứng minh có: Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Thăng Hoan, Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống nhất Hoa Kỳ; HT Thích Nguyên Trí, Phó Chủ Tịch Nội Vụ HĐĐH GHPGVNTNHK; HT. Thích Nhật Quang, Đệ Nhị Phó Chủ Tịch Nội Vụ HĐĐH GHPGVNTNHK; HT. Thích Thông Hải, Đệ Nhị Phó Chủ Tịch Ngoại Vụ HĐĐH GHPGVNTNHK; HT. Thích Minh Mẫn, Thành viên Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNHK; HT. Thích Nguyên Siêu, Tổng Thư Ký Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK; HT. Thích Nhật Huệ, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Tăng Sự GHPGVNTNHK; HT. Thích Huệ Minh, v.v...; đạo hữu Quảng Phước Huỳnh Tấn Lê, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Pháp Chế GHPGVNTN/HK, Phụ Tá Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN/HK cùng một số chư tôn đức Tăng, chư tôn đức Ni đến từ các chùa và Tự Viện Nam California, quý huynh trưởng Gia Đình Phật Tử Miền Quảng Đức, một số đại diện các hội đoàn, đoàn thể Phật Giáo, các cơ quan truyền thông.

Về phía quan khách có ông David J. Shawver, Thị Trưởng Thành Phố Stanton, bà Fancis Nguyễn Thế Thủy, Ủy Viên Giáo Dục Khu Học Westminster; ông Ted Bùi, Nghị Viên Thành Phố Fountain Valley, Ứng cử viên Dân Biểu Tiểu Bang Địa Hạt 70; cùng một số quý vị đại diện cộng đồng, hội đoàn, đoàn thể, một số các cơ quan truyền thông.

Điều hợp chương trình Đại Lễ Phật Đản do Đại Đức Thích Đức Trí.

Mở đầu chương trình với phần cung thỉnh chư tôn đức, dẫn đầu với đoàn lân, tiếp theo Phật tử đạo tràng chùa Bát Nhã cùng các em gia đình Phật tử trong đồng phục đã sắp thành hai hàng đi hai bên để cung đón chư tôn đức quang lâm lễ đài.

Tiếp theo, nghi thức chào quốc kỳ Việt Nam Cộng Hòa, Hoa Kỳ, Phật Giáo Kỳ và phút nhập Tử Bi Quán. Sau đó, các em Gia Đình Phật Tử lên Dâng Hoa Cúng Phật.

Sau lễ dâng hoa cúng Phật là lời chào mừng và cảm ơn của Hòa Thượng Viện Chủ, Trưởng Ban Tổ Chức Đại lễ Phật Đản PL. 2566-2022. Hòa thượng kêu gọi quý chư tôn đức Tăng Ni hãy đoàn kết, thương yêu nhau để góp phần hoằng dương chánh pháp tại quê người, phát huy và bảo tồn tinh thần văn hóa dân tộc, hãy sống trong lục hòa để xây dựng đạo pháp mỗi ngày một phát triển hơn. Hòa thượng không quên cảm ơn chư tôn đức tăng ni cùng Phật tử trọng chùa Bát Nhã đã hết lòng tổ chức ngày Đại lễ Phật Đản trang nghiêm như ngày hôm nay.

Sau đó Ca Sĩ Hồ Quốc Việt (Đức Khánh) lên hát bản "Việt Nam Phật Giáo Sáng Ngời hào Quang.

Tiếp theo Đại Đức Thích Đức Trí, cung thỉnh





HT. Thích Nguyên Siêu, Tổng Thư Ký GHPGVNTNHK lên tuyên đọc Thông Bạch Phật Đản PL 2566-2022 của Trưởng Lão HT. Chánh Thư Ký HĐGP/ GHPGVNTNHK. Thông Bạch đã nêu những điều quan trọng trong mùa Phật Đản như sau:

"-Mùa Phật đản, mỗi người đệ tử ai cũng nên nhìn thấy hình Phật đản sanh. Do vậy, chúng ta có hình Phật đản ở trong nhà, trong xe, hay trên face book, twitter cá nhân... Chúng ta khuyến khích con cháu của mình trang trí ngày sinh nhật của Phật trong máy computer. Xin hãy gửi những messages Phật đản cho nhau qua điện thoại. Ở Mỹ chúng ta gọi là mùa Phật đản vì sự rộng lớn và sinh hoạt ở mỗi tiểu bang có khác, do vậy chúng ta có nhiều cơ hội để nhớ, nghĩ hay tham dự ngày Phật đản. Các gia đình nên mời tất cả thành viên về chùa cùng tham dự lễ Phật đản. Hầu hết các chùa tổ chức lễ vào ngày Chủ nhật, đây là điều thuận lợi về chùa dự lễ của cả gia đình.

- Đề nghị các tự viện gửi thư Phật đản đến thành phố, học khu, trường học, bệnh viện, đại học... với nội dung, tháng 5, 2022 là tháng Phật đản của Phật giáo, chúng ta xin hướng về họ cầu nguyện sự an lành và cảm ơn họ đã mang lại những phúc lợi tuyệt vời cho thành phố của chúng ta. Chúng ta nguyện sẽ đóng góp những giá trị tinh thần để làm phong phú một nền văn hóa đa dạng cho thành phố ta đang sống. Hiện nay người Mỹ bắt đầu có nhiều thiện cảm về Đạo Phật là do những đóng góp của người đệ tử Phật tử các dân tộc Phật giáo đi dân đến đây. Chúng ta nguyện tiếp tục làm sáng ngọn đèn này.

- Năm nay ngày Rằm tháng Tư âm lịch nhằm ngày Chủ nhật, 15 tháng 5, 2022. Đây là ngày Phật đản xưa nay. Cộng đồng Phật tử Việt chúng ta chọn ngày này nguyện sống hòa bình với người thân trong gia đình và người chung quanh. Nguyện không tranh cãi, hơn thua, thị phi, hay nói xấu bất cứ ai... Một ngày sống trong tâm an lành như vậy là một ngày trồng được nhiều phước báu và chúng ta đem phước báu này hồi hướng cho cuộc chiến đẫm máu tang thương ở Ukraine sớm hòa bình. Cũng trong ngày Rằm này, xin các tự



viện kêu gọi Phật tử đóng góp tịnh tài và gửi đến Hội Hồng Thập Tự ở thành phố của mình với Memo: Giúp người dân Ukraine tỵ nạn chiến tranh.

- Hơn hai năm trong đại dịch, nhiều chùa viện mới thành lập hay đang xây cất, chắc chắn gặp nhiều khó khăn về tài chánh. Giáo hội xin quý Phật tử ở các tiểu bang hãy phát tâm ủng hộ để những ngôi chùa này vượt qua cơn khó khăn. Không ít những ngôi chùa ở Mỹ lâm vào tình huống như vậy. Vật giá giờ đây leo thang, lạm phát gia tăng, nhưng nhờ nhiều tấm lòng người con Phật, cầu xin những trú xứ mới của Tam Bảo được trụ vững..,"

Sau đó Ca Sĩ Quang Tuấn lên hát bản "Anh Đạo Vàng".

Tiếp theo là Đạo tử của Trưởng Lão HT. Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm. Trong lời đạo tử ngài nói: "Tu sĩ phải ý thức trách nhiệm trong vấn đề hoằng pháp lợi sanh, phải đem ánh sáng tri tuệ soi sáng cho dân tộc Việt Nam..."

Tiếp theo, David J. Shawver, Thị Trưởng Thành Phố Stanton, Bà Francis Nguyễn Thế Thủy, Ủy Viên Giáo Dục Học Khu Westminster lên chúc mừng ngày đại lễ Phật Đản và trao bằng tưởng lục ghi nhận những đóng góp giá trị của Phật Giáo trong sinh hoạt cộng đồng đa văn hóa.

Nghi viên Ted Bùi lên cảm ơn ban tổ chức đã cho ông có cơ hội lên kính chúc chư tôn đức tăng ni và đồng hương Phật tử một Ngày Đại lễ Phật Đản an lạc trong ánh hào quang chư Phật.

Ban hợp ca chùa Bát Nhã lên hát bản "Trăng tròn tháng Tư".

Sau đó Đại Đức Thích Quảng Sơn, thay mặt ban tổ chức lên cảm tạ Chư Tôn Giáo Phẩm chư tôn đức tăng ni đã quang lâm tham dự ngày đại lễ hôm nay.

Tiếp theo Nghi thức Lễ Phật Đản, ban tổ chức cung thỉnh một số quý chư tôn đức lên lễ đài. Tất cả cùng tụng trang kinh Khánh Đản. Sau đó là lễ tắm Phật.

Sau lễ tắm Phật, ban tổ chức cung thỉnh chư tôn đức quang lâm trai đường thọ trai và lễ cúng dường trai tăng, đồng hương Phật tử cùng dùng bữa cơm chay thân mật, thưởng thức chương trình văn nghệ do các anh chị em nghệ sĩ thân hữu trình diễn.

Như thông lệ hằng năm cũng vào ngày Rằm Tháng Tư là ngày sinh nhật của Hòa Thượng Viện Chủ Thích Nguyên Trí.

Năm nay là ngày sinh nhật lần thứ 78 đã được quý chư tôn đức tăng ni và Phật tử chùa Bát Nhã long trọng tổ chức vào lúc 12 giờ trưa tại chánh điện. Cũng nên nhắc lại sau 3 năm mang trọng bệnh, nhờ ơn Chư Phật mười phương, chư Long Thần Hộ Pháp cùng những lời cầu nguyện của chư tôn Giáo Phẩm, chư tôn đức Tăng, Ni và đồng hương Phật tử khắp nơi mà hôm nay Hòa thượng đã khỏe lại để cùng có mặt với mọi người trong ngày Đại Lễ Phật Đản 2022.

“Cõi Tâm Vào Cõi Lời” của Huỳnh Kim Quang

TÂM THƯỜNG ĐỊNH

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Huỳnh Kim Quang, pháp danh Tâm Huy, là một nhân sĩ Phật Giáo. Chúng tôi có nhân duyên quen biết anh qua những sinh hoạt Phật giáo tại Hoa Kỳ, Văn học Nghệ thuật và trong những tác phẩm của anh như: *Những Mộng Đằm Về Phật Giáo Thiên Tông* (Quốc sử Muso, Nhật Bản, do Huỳnh Kim Quang dịch Việt, 1996); *Đức Đạo Kinh* (Lão Tử, Huỳnh Kim Quang dịch Việt và chú thích, dựa trên bản mới phát hiện năm 1973, tại Tỉnh Hồ Nam, Trung Hoa, 1994); *Từ Mảnh Đất Tâm do Lotus Media xuất bản năm 2019 và Cõi Tâm Vào Cõi Lời* do Lotus Media xuất bản vào tháng 4, 2022.

Cõi Tâm Vào Cõi Lời có tựa sách thật hay, đẹp, thơ mộng và đầy triết lý, như cái bút hiệu Y Thu Am của tác giả vậy. Y, theo cái hiểu của người trong tinh thần đạo Phật là như thế; Y Thu Am là cái am đang hiện hữu “như là” giữa mùa Thu đẹp, lãng mạn, bình an và đang chuyển mùa trong cõi ta bà này. Nó như thật, như huyền, như mộng, như có như không, như lời của Thiền Sư Thanh Từ viết vào năm 1980.

MỘNG

*Gả thân mộng,
Đạo cảnh mộng.
Mộng tan rồi,
Cười vỡ mộng.
Ghi lời mộng,
Nhấn khách mộng.
Biết được mộng,
Tĩnh cơn mộng.*

Cuốn sách này cũng là một sự gợi ý, hủ nhau: hãy cùng nhau tỉnh mộng. Cái rõ-ràng-thường-biết ngay ở đây và bây giờ, trong từng văn tự của tác giả đã để tâm huyết viết và chia sẻ. Tựa sách cũng nói lên bản lĩnh tu tập và văn học của tác giả rồi. Cõi Tâm, y như trong Thập Mục Ngư Đồ, 10 bức tranh chẵn trâu, (nhà Thiền ví con trâu như tâm của con người), tác giả đã hẩn điều phọc con trâu lòng từ lúc nó còn lung lạc hoang dã cho đến khi nó thuần thực trong việc đồng áng. Và hiểu xa hơn là tâm tác giả có thể thông suốt những thuộc độc trong đời “tham, sân, si, mạn, nghi” của bản tâm mình và chuyển hóa để đạt an vui và hạnh phúc. Còn *cõi lời* cũng có thể là vô biên, phức tạp, đầy mạo hiểm, thế mà tác giả chấp nhận sự hiểm nguy đã thông dong vào chợ. Chính tác giả cũng đã thừa nhận trong lời nói đầu:

“Nhưng cõi tâm đi vào cõi lời vừa có lảm thú vị mà cũng không ít hiểm nguy. Thú vị vì viết lách hay diễn thuyết là một thú vui tiêu khiển hay một đam mê của con người. Đặc biệt là trong cõi văn chương, người cầm bút có được cái môi trường tự do, ít nhất trong cõi tâm của riêng mình, để sáng tạo ra những điều hay ý lạ đôi khi là thật, đôi khi là ảo – hư cấu. Trong lúc sáng tác, người cầm bút

sống trong thế giới như ảo như thật. Những ý tưởng từ trong tâm người cầm bút tuôn ra đôi khi vượt ngoài sự kiểm soát của chính tác giả mà là những điều chợt hiện, chợt biến, chợt trào ra trong khoảnh khắc bất ngờ. Đó chính là giây phút sáng tạo tuyệt vời và thú vị nhất mà người cầm bút kinh qua. Trong trạng thái bốc đồng sáng tạo tuyệt vời ấy, người cầm bút không phân biệt mình là tác giả và chữ nghĩa là tác phẩm của mình. Lúc đó chỉ có một, nhất thể.

Hiểm nguy vì cõi tâm đi vào cõi lời là cuộc hành trình mạo hiểm đầy thách thức đối với người cầm bút. Thách thức lớn nhất là tính sáng tạo. Người cầm bút nếu không có sáng tạo thì không viết ra được những điều mới lạ, hay đẹp khác với bao nhiêu người cầm bút khác. Ngoài tính sáng tạo người cầm bút còn phải có kinh nghiệm và nghệ thuật viết lách. Nhưng những điều vừa nêu chỉ là thách thức mà không phải là hiểm nguy đối với người cầm bút. Hiểm nguy đối với người cầm bút là bị cuốn hút hay bị quay cuồng trong cõi tâm thác loạn của vọng tưởng và cõi lời quẩn chặt vào danh ngôn. Lúc ấy, cõi tâm và cõi lời như cặp bài trùng làm nhân làm duyên đưa đẩy nhau càng lúc càng lao vào cõi đảo điên của pháp sinh diệt, hư nguy mà cứ tưởng là thật.” (Trang 9).

Người đọc cứ ngỡ như tác giả đang “vấn dĩ tài đạo”, nhưng không, chính tác giả đã không trụ ở hai bờ đối đãi, tiêu cực-tích cực, có-không, còn-mất. Chính tác giả đã nhận chân:

“Bản thể của ngôn ngữ là rỗng lặng, là không. Văn tự cũng như ngôn thuyết được cấu thành bởi nhiều yếu tố: chữ, lời, ý tưởng, người viết hay nói, người đọc hay nghe, v.v... Chữ hay lời cũng được cấu thành bởi nhiều yếu tố: từng chữ cái, từng phát âm, nhiều chữ hay nhiều lời nói thành câu. Khi một chữ được viết ra hay một lời được nói ra nó đi vào quá khứ, tức đã diệt, không còn tồn tại trong hiện tiền. Một câu được viết hay nói ra nếu không được liên kết lại bởi người đọc hay người nghe thì chúng biến mất vào quá khứ. Cho nên câu viết hay nói tồn tại đối với người đọc hay người nghe không phải là chân thân hiện tiền của câu của chữ mà là sản phẩm của tâm thức. Tâm trong tình trạng này cũng chỉ là tập hợp của những ý niệm, ký ức. Nhưng cái gì được cấu thành bởi nhiều yếu tố hay điều kiện mà nhà Phật gọi là duyên thì cái đó chỉ là một tập hợp giả danh, không có thật thể, không thật hữu, là không. Như vậy, tận cùng của ngôn ngữ là rỗng lặng, là giải thoát.” (Trang 10).

Vì thế, tác giả viết như một lối hành thiền-nhận chân vào cửa pháp, bất nhị - tánh không.



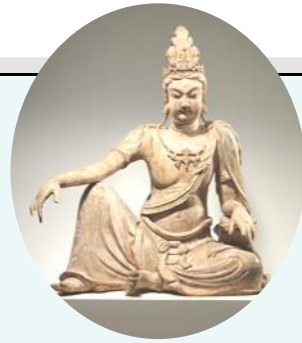
Còn ta những người đọc có thể thấy được tinh thần nhập thể, đem Đạo vào đời của tác giả thật đáng trân trọng, yêu quý và tuyên dương. Hãy đọc một số bài trong một 100 trang đầu như, *Câu Chuyện Về Cuộc Đời Đức Phật, Bhikkhu Bodhi* | Huỳnh Kim Quang Dịch Việt; *Độc Sách 'thiền Định Phật Giáo, Khởi Nguyên Và Ảnh Hưởng' Của Hòa Thượng Tuệ Sỹ; Thiền Sư Daisetsu Teitaro Suzuki, Người Đưa Thiền Vào Mỹ* | Huỳnh Kim Quang Dịch Việt; *Khái Luận Về Văn Học Phật Giáo; Ảnh Hưởng Của Phật Giáo Đối Với Nền Văn Học Mỹ; Đọc Vài Bài Thơ Về Mẹ Trong Mùa Vu Lan; 200 Năm Nguyễn Du Qua Đời, Đọc 'Phân Kinh Thạch Đài'; Giới Thiệu Văn Học Của Người Mỹ Bản Xứ; Emily Dickinson, Nhà Thơ Ấn Độ, Trong Cõi Thơ Vô Ngã; Đọc Bài Thơ 'giấc Mơ Hoang Vu Về Một Bất Đầu Mới' Của Nhà Thơ Lawrence Ferlinghetti Vừa Qua Đời; Đầu Thu Đọc Truyện 'chóm Thu' Của Nhà Văn Louis Bromfield; Fyodor Dostoevsky, 'Brothers Karamazov' Và Chuyện Tiên Thân Đức Phật...*

Ở đây, chúng ta thấy cái uyên thâm sâu viết của người viết. Anh quả là một người đọc sâu, hiểu rộng. Cái rộng và cái rộng rang của nhà Phật anh điều nắm chắc để từ đó viết để chia sẻ như viết từ cõi tâm trong. Hãy đọc tiếp đi, rồi chúng ta sẽ tìm gặp...

"Ernest Hemingway Và Nỗi Cô Đơn Của Lão Ngư Ông; Harriet Beecher Stowe và 'túp Lều Chú Tom' Đang Cháy; Lễ Halloween Đọc Truyện Ma 'the Shining' Của Stephen King; Nobel Văn Chương 2019 Olga Tokarczuk, Người Kể Chuyện Tử Tế; Khôi Nguyên Nobel Văn Chương 2020, Louise Glück Sinh Ra Để Làm Thơ; Năm Mới 2021 Đọc Thơ Tân Niên Của Nhà Thơ William Stanley Merwin; Nhà Văn F. Scott Fitzgerald Và Cuốn Tiểu Thuyết Lớn Của Mỹ 'the Great Gatsby'; Nhà Văn Larry Mcmurtry, Người Bảo Vệ Quyền Tự Do Ngôn Luận, Vừa Qua Đời Ở Tuổi 84; Nhà Văn Mỹ Gốc Phi Châu Alex Haley, Vinh Và Nhục Của 'nguồn Cội'; Nhà Văn Eric Carle Và Truyện Tranh Thiếu Nhi Nổi Tiếng Thế Giới 'the Very Hungry Caterpillar'; Nhà Văn Beverly Cleary, Người Tạo Ra Nhiều Nhân Vật Nổi Tiếng Trong Văn Học Thiếu Nhi Như Henry Huggins, Ramona Quimby; Lưu Hiểu Ba Và Tình Yêu Bên Trong Bức Tường Xám; Đọc '909 Bài Thơ Ba Dòng' Của Nguyễn Hưng Quốc Như Mật Thất Đọc Bí Kíp Thơ; Nhà Thơ Hoa Nguyễn Và 'một Ngàn Lần, Bạn Đã Mất Bảo Vật Của Mình'; Cười Với Milan Kundera Qua 'Cái Cười & Sự Lãng Quên' do Trịnh Y Thư dịch; Eve Ensler, Đóa Sen Vươn Lên Từ Bùn; Henry David Thoreau Và Phong Trào Bất Tuân Dân Sự; Di Sản Âm Nhạc Của Người Mỹ Gốc Phi Châu."

Sẽ tìm gặp một Tâm Huy-Huỳnh Kim Quang. Thôi, cứ đọc, cứ cảm nhận và lãnh thọ. Hãy đọc thật chậm, từng bài và đọc lại từng đoạn nếu có thể. Trong một cõi lòng cởi mở, sự tỉnh giác của tâm, bạn sẽ thấy được "nhi hưng đại bi tâm" của chính mình.

Có thể nói tác phẩm này cũng là di sản trong văn học Phật giáo tại hải ngoại nói riêng và cho văn học Phật Giáo Việt Nam nói chung. Xin được trân trọng giới thiệu và trân quý đến tác giả và những ai có hữu duyên đọc tác phẩm này. Vây nhé. Không bàn nữa. Hãy đọc từ từ bạn nhé. Cầu chúc cho mọi người và mọi loài đều an lành.



NƠI NÀO LẠNH NHẤT!

*Nơi nào tiệc rượu?
Nơi nào vui chơi?
Chỉ xin một phút
Thể hiện Tình Người
Hương tâm về chốn
Đạn nổ, bom rơi
Một lời cầu nguyện
Bình an hiện đời.*

*Tiếng cười có át,
Tiếng đạn bom rơi
Lấn tiếng súng nổ
Ukraine tả tơi!!!
Chiến tranh tàn khốc
Có chăng bù người?
Ai người mở tiệc,
Ai người ban vui!!!*

*Già trẻ, lớn bé
Mỗi phút, mỗi giây
Địa ngục trước mắt
Chết chẳng toàn thân!
Xin Chư Phật dẫn
Hồn về Phương Tây
Làm người chung kiếp
Nghịch riêng vui đây!*

*Lạnh nhất nào phải
Bắc Cực xa xôi
Mà là nơi chốn
Thiếu vắng Tình Người!*

*Nghe tiếng kêu thương
Quan Âm thị hiện
Cam-lộ từ bi
Ngài tùy phương tiện!*

thơ HẠNH CHI

KIÊN TRÌ TU TẬP DẸP BỐT "CÁI TA"

(PHẦN 1)

Tâm Lương Đào Mạnh Xuân

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Đọc, sàng lọc lấy điều hay.
Thực hành tha thiết: đổi thay cuộc đời.
Phước lành hồi hướng về nơi:
Quê hương Cực Lạc: cuối đời vãng sanh.

Mọi người ai cũng có phần "TÔI".
Bỏ được "CÁI TÔI", đắc Thánh rồi.
Cần học ở đây: "TÔI" đẹp bớt.
Cho đời bớt khổ, vậy xong thôi.

"CÁI TA" tại ngược nhất trần đời!
Đẹp nó không xong, họa chẳng chơi.
Tất cả phải tin, đây sự thật.
Nếu không... Âm phủ đọa nhiều nơi.

Người TA lớn dễ nhận ra ngay:
Chẳng nhận lỗi, không xin lỗi ai.
Lại muốn đim người tài giỏi nữa.
Rời đời xuống đốc sớm, đầu sai!

Đẹp được CÁI TA, phải đứng đầu.
Cổ TU, NGÁ CHẬP chẳng còn đâu.
Đây là mẫu chốt trong đường đạo.
Hãy thực hành nhiều, kết quả mau.



Tác hại CÁI TA nhiều lắm thay!
Bệnh tim, Khẩu nghiệp,... tăng hằng ngày.
Lao tù, Cõi ác... chờ ngày đến.
Từ bỏ CÁI TA, đời khá ngay.

Ai xem TA lớn, hãy coi chừng!
Tai biến có ngày, chớ dừng dừng!
Đột quy xảy ra, nằm một chỗ.
Biết TU, điều xấu tự nhiên dừng,

Độc tố hàng ngày cứ tiết ra.
Dò TA quá lớn, chẳng sai mà.
Đó là chúng cố sinh nhiều bệnh.
Chế ngự được TA, bệnh tránh xa.

Xin mời Quý vị đọc bài thơ lục bát
dưới đây và cố gắng ứng dụng tâm
Nhẫn Nhục hay Hạn Chế Sân Hận để
đẹp bớt CÁI TA.

HỌC HẠNH NHẪN NHỤC Hay HẠN CHẾ SÂN HẬN

(1) Tập Tu để đẹp bớt CÁI TA:

(1a): Đề Nghị Cách Tập TU 1:

Áp dụng: Học Hạnh Nhẫn Nhục hay Hạn Chế Sân Hận:

Hãy biết sợ những kết quả xấu khi "CÁI TÔI" hiện diện. Vậy hãy cố gắng TU TẬP DẸP BỐT CÁI TA.

Hãy biết sợ SÂN HẬN khởi lên,
Tạo bao điều XẤU, cố trừ liền.
Đó là cách TẬP TU hay lắm.
Cố gắng thực hành, TÂM nhẹ tênh.

Tội nặng thường xuyên của CÁI TA:
Làm sai đến mấy, chẳng nhìn ra.
Thế rồi, cứ vậy, làm cần mãi.
Nhận lỗi mình đi để giảng hòa.

Vì không đáp ứng được THAM, SI.
SÂN HẬN nổi lên chẳng lạ gì!
Phiền não,... hiện hình, dọa CHẬP NGÃ.
Nhận ra nhanh chóng, SÂN lia đi!

ĐỂ TÍNH việc gì cũng bỏ qua.
Hơn thua không muốn,... thích xuề xòa.
Cũng không Đố kỵ, không Đâm thọc,...
Gương tốt nên theo đẹp CÁI TA.

Giân, Sân một niệm khởi lên,
Muôn ngàn nghiệp chướng chực bên liền liền.
Vậy điều cần nhớ trước tiên:
Luyện tâm NHẪN NHỤC để yên mọi bề.

Dù ai bêu xấu, mắng chê ...
Ta xem như thể không hề chi đâu:
Chú tâm hít thở thật sâu,
Hoặc là niệm Phật nhiều câu chí thành,

Bị oan ức, Phật dạy rằng:
Không bảo chữa, nghiệp dễ dàng tiêu tan.
Thực hành: SÂN biến rất nhanh,
Còn không, nhớ thuộc rành rành lời răn:

Trách mình trước, hãy trách nhân.
Cũng làm cơn giận bội phần bớt ngay.
Hay ta tạo ác trước đây,
Nên nay quả báo lộ bày chớ chi!

Còn điều này nữa, nhớ ghi:
Có ai mắng chửi, vội chớ giận hờn,
Họ buông những tiếng độc mồm,
Chối từ không nhận, coi lòng nhẹ đi.

Làm điều này lợi những gì?
Sẽ trừ được họa, một khi im lời.
Tâm hồn an ổn thành thời,
Phát sinh trí huệ, cuộc đời vui tươi.

Còn xem "TA" lớn tựa trời,
Aị mà đưng đến, tức thời nổi sân.
Áy người ngã mạn, kiêu căng,
Độc tài, cố chấp, hung hăng làm đầu,

Gây người thân lắm khổ đau,
Chửi thề, la lối nặng sao tâm hồn.
No không ngon, giận mất khôn.
Điều hay ấy phải thường ôn trong lòng.

Cả rừng công đức mệnh mông,
Đốm SÂN hiện, đốt sạch bong chẳng còn.
Có người SÂN giết vợ, con,
Gây bao án nặng, chẳng còn tính nhân,

Lại đưa lắm bệnh vào thân:
Bệnh tim, mất ngủ bần thần canh thâu,
Huyết cao nữa,... khổ làm sao!
Quá SÂN, đứt mạch máu đầu, chết ngay.

Lửa SÂN thiêu đốt ngày ngày,
Não phiền, tức giận,... vô giày tâm ta.
Nổi SÂN miệng sẽ phóng ra,
Bao nhiêu lời ác, nghiệp ta lãnh phần.

Người SÂN, chết khổ vô ngần,
Đọa bạ đường ác, muôn ngàn đấng cay.
Ôm SÂN, quả khổ thế này!
Hãy mau cố bỏ, chớ chầy nữa chi.

Hãy làm có lợi tức thì:
Thân, tâm bớt bệnh còn gì sướng hơn.

Thành tâm kính mong Quý Bạn Đạo hữu
duyên cùng chúng tôi cố thực tập hằng
ngày HỌC HẠNH NHÂN NHỤC Hay HẠN
CHẾ SÂN HẠN để đạt được mục đích là
Đẹp Bớt Cái TA. Nếu được vậy, chúng tôi
xin đem công đức có được này hồi hướng
cho tất cả Pháp giới chúng sanh, tương lai
đều trọn thành Phật đạo.

Xin chân thành cảm ơn quý vị đã đọc bài
viết và thực hành./.



SUỐI NGUỒN VI DIỆU TAY NGƯỜI TRỞ HOA

*Nghe trong khúc nhạc hòa âm
Đời người có phải hạt mầm trót vay
Chỉ là một cánh chim bay
Làm sao che mắt lấp đầy khổ đau.*

*Con thuyền ảo giác về đâu
Hoa rơi cửa Phật nhiệm màu biết bao
Trăng soi bóng nước chân cầu
Biển xanh chợt hóa ruộng dâu bao giờ?*

*Thiện duyên ràng buộc dây tơ
Con đường giác ngộ bến bờ trùng khơi
Thế gian muôn vật đổi dời
Từ trong cõi rẻ nảy chồi đơm bông.*

*Giữ sao thanh tịnh linh hồn
Thân tâm an lạc suối nguồn từ bi
Con mưa chợt đến rồi đi
Bèo mây tan hợp chia ly vô thường.*

*Ánh vàng tràn ngập yêu thương
Vô ưu lại nở ngát hương bên trời
Trăm sông về đổ biển khơi
Suối nguồn vi diệu tay người trở hoa.*

thơ NGUYỄN AN BÌNH

PHƯỢNG THẮM HÈ XƯA

*Hoa phượng thắm rơi đầy trên sân cỏ,
Trong không gian rộn rã tiếng ve sầu,
Nhớ hè xưa nắng Saigon oi ả,
Những đường dài hun hút cuốn về đâu?*

LẤP LÁNH SAO ĐÊM

*Sau đỉnh đồi vài cụm mây lơ lững,
Chờ trăng lên mây thấp thoáng trên đầu,
Cơn gió thoảng buổi chiều vừa tắt nắng,
Ánh Sao Đêm đang lấp lánh chào nhau...*

THÁP THOÁNG TRĂNG VÀNG

*Trên dòng sông thấp thoáng ánh trăng vàng,
Lững lơ trôi kìa một chiếc thuyền nan,
Bến đục-trong bao buồn vui cảm xúc,
Thuyền về đâu hay bỏ bến lang thang?*

KỶ NIỆM NHƯ BÓNG MÂY

*Còn đâu đường xưa rợp bóng cây,
Phố cũ hè sang phượng thắm rơi,
Một thời để thương và để nhớ...
Kỷ niệm mãi mãi như bóng mây!*

TRĂNG TREO ĐỈNH NÚI

*Trăng nhớ ai, sao khi mờ khi tỏ?
Trăng tìm ai khi trăng đỏ người đâu?
Trăng hỏi người tình nghĩa có phai mau?
Trăng chờ người trăng về treo đỉnh núi...*

QUÊ XƯA TÌNH CŨ

*Chiều nay mây trắng lang thang,
Có đàn chim nhạn từng hàng về đâu?
Chim ơi cho nhận đôi câu...
Thương về quê cũ lắng sâu tình người...*

TRĂNG SÀU RƠI RỤNG

*Ngân hà trải ánh Sao Đêm,
Kính cầu lãng đãng bay vào không gian,
Vàng trắng khi khuyết khi tàn,
Trái sầu rơi rụng tan vào màn đêm...!*

thơ **HOÀNG THỰC UYÊN**
Arizona



Ngõ thoát

(tức **Phương Trời Cao Rộng 3**)

Truyện dài của **VĨNH HẢO**



VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

CHƯƠNG MƯỜI BA

(tiếp theo kỳ trước)

Ông Trọng đi khai cung về vừa kịp trước bữa cơm trưa, tức là chỉ rời phòng giam đầu chừng hai tiếng đồng hồ. Vừa cởi đồ ra, ông vừa nói:

"Có lẽ tôi sắp được thả."

"Thật sao! Mừng cho chú! Họ cho chú biết vậy hà?"

Ngồi xuống cầm ca cơm lên, xúc ăn ngốn ngáo, ông Trọng tiếp:

"Chúng không nói là mình sẽ về. Không bao giờ chúng làm vậy. Nếu có thả thì thả bất ngờ."

"Sao vậy?"

"Có gì khó hiểu đâu! Nếu cậu biết tôi sắp được tự do hẳn cậu sẽ nhờ vả tôi vài công việc nào đó, phải không? Như vậy là thông cung ra ngoài rồi còn gì. Chúng không cho cậu hay bất cứ tù nhân nào cơ hội ngàn vàng đó đâu."

"À, phải rồi. Vậy sao chú biết chú sắp được về?"

Nhóm nhàoam búng cơm trong miệng, ông nói:

"Thằng công an hỏi cung tôi trẻ măng, mới hai mươi chứ bao nhiêu! Điều tra mãi mà chẳng kết tội gì tôi được. Nó chỉ biết tôi có đến nhà ông Vạn, lãnh tù Mặt Trận Cứu Nguy Dân Tộc, một đời lần. Nó hỏi tôi gặp ông Vạn làm gì, tôi nói đến trị bệnh suyễn cho ông ấy. Rõ quá mà, ông Vạn bị bệnh suyễn thật, tôi có lão

đâu. Ông ấy là bệnh nhân, tôi là thầy thuốc, cái liên hệ bình thường đó làm sao kết tội tôi được chứ. Nói thiệt cậu nghe, tôi ở tù lần này là lần thứ năm trong đời. Việt Minh cũng bắt, Pháp cũng bắt, Diệm cũng bắt, Thiệu cũng chẳng tha, bốn lần rồi, kinh nghiệm đầy mình rồi, tui nhóc này làm quái gì được tôi chứ."

"Cháu biết. Nhưng sao chú đoán biết là sắp được thả?"

Ông Trọng vét sạch muỗng cơm cuối cùng trong ca, đưa vào miệng gợn lớn rồi mới chậm rãi nói:

"Thằng nhóc đó bị liệt dương, hoặc yếu sinh lý, đại loại như vậy. Nó hỏi tôi làm thuốc nam có biết thuốc gì trị bệnh đó không. Tôi nói, chỉ có những loại bệnh về sinh lý thì tôi chuyên môn. Nó khoái quá liền hỏi cách trị. Lúc đó, thú thật, tôi cũng quên luôn là chẳng nên chữa trị cho nó làm gì để rồi nó lại sinh ra thêm những thằng *cộng sản con* cho chật đất. Bản thân nó đã phiền quá rồi, sinh đẻ thêm làm cóc gì. Huống chi cái bệnh liệt dương hay yếu sinh lý đâu phải là bệnh chết người! Cậu nghĩ đúng không? Chữa trị hay không thì vẫn sống nhăn chứ có chết chóc gì! Nhưng rồi tôi cũng bày nó, bày một cách tự nhiên theo lương tâm nghề nghiệp ấy mà."

"Bày cách làm thuốc?"

Ông Trọng lại đưa muỗng vào ca cơm mà xúc. Ông quên rằng hạt cơm cuối cùng ông đã vét rồi. Thả rơi cái muỗng vào cái ca không, ông nói:

"Không. Thuốc của mình là thuốc gia truyền làm sao bày cho nó được! Hơn nữa, gần cả tháng trời chưa được thăm nuôi và gặp mặt vợ con, mình phải biết khai thác chứ. Tôi bảo nó, nếu cần thuốc ngay, tôi sẽ ghi cho nó vài dòng đem đến nhà đưa vợ tôi, bà ấy lấy thuốc cho mà uống. Làm vậy có cái lợi là vợ tôi sẽ biết tôi hiện bị giam ở đâu, cũng như bà ấy sẽ yên tâm là tôi hãy còn sống. Bày cho nó đi lấy thuốc là may mắn rồi còn đòi hỏi gì nữa. Nghe tôi đề nghị vậy, mắt nó sáng rỡ lên. Hề hề, nó nghe tôi nói chỉ cần vừa thoa vừa uống ba ngày thuốc thì... nói xin lỗi, cây gậy của nó sẽ cứng lên như thép, nó ham ngay!"

"Rồi chú viết thư cho tím?"

"Không. Nó nói, thôi để dành hôm nào chú về, cháu sẽ đến gặp chú lấy thuốc luôn cho bảo đảm."

"Chỉ vậy thôi mà chú đoán là sắp được về?"

"Chứ còn gì nữa! Bộ nó đủ kiên nhẫn để chờ hai, ba năm sao? Nó biết mình sắp về mới chờ chứ. Chi chớ chuyện chần chối của thanh niên trai tráng thì phải giải quyết lẹ lẹ như chữa lửa vậy. Tôi biết tâm lý các cậu quá mà," vừa nói vừa cười hả hê, ông Trọng lại cầm cái ca lên,

nhìn vào lần nữa xem còn gì trong đó không. Chắc chắn là chỉ còn cái muỗng thôi. Tội nghiệp ông.

Dù ông nói hăng say và đầy hy vọng, tôi cũng không tin lắm về khả năng ông được tự do. Tôi nghĩ, anh công an kia có thể đến nhà ông để lấy thuốc mà không cần lá thư ông viết. Vợ ông Trọng chắc chắn sẽ sẵn sàng biểu thuốc cho anh công an để lấy lòng mà hỏi thăm đôi điều về tình trạng của chồng. Điều này cũng chẳng thay đổi được gì về sự kiên ông Trọng tiếp tục ở tù.

Không muốn làm ông thất vọng, tôi giữ im lặng, không nói ra điều mình thực sự nghĩ. Tôi thừa biết rằng nỗi hy vọng được tự do của một tù nhân thật cần thiết để hấn sống.

Ông Trọng lại khua cái muỗng trong ca lần nữa khiến tôi có cảm tưởng rằng ông chưa tin đã hết cơm trong đó.

"Me kiếp, phần cơm chẳng thấm vào đâu."

Tôi chẳng biết dùng lời nào để chia sẻ với ông. Phần cơm một chén rưỡi ăn với muối đậu, quả là quá ép đối với cái thân vạm vỡ to tướng như voi của ông Trọng. Nhưng không phải sự kiện đồng cảnh ngộ của tôi và ông đã là một cách chia sẻ hay sao! Có cần phải an ủi một kẻ đói khi chính mình cũng đói như họ không? Suy nghĩ một lúc tôi mới nhận rõ rằng, thực ra tôi và ông Trọng không cùng cảnh ngộ. Sức ông ấy ăn nhiều hơn tôi, vì vậy, với một phần cơm ngang nhau, ông Trọng phải đói hơn tôi. Ông Trọng có vợ con, còn tôi độc thân, ông ấy phải khổ tâm nhiều hơn tôi. Ông Trọng không được trau luyện thường xuyên một đời sống tâm linh như tôi, ông ấy hẳn phải kém thua tôi sức nhẫn nại. Cùng một hoàn cảnh nhưng không cùng một tâm trạng đón nhận. Ông Trọng thường khuyên tôi nên chuẩn bị trước tư tưởng và nghị lực để đối phó với cái đói, cái bệnh trong bốn vách ngục. Những lần ông mở lời khuyên như thế, tôi cho ông là một kẻ giàu nghị lực. Nhưng lúc này, nhận xét của tôi về ông đã khác đi rồi. Ông chỉ là một người khoẻ mạnh chứ không phải là một người có sức chịu đựng. Dù ông ấy có lớn hơn tôi gần ba mươi tuổi nhưng thiếu nghị lực, ông ấy vẫn cứ là kẻ yếu đuối cần được an ủi. Tôi nói:

"Chú đã chịu đựng và vượt

qua được bốn lần tù tội, lần này, chú cũng sẽ vượt qua một cách vẻ vang. Họ lấy miếng ăn để đàn áp mình và nghĩ rằng mình sẽ bị bại trận vì miếng ăn. Đó chỉ là một quan niệm thuần duy vật, chỉ biết đánh giá con người và xã hội qua hệ quả kinh tế, lao động sản xuất hay dung tích của cái bao tử... Một ngày gần đây, chú được tự do và chú sẽ chứng tỏ cho họ thấy rằng họ đã sai lầm khi chủ trương bỏ đói để kiểm soát chúng ta."

Lời buông ra rồi, tôi mới thấy không phải tôi chỉ nói với ông Trọng mà chính là tôi tự nhắc nhở tôi nữa. Ông Trọng vỗ đùi đánh đét một cái, hứng chí nói:

"Phải rồi, phải rồi. Tôi chịu cậu lắm. Thanh niên như cậu mà biết chữ nghĩa như vậy thực hiếm hoi. Này nhé, chuyện này mà được tự do, bà ấy sẽ thiệt tiếc đái tù một trận thỏa thuê cho bù những ngày ăn uống kham khổ..."

Thấy tôi chưng hửng, ông Trọng giải thích:

"Không phải chỉ có vậy. Đó là bước đầu tiên thôi, vì ai ở tù về cũng được gia đình vui mừng thiệt đái cả mà. Sau đó, tôi sẽ bán nhà, đem hết vợ con về quê."

Ngưng lại đó như để cậu chuyện thêm phần hấp dẫn, ông Trọng đốt một điếu thuốc, kéo một hơi dài, rồi mới tiếp. Rõ ràng là từ lúc đi khai cung về, cái tia hy vọng nào đó đã làm phấn khích, thay đổi cả con người ông. Giọng ông đầy hứng thú, sôi nổi:

"Quê tôi ở Long Xuyên. Tôi

kể cậu nghe rồi mà, phải không? Chuyện này, để vợ con sống với bà con dưới đó; phần tôi, tôi sẽ vào chiến khu Bảy Núi, góp sức với các chiến sĩ Hoà Hào đánh lại tội này mới được. Anh em trên núi mới gọi tôi hoài đó chứ, nhưng tôi không tham gia vì nghĩ rằng chưa tới lúc và cũng tự thấy rằng lực lượng trong chiến khu hãy còn quá yếu. Tôi cũng còn bận bịu với vợ con, lại lỡ kẹt cái hộ khẩu tại thành phố nên chưa dứt khoát. Lúc này đi khai cung, gặp thẳng cán bộ trực dẫn đường hồng hách, tự đứng trong lòng cảm giận và hổ thẹn. Khi tội nó chưa chào đời thì mình đã từng một thời vùng vẫy, bây giờ bị nó nạt nộ, xô mũi, chịu sao nổi. Cậu biết không, trước năm 1975, đến Kim Chung Đại Thế Giới hỏi tên Ba Khổng Lồ ai cũng biết. Nhắc đến tên Ba Khổng Lồ là các tay anh chị sừng sỏ ở Chợ Lớn cũng phải nép mình nể sợ. Tôi đây, Ba Khổng Lồ đây. Cầm lạng mười năm nay rồi, ắn nhẩn mười năm rồi, chỉ vì muốn yên sống với vợ con và đã chặn ngăn cái thể sự rối ren lằng nhách này. Nhưng cái tội mọi rợ kia không muốn cho tôi gác kiếm ngủ say. Chúng muốn chọc khuấy cái chí tang bồng ngang dọc của tôi. Chỉ vì tình nghi một chút thôi mà chúng đây dọa tôi như vậy. Tội nghiệp vợ con ở nhà, chẳng biết phải xoay xở làm sao để sống. Hừm, tôi sẽ cho tội nó thấy thế nào là sự vùng dậy của con hùm xám Long Xuyên. Cậu biết không, trong quân đội Hoà Hào, tôi từng mang cấp bậc trung tá, tính ra tới giờ này, nếu cộng sản chưa chiếm miền nam, tôi đã mang



lon tưởng tử khuya. Tại tôi chưa chịu chịu dẫn thân thôi. Tôi mà vào chiến khu, anh em trong đó hoan nghênh phò trợ tôi ngay. Hừ, cái thân già này, trước khi chết cũng quyết đem sức hèn mà đọ với thiên mệnh. Chờ xem, khả khà, cái tội xuẩn ngốc khốn nạn kia, thả tao đi, thả cộp về rừng đi, rồi bây sẽ thấy...”

Tôi tin ông ấy nói thật, và tin rằng ông sẽ thực hiện những gì ông nói khi được ra tù. Lòng tôi rộn lên một cảm giác hứng khởi, lạc quan. Tôi nghĩ, nếu được tự do mà chưa tìm được một lực lượng nào tương đối có thực lực để cộng tác, có lẽ tôi theo ông Trọng vào chiến khu Bảy Núi của Hòa Hào là thích hợp nhất. Kinh nghiệm thất bại của thầy Tuệ Sỹ và ông Trần Văn Lương cho tôi thấy rằng hoạt động đấu tranh chống chế độ cộng sản mà không chuẩn bị trước một mặt khu để rút về khi cần thiết thì khi bị đổ vỡ, chỉ có nước rã đám, tan hàng, hoặc chấp nhận vào tù cho hết kiếp chứ chẳng còn con đường nào khác. Và thực ra, nếu trước đây có sẵn một mặt khu để rút vào mà tiếp tục đấu tranh trong hình thức khác, hẳn là tôi đã không có tư tưởng tìm nhanh con đường vào tù. Mà kỳ lạ, nửa tháng trước, tôi không hề mong nghĩ đến chuyện tự do, vì cho rằng đã vào tù cộng sản thì phải chấp nhận chuyện chung thân khổ sai hoặc sẽ bị xử bắn vào một đêm nào đó. Giờ này, nghe nói về một chiến khu, tự dưng tôi lại nảy cái hy vọng và niềm tin khó hiểu rằng, tôi sẽ được tự do một ngày nào đó, rất sớm. Tôi thành thật nói:

“Chú à, nếu một ngày nào đó, cháu tìm cách vào chiến khu Bảy Núi, anh em trong đó có chấp nhận cháu không vậy?”

Ông Trọng quay nhìn tôi, đôi mắt sáng sốt một lúc:

“Cậu? Cậu mà muốn vào chiến khu à?”

“Chú chưa tin tưởng cháu sao?”

“Không phải vậy. Con người cậu, khả năng của cậu, cần thiết cho bất kỳ lực lượng cách mạng nào, tôi biết vậy; nhưng tôi không ngờ là cái tướng thư sinh của cậu lại chịu dẫn thân vào nơi rừng thiêng nước độc, chịu đựng gian khổ... chứ cậu mà chịu vào chiến khu để góp sức với lực lượng Hòa Hào thì tôi hoan hô cả hai tay hai chân, mà chắc chắn anh em trong đó cũng hết lòng



hoan nghênh cậu đó. Ừ, phải, ở tù ra sẽ bị chính quyền địa phương quản thúc, theo dõi, mỗi ngày phải đến trình diện ở trụ sở Ủy ban Nhân dân khóm phường, chưa biết đến lúc nào mới được trả quyền công dân để sinh hoạt bình thường như người ta, vậy thì đấu tranh gì được nữa! Tại sao không vào chiến khu năm nuôi chí, chờ dịp giành lại quê hương khỏi tay tay quý này chứ! Cậu chọn lựa rất đúng. Cũng như tôi, tôi thấy chỉ còn nước rút vào chiến khu mới thỏa chí được. Tôi thật vinh hạnh được nghe cậu nói vậy. Cậu đừng ngại là tôi không tin tưởng cậu. Con người cậu trung thực, điềm đạm, nhã nhặn và có khi... uy nghiêm như một ông thầy tu. Tôi mến cậu lắm. Cậu nhớ tìm tôi khi nào được tự do nhé.”

Tôi giật mình nghe ông nhận xét về mình. Nửa tháng qua tôi chưa hề hé môi hay tỏ những hành vi, lời nói nào tỏ ra tôi là một tu sĩ. Phải chăng chân tướng của tôi đã lộ diện qua cách sống, hay ông Trọng đúng là một công an trá hình để khai thác tôi nên đã biết rõ lai lịch tôi? Nỗi nghi kỵ trong tôi lại vướn dậy nhưng tôi cố xua nó đi. Tôi nhớ rằng chỉ một tiếng đồng hồ trước đây thôi, khi ông ấy đi khai cung chưa về, tôi đã tự dặn lòng là phải sống trung thực để kêu gọi sự trung thực, sống tin yêu để kêu gọi sự tin yêu; phải bắt đầu từ chính tôi, xóa bỏ mọi hiểm nghi và thành kiến đối với kẻ khác để tiến đến sự đoàn kết, hòa hợp... Tôi không được phép sống trong sự hoài nghi. Giả như ông Trọng là một người cộng sản thì đã sao! Tôi vẫn có thể chân thành bày tỏ quan

điểm và lập trường của tôi cho ông nghe như tôi đã từng nói thẳng với Long, Sơn, và Hùng khi khai cung vậy. Người cộng sản sử dụng ông Trọng để tìm hiểu thêm được gì nơi tôi? Họ cũng chỉ thấy được một tấm lòng mà thôi. Tấm lòng ấy không nằm riêng biệt như là sở hữu của tôi mà bằng bạc trong khắp những trái tim của dân tôi, trải dài trên mảnh đất quê hương dấu yêu này. Lặng sâu trong dòng suy niệm đó, tôi giữ im lặng, không nói gì.

Ông Trọng tiếp:

“Ngày đầu tiên cậu vào đây tôi đã thấy cậu có cái nét gì tựa tựa thằng con trai đầu của tôi. Tôi nói cậu nghe về thằng con tôi chưa nhỉ? À, chưa. Nó đi tu theo phái Khất sĩ Minh Đăng Quang. Cậu biết phái này chứ hả? Ừ, pháp danh của nó là Giác Nghĩa. Năm nay nó hai mươi sáu tuổi, cùng tuổi cậu đó. Lúc nó đi tu, tôi đâu có biết, vì tôi đang ở với bà vợ sau, nó là con bà vợ trước, ở với bà ấy dưới Long Xuyên. Đùng một cái nó mặc đồ tu đến thăm tôi. Nó đi tu đầu năm 78, 79 gì đó. Thiệt tình tôi chẳng hiểu nó muốn gì. Đang lo buồn bán làm ăn với má nó, tự dưng bỏ đi tu! Hình như đi chùa, đi tu là cái một của thanh niên sau năm 1975 vậy! Nhưng nói trắng ra thì tôi cũng mừng cho nó, vì từ khi nó vô chùa thì bỏ được cái tật ham chơi lêu lộng với mấy thằng bạn trong xóm. Tu một thời gian, thấy nó cũng tiến bộ. Nó khoái thuyết pháp lắm. Chao ôi, mấy bà già nghe nó nói chuyện bà nào cũng mê. Còn tôi thì tôi nghe chẳng lọt lỗ tai. Thằng khi đó bày đặt thuyết cho tôi nữa chứ, đùng đầu nói đó, nói lung tung chẳng đâu vào đâu. Trời ơi, nhè thằng già đạo tâm đầy mình mà nó thuyết giảng chuyên rần! Né nó tu tôi chẳng phản ứng gì, nó tưởng tôi khoái cứ nói hoài. Chẳng biết có phải tại mình với nó là cha con mà mình nghe nó không được, hay tại nó nói dở. Năm ngoái nó hướng dẫn một đoàn đạo hữu Phật tử từ Long Xuyên lên Sài Gòn hành hương. Nó ghé chỗ tôi, mời tôi theo để dẫn đường đi sở thú, vườn tao đàn. Trời đất, hành hương là đi chiêm bái chùa chiền học đạo chứ phải là đi coi cộp coi khi! Bực quá tôi chẳng muốn đi nhưng nó cứ nài, buộc lòng phải đi. Chưa hết, vào sở thú, trong khi người ta ngắm



cảnh, xem thú, nó đến gốc cây ngồi thiền, lim dim đôi mắt. Hừ, gì chứ cái màn đó tôi ghét thậm tệ. Ham giảng, ham nói, thích phô trương, vụ hình thức, nó thiệt là một tu sĩ chẳng ra gì. Nhưng kỳ lạ lắm, dù nó như vậy, tôi vẫn thấy nó có cái nét gì đặc biệt, khó hiểu, mà hình như chỉ có những ông thầy tu mới có. Và cậu giống nó ở chỗ đó chứ không giống cái gì khác, vì vậy tôi mới nói là cậu có nét gì uy nghiêm hay thật thà của một ông thầy tu. Nhưng cậu thì hoạt động chính trị, lại biết ca hát thật hay, cậu không thể là một ông thầy tu. Vậy mới lạ chứ. Cho nên tôi cứ nói, cậu thật khó hiểu, khó đoán lắm.”

Tôi bật cười, chẳng biết nói gì. Tôi chưa muốn thú thật với ông ấy về xuất thân của tôi. Tôi quay lại vấn đề của ông Trọng thay vì để ông nhắm vào lai lịch cá nhân tôi:

“Ban nãy chú nói lúc trước vì lực lượng giáo phái Hòa Hào hãy còn yếu và chưa tới lúc để bắt tay hành động nên chú đã không tham gia. Rồi bây giờ, chú lại nói chú sẽ vào hoạt động trong chiến khu sau khi ra tù đợt này, vậy có phải chú đã có một nhận định khác?”

Ông Trọng suy nghĩ một lúc mới trả lời:

“Ừ, khác đi rồi. Thực ra, lực lượng còn yếu thì mình phải làm cho mạnh lên, chưa tới lúc thì phải tạo điều kiện cho tới lúc. Nếu mọi người đều khoanh tay chờ đợi cái mạnh và cái lúc thì biết bao giờ mới thành tựu đại cuộc!”

“Đúng, cháu hoàn toàn đồng

ý với chú ở điểm này. Chú nghĩ thử xem, tiến trình cách mạng từ lúc vận động dây khởi cho đến khi thành tựu giống như một đám người thay phiên nhau đẩy một chiếc xe chở nặng. Nếu không có người trước đẩy đến khoảng này thì làm sao người sau có thể đặt tay vào xe mà đẩy tới khoảng kế tiếp, phải không? Mọi cuộc cách mạng đều khởi đi từ một thiểu số quyết tâm và có chí lớn. Họ sẽ làm cái yếu trở nên mạnh và tự tạo ra vận hội mới chứ không chờ đợi thời cơ. Nếu họ chẳng may thất bại nằm xuống hoặc phải ở tù rạc xương, thì họ cũng đã làm tròn trách nhiệm đẩy chiếc xe nặng đi tới một khoảng đường rồi.”

Tôi định nói thêm nhưng thấy chưa đúng lúc, liền ngưng lại ở đó. Tôi biết có chí lớn và quyết tâm chưa đủ: người làm cách mạng còn phải có chính nghĩa. Mộng bá vương há không phải là chí lớn! Chẳng phải những nhà độc tài và giàu tham vọng như Tần Thi Hoàng, Hitler, Lenin, Stalin, Mao Trạch Đông, Hồ Chí Minh, Ngô Đình Diệm... là những kẻ có chí lớn đó sao! Nỗ lực thực hiện mọi thủ đoạn để thỏa mãn tham vọng cá nhân há chẳng phải là có quyết tâm à! Nhưng không có chính nghĩa, mọi cuộc cách mạng đều là sự vùng dậy của xuân động và vị kỷ. Mà chính nghĩa của một phong trào cách mạng là gì nếu không phải là động cơ của lương tri và lẽ phải, thúc đẩy và quy tụ

người ta dưới một ngọn cờ để quật khởi và triệt tiêu những cái sai lầm, tàn ác? Động cơ của lương tri và lẽ phải đặt trên nền tảng thương yêu và quyền lợi chung của công chúng. Kẻ làm cách mạng chân chính đứng dậy từ nền tảng đó. Thương dân tộc đau khổ mà đứng dậy chứ có phải đâu vì quyền lợi nhỏ mọn của riêng mình hay bè nhóm của mình mà chạy theo cách mạng hay khởi động một cuộc cách mạng! Cũng không phải vì lòng tự ái bị xúc phạm mà nổi điên lên đòi khởi nghĩa! Nói riêng trường hợp của ông Trọng, nếu không bị đày đoạ trong tù vì tội tình nghi hoạt động chính trị và không bị xúc phạm bởi một anh cán bộ đáng tuổi con mình, liệu ông ấy có thay đổi thái độ an phận của mình chẳng? Quả khứ ngang dọc vàng son của ông bị chọc khuấy, sự an thân của ông bị xâm tổn. Sự kiện này đã gián tiếp tác động vào quyết định làm cách mạng của ông. Tôi thấy bản ngã của ông sừng sộ đứng dậy.

Và tôi nhìn lại tôi. Nếu bản ngã của tôi cũng lắm le đứng dậy trong cùng một cách thể như vậy, tôi nhất định phải làm một cuộc “cách mạng nội tâm toàn diện” nơi chính tôi trước khi bước ra khỏi trại giam này.

Đất nước và dân tộc sẽ tiếp tục khổ đau nếu những người làm cách mạng chưa thực sự cách mạng được chính họ.

(Hết Chương 13, mời đọc tiếp Chương 14 vào kỳ báo tới)